Học kinh Phật - Trường Bộ Kinh (Thiện Nhựt Huỳnh Hữu Hồng)

Nikaya — bài lẻ & đối chiếu

BuddhaSasana budsas.net Chuyển sang dạng PDF bởi Thế Giới Phật Giáo .org (quốc tế)

HỌC KINH PHẬT (I)

TRƯỜNG-BỘ KINH Thiện Nhựt Huỳnh Hữu Hồng

Tìm Hiểu và Học Tập 2006

MỤC LỤC

Vài lời xin thưa trước. Tam tạng kinh điển Về Trường Bộ Kinh

Stt Trường Bộ Ý chánh

I. Phẩm Giới-Uẩn

01 Kinh Phạm Võng (Brahmajàla Sutta) Lưới Phạm-võng bao trùm 62 kiến-chấp

02 Kinh Sa-môn quả (Sàmanna-Phala Sutta) Các lợi-ích thiết-thực của Quả-vi Sa-môn

03 Kinh A-ma-trú (Ambbattha Sutta) Chớ hãnh-diện về dòng-họ và giai-cấp

04 Kinh Chủng Đức (Sonadanda Sutta) Thế nào mới xứng danh là Bà-la-môn

05 Kinh Cứu-la-đàn-đầu (Kutadanta Sutta) Cách tế-lễ được nhiều phước-đức.

06 Kinh Ma-ha-li (Mahàli Sutta) Thắc-mắc về Thiên-âm và về mạng-căn.

07 Kinh Xa-li-da (Jàliya Sutta)

08 Kinh Ca-diếp Sư tử hống (Kassapa-Sihanàda Sutta) Thiếu-sót của việc tu khổ-hạnh quá ép-xác Phạm-chí

09 Kinh Bố-sá-ba-lâu (Potthapàda Sutta) Cách diệt-tận các tư-tưởng.

10 Kinh Tu-ba (Subha Sutta) Ba Thánh-uẩn: Giới, Định, Huệ.

11 Kinh Kiên-cố (Kevaddha Sutta) Ba loại Thần-thông, thắc-mắc về tứ-đại.

12 Kinh Lô-già (Lohicca Sutta) Phá tà-kiến 'đừng nói pháp cho kẻ khác'.

13 Kinh Tam Minh (Tevijja Sutta) Con đường thẳng-tắp đi đến cõi Trời Phạm.

II. Đại phẩm

14 Kinh Đại Bổn (Mahà-Padàna Sutta) Huyền-sử về đức Phật Tỳ-bà-thi (Vipassi)

15 Kinh Đại Duyên (Mahà-Nidàna Sutta) Pháp Duyên-Khởi

16 Kinh Đại Bát-niết-bàn (Mahà-Parinibbàna Các ngày cuối-cùng của Phật Thích-ca Sutta)

17 Kinh Đại Thiện Kiến Vương (Mahà- Tiền-thân đức Phật là vua Đại-Thiện-Kiến. Sudassana Sutta)

18 Kinh Xa-ni-sa (Janavasabha Sutta) Nhờ tu theo Pháp Phật được tái-sanh cõi Trời

19 Kinh Đại Điên-tôn (Mahà-Govinda Sutta) So-sánh lối tu lên Trời và pháp-tu giải-thoát

20 Kinh Đại Hội (Mahà-Samaya Sutta) Tên chư Thiên đến hội để chiêm-ngưỡng Phật

21 Kinh Đế-thích Sơ Vấn (Sakka-Tanha Sutta) Vua Trời hỏi Phật 6 câu về sân và giải-thoát.

22 Kinh Đại Niệm Xứ (Mahà-Satipatthàna Sutta) Bốn phép quán-niệm: thân, thọ, tâm, pháp.

23 Kinh Tệ Túc (Pàyàsi Sutta) Phá tà-kiến "chẳng có Luân-hồi, quả-báo".

III. Phẩm Ba-lê-tử

24 Kinh Ba-lê (Pàtika Sutta) Thần-thông và Khởi-nguyên của thế-giới

25 Kinh Ưu-đàm-bà-la Sư Tử Hống Tà-giáo chẳng biết nghe lời giảng-dạy như (Udumbarika-Sihanàdà Sutta) sư-tử rống của đức Phật.

26 Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Sư Tử Hống Vua Chuyển-Luân là bực tu-hành Thánh- (Cakkavatti Sihanàda Sutta) vương, vì trị nước theo Chánh-Pháp.

27 Kinh Khởi Thế Nhân Bổn (Agganana Sutta) Thế-giới: từ sơ-khai đến lúc thành bốn giai-cấp.

28 Kinh Tự Hoan Hỷ (Sampasàdaniya - Suttanta) Lời ngưỡng-mộ Thế-Tôn, bực giác-ngộ vĩ- đại nhứt

29 Kinh Thanh Tịnh (Pàsàdika Sutta) Khác phái loã-thể, Chánh Pháp đưa tới thanh-tịnh.

30 Kinh Tướng (Lakkhana Sutta) 32 tướng đại-trượng-phu do công-đức tu đời trước

31 Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt (Singàlovàda Lễ sáu phương và các bổn-phận ở nhà, xã-Sutta) hội

32 Kinh A-sá-nang-chi (Atànàtiya Suttanta) Bản Hộ-Kinh giúp hộ-vệ các Tỳ-kheo.

33 Kinh Phúng Tụng (Sangiti Sutta) Xếp Phật-pháp ra 10 loại từ 1 pháp tới 10 pháp

34 Kinh Thập Thượng (Dasuttara Sutta) 100 pháp xếp ra 10 loại với tiêu-chuẩn Thập Thượng.

Vài lời xin thưa trước

1) Kinh Phật vừa cao-siêu vừa phong-phú, có lẽ để cả đời cũng chưa đọc hết, hiểu thấu, và thực-hành theo cho thật đầy-đủ. Muốn có được một cách nhìn tổng-quát, chính-xác và rõ-ràng, cần phải có một bản tóm-lược vừa gọn, vừa trung-thực. Những trang sau

đây là một cố-gắng nhỏ trong việc đi tìm một lối đi nhẹ-nhàng mà chắc-chắn theo con đường giác-ngộ và giải-thoát mà đấng Từ-phụ đã khai-quang.

2) Kinh Phật ghi lời vàng của Thế-Tôn, chẳng nên vì bất cứ lý-do gì sửa-đổi lời văn, thêm-bớt ý-tưởng khác vào, cho ngắn-gọn hơn; làm như thế là tỏ ra sự bất-kính đối với bậc Đại-Giác. Vì thế, đừng bao giờ tạm vừa-ý với các trang sau đây mà chẳng tìm dịp thuận-tiện đọc kỹ lại các bản Kinh trong Đại- Tạng.

3) Nếu các trang sau đây được xem như những bản nháp tạm dùng trong việc tìm hiểu và học tập Kinh Phật, thì đó thật là một hân-hạnh rất lớn-lao cho người viết.

Thiện Nhựt xin lưu-ý qúi vị vài điểm sau đây:

- Tiểu-mục "Trong trường-hợp nào, bản Kinh được thuyết-giảng?" là phần tóm-tắt đại-ý của bản Kinh;

- Tiểu-mục "Nội-dung của bản Kinh" là một cố-gắng tìm dàn-bài, với các ý quan-trọng, của bản Kinh;

- Tiểu-mục "Trích đoạn" chép nguyên-văn lời Phật, đồng thời ghi rõ thêm các ý quan-trọng trong Kinh;

- Tiểu-mục "Học Kinh nầy, chú-ý điểm nào?" là ý-kiến thô-thiển của Thiện-Nhựt mong-muốn người học Kinh chẳng bỏ qua phần lợi-lạc do bản Kinh đưa tới.

4) Muốn dùng tập sách HỌC KINH PHẬT nầy cho có hiệu-quả, xin, theo thứ-tự, làm các việc sau đây:

- Tìm đọc trước Nguyên-tác bản Kinh ghi trong Đại-Tạng;

- Đọc lướt qua phần Tóm-lược về bản Kinh trong tập sách nầy, để nắm vững ý-chánh các lời giảng-dạy của đức Phật trong Kinh;

- Gặp các danh-từ chuyên-môn về Phật-học chưa hiểu rõ, nên tra các Từ-điển. Thiện Nhựt có soạn một cuốn Tiểu Từ-điển Phật-học thông-dụng (ấn-bản 2005, Montreal) ngắn gọn, đủ để tạm hiểu các chữ khó;

- Đọc lại, lần thứ hai, phần Tóm-lược về bản Kinh trong tập sách nầy, để đi sâu vào các điểm quan- trọng về lời dạy của Thế-Tôn. Phần Tóm lược nầy đã được soạn theo cách tiệm-tiến, đi từ ý-chánh quan-trọng rồi mới đến các chi-tiết phụ khác, nhằm khai-triển ý-chánh của bản Kinh. Tiểu-mục Trích- đoạn ghi lại đoạn văn nào trong nguyên-tác cần phải đọc kỹ, để nếm hương-vị của bản Kinh.

Thiện Nhựt kính-cẩn cầu mong các bực cao-minh chỉ-dạy thêm. Montreal, 2006-03-27 Thiện Nhựt kính trình.

-ooOoo-

TRƯỜNG-BỘ KINH

001. TAM TẠNG KINH-ĐIỂN.

Giáo-Pháp của đức Phật được kết-tập lại thành Tam Tạng Kinh-Điển (Tipitaka) (tam tạng = ba cái giỏ đựng Kinh-sách), gồm có: (1) Luật-tạng, (2) Kinh-tạng, (3) Luận-tạng.

Luật-tạng ghi lại các giới-cấm của đức Phật dạy các Tỳ-kheo phải tuân theo. Kinh-tạng gồm rất nhiều bản Kinh do Phật thuyết-giảng về đường lối tu-hành. Luận-tạng bàn rộng thêm các vấn-đề được nói đến trong Kinh-tạng.

002. TRƯỜNG-BỘ KINH.

Đại-Tạng Việt-Nam, hệ Pali, riêng phần Kinh-kệ, gồm có năm Bộ-kinh lớn:

1. Trường-Bộ Kinh (Digha Nikaya),

2. Trung-Bộ Kinh (Majjhima Nikaya),

3. Tương-Ưng-Bộ Kinh (Samyutta Nikaya)

4. Tăng-Chi-Bộ Kinh (Anguttara Nikaya),

5. Tiểu-Bộ Kinh (Khuddaka Nikaya).

Trường-Bộ Kinh là bộ Kinh thứ nhứt trong Hệ Pali, Phật-Giáo Nguyên-Thủy, được Viện Nghiên-Cứu Phật-Học Việt-Nam ấn hành năm 1991, do Hoà-thượng Thích Minh-Châu soạn bản Việt-văn.

Trường-Bộ Kinh phân ra làm 3 Phẩm (Vagga), gồm có 34 bản Kinh; vì nội-dung mỗi bản Kinh khá dài so với các bản Kinh Phật khác, nên được kết-tập lại dưới nhan-đề Trường-Bộ Kinh.

1. Phẩm Giới-Uẩn (Silakkhandha Vagga Pali): 13 bản Kinh giảng về các cấp giới-luật: tiểu-giới dành cho mọi người; trung-giới và đại-giới dành cho bực tu-hành cao.

2. Đại-Phẩm (Mahà Vagga Pali): 10 bản Kinh quan-trọng nhứt về lịch-sử (như Kinh Bát-Đại Niết-bàn, Kinh Đại Bổn) và về giáo-lý (như Kinh Đại Duyên, Kinh Tứ niệm xứ).

3. Phẩm Ba-lê-tử (Pathika Vagga Pali) (Patikaputta, Ba-lê-tử là tên một tu-sĩ ngoại-đạo): 11 bản Kinh bàn về các vấn-đề khác nhau như vấn-đề vũ-trụ thành-hoại, vấn-đề bổn-phận công-dân trong xã-hội, vấn-đề tu khổ-hạnh của ngoại-đạo.

Sau đây, xin tóm-tắt nội-dung các bản Kinh, thuộc Trường-Bộ Kinh, theo thứ-tự được ghi trong ba Phẩm kể trên.

-ooOoo-

I. PHẨM GIỚI-UẨN

1. KINH PHẠM-VÕNG

003. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ĐỨC PHẬT THUYẾT KINH PHẠM-VÕNG?

Vào một thời kia, đức Phật và các Tỳ-kheo đang đi trên đường từ thành Vương-Xá đến làng Nalanda, có hai du-sĩ ngoại-đạo theo sau, thầy là Suppiya và trò là Brahmadatta, đang cãi nhau: thầy thì hủy- báng Phật, Pháp, Tăng; còn trò thì hết lòng tán-thán ngôi Tam Bảo.

Nhơn thấy các Tỳ-kheo bàn-luận về việc nầy, đức Phật khuyên các Tỳ-kheo khi nghe ai hủy-báng Phật, Pháp, Tăng, chớ nên tức-tối, phiền-muộn, mà có hại cho tâm mình. Còn khi nghe lời tán-thán ngôi Tam Bảo, cũng chớ có quá hoan-hỉ, thích-thú, vì sẽ gây trở ngại cho đường tu. Thái-độ đứng-đắn là phải nói lên sự-thật cho họ biết: trong lời hủy-báng, vạch ra chỗ nào là chẳng chính-xác; trong lời tán-thán, chỉ rõ điểm nào đã thật-sự xảy ra.

Đức Phật lại bảo, phàm-phu khi tán-thán Phật, thường nói đến các "vấn-đề không quan-trọng, nhỏ- nhặt, chỉ thuộc về giới-luật". Còn các bực biết tán-thán Như-Lai một cách chân-chánh thì mới nói đến "các pháp khác, sâu-kín, khó chứng, tịch-tĩnh, mỹ-diệu, vượt ngoài tầm lý-luận suông, chỉ những người trí mới nhận hiểu, chỉ có bực Như-Lai mới tự chứng-tri, giác-ngộ và truyền-thuyết".

Do đó, Phật thuyết-giảng Kinh Phạm-Võng để dạy về giới-luật, và các pháp cao-siêu vượt thoát được sáu mươi hai kiến-chấp vốn là các tà-kiến đã lôi kéo con người vào vòng sanh-tử khổ-đau của Luân- hồi.

004. NỘI-DUNG KINH PHẠM-VÕNG.

A. Ý chánh: PHẠM-VÕNG nghiã là: Phạm là cõi trời Phạm (Brahma); Võng là lưới; phạm-võng là màn lưới ở cõi Trời Phạm bao trùm cả vũ-trụ. Tựa như một mẻ lưới lớn quăng xuống hồ bắt trọn hết các loài cá tôm, Kinh Phạm-Võng nầy bao trùm được hết tất cả 62 kiến-chấp; chỉ có các bực "Như-Lai đã giác-ngộ chẳng còn chấp-thủ, (mới) được hoàn-toàn giải-thoát" (khỏi các tà-kiến đó).

B. Phân đoạn: Nội dung bản Kinh rất dài, có thể chia ra ba phần: (1) các giới-luật; (2) các kiến-chấp; (3) nguyên-nhân vướng vào các kiến-chấp đó và cách vượt thoát.

1. Các giới-luật là các điều răn-cấm, gồm có ba cấp: Tiểu-giới dành cho kẻ tu-hành thấp; Trung-giới và Đại-giới dành cho bực tu-hành cao.

2.- Các kiến-chấp là các tà-kiến khiến nghiệp-lực lôi-kéo kẻ dính mắc phải trôi-lăn mãi trong cõi Luân- hồi. Có tất cả 62 kiến-chấp: 18 kiến-chấp liên-quan về quá-khứ và 44 kiến-chấp liên-quan về tương- lai.

3.- Nguyên-nhân vướng vào các kiến-chấp là sự chấp-thủ vào các kinh-nghiệm do sự xúc-cảm của các căn gây nên các cảm-thọ, rồi từ thọ đến ái, từ ái đến thủ (tức là sự chấp-thủ). Nếu biết như-thật các cảm-thọ: sự tập-khởi, sự diệt-trừ, vị ngọt, sự nguy-hiểm và sự xuất-ly khỏi chúng, sẽ vượt ra ngoài các kiến-chấp đó.

005. BA CẤP GIỚI-LUẬT.

- Tiểu giới: chẳng sát-sanh, chẳng trộm-cắp, chẳng tà-hạnh, chẳng nói dối, chẳng nói hai lưỡi, chẳng nói độc-ác, chẳng nói điều vô-nghiã, chẳng ăn phi-thời, chẳng xem múa hát, chẳng nằm giường cao, chẳng nhận vàng bạc, chẳng nhận nô-tỳ, chẳng nhận gia-súc, ruộng vườn, chẳng làm môi-giới, chẳng hối-lộ, chẳng lừa đảo.

- Trung giới: chẳng làm hại các hột giống, chẳng cất chứa thức ăn và đồ dùng, chẳng dự các trò du-hí, các trò giải-trí, chẳng dùng chăn len, nệm bông,

chẳng dùng đồ trang-sức, chẳng bàn phiếm về thời-sự, chẳng biện-luận, tranh-chấp, chẳng đưa tin-tức hoặc nói lời siểm-nịnh để cầu lợi.

- Đại giới: tránh xa các tà-hạnh như xem tướng, đoán mộng, dùng bùa-chú, tránh xa các tà-mạng như tiên-đoán thời-sự, chiêm-tinh, thời-tiết, coi ngày giờ tốt xấu, dùng các ảo-thuật, chữa trị bịnh, để nuôi mạng sống, mặc dầu đã nhận của tín-thí.

Kinh nói: "... đấy là những vấn-đề không quan-trọng, nhỏ-nhặt, chỉ thuộc giới-luật mà kẻ phàm-phu dùng để tán-thán Như-Lai."

006. SÁU MƯƠI HAI KIẾN-CHẤP.

Sáu mươi hai loại kiến-chấp bị bao-trùm cả trong màn lưới Phạm-Võng, gồm có:

- 18 kiến-chấp về quá-khứ,

- 44 kiến-chấp về tương-lai.

Mười tám kiến-chấp về quá-khứ có:

- 4 luận-chấp về Thường-trú-luận;

- 4 luận-chấp về Thường, Vô-thường-luận;

- 4 luận-chấp về Hữu-biên, Vô-biên-luận

- 4 luận-chấp về Ngụy-biện-luận;

- 2 luận-chấp về Vô-nhân-luận.

Bốn mươi bốn kiến-chấp về tương-lai có:

- 16 luận-chấp về Hữu-tưởng-luận;

- 8 luận-chấp về Vô-tưởng-luận;

- 8 luận-chấp về Phi-hữu tưởng phi-vô tưởng;

- 7 luận-chấp về Đoạn-diệt-luận;

- 5 luận-chấp về Hiện-tại Niết-bàn-luận.

007. MƯỜI TÁM KIẾN-CHẤP VỀ QUÁ-KHỨ.

Các kiến-chấp liên-quan đến quá-khứ: gồm có 18 luận-chấp về quá-khứ do chủ-trương của các Sa- môn, Bà-la-môn, nhờ nhập định mà nhớ lại được đời, kiếp trước (một kiếp có nhiều đời):

* 4 luận-chấp về Thường-trú-luận: cho rằng thế-giới và bản-ngã chúng-sanh đều thường-còn mãi mãi:

- trường-hợp 1: vì nhớ được nhiều đời trước;

- trường-hợp 2: vì nhớ được nhiều kiếp trước;

- trường-hợp 3: vì nhớ được nhiều thành-kiếp, và hoại-kiếp trước (thành, hoại-kiếp có nhiều kiếp);

- trường-hợp 4: vì dựa theo óc suy-luận.

* 4 luận-chấp về Thường-trú-luận và Vô-thường-luận: cho rằng thế-giới và bản-ngã vừa thường-trú với một hạng chúng-sanh, vừa vô-thường với các hạng chúng-sanh khác:

- trường-hợp 1: từ cõi Quang-âm thiên có vị hữu-tình sanh sang cung Phạm-thiên trước nhứt, tự cho mình là chúa-tể, coi các chúng-sanh khác, sanh sau, là con cháu của mình. Vị Đại-Phạm-Thiên đó có mạng sống lâu dài, sắc-tướng đẹp-đẽ, uy-quyền rộng lớn, nên được xem là thường-hằng; còn các chúng-sanh khác thì vô-thường, phải chịu sự biến-dịch.

- trường-hợp 2: từ cõi Trời Phạm, có hạng chư Thiên vì mê-say dục-lạc, nên bị ô-nhiễm, thác-sanh xuống cõi nhơn-gian. Nhờ biết tu-hành, nhập-định, nhớ lại đời trước, nên chủ trương rằng, chư Thiên nào không say-mê dục-lạc, không bị thác-sanh thì thường-hằng; còn kẻ bị ô-nhiễm thì vô-thường.

- trường-hợp 3: cũng từ cõi Trời Phạm, có hạng chư Thiên tâm-trí bị ô-nhiễm vì đố-kỵ, nên thác-sanh xuống cõi nhơn-gian. Nhờ biết tu-hành, nhập-định, nhớ lại đời trước, nên chủ trương rằng, chư Thiên nào tâm-trí chẳng bị đố-kỵ ô-nhiễm, chẳng thác-sanh, nên thường-hằng; còn ai bị ô-nhiễm tâm-trí thì vô-thường.

- trường-hợp 4: các nhà suy-luận nhờ sự thẩm-sát, cho rằng cái gì thuộc về sắc-thân thì chẳng kiên-cố, nên vô-thường; còn những gì thuộc về tâm-thức , về bản-ngã thì thường-hằng.

* 4 luận-chấp về Thế-giới hữu-biên, hay vô-biên: (hữu-biên = có giới-hạn; vô-biên = chẳng có giới- hạn)

- trường-hợp 1: cho rằng khi nhập-định thì thấy thế-giới nầy có con đường chạy vòng quanh, cho nên đó là hữu-biên;

- trường-hợp 2: cho rằng khi nhập-định lại thấy thế-giới nầy chẳng có giới-hạn, cho nên vô-biên;

- trường-hợp 3: cho rằng khi nhập-định thì thấy thế-giới nầy vô-biên theo chiều ngang, và có giới-hạn ở bên trên và bên dưới, vì vậy cho nên vừa hữu-biên, vừa vô-biên.

- trường-hợp 4: dùng lý-luận, có vị cho rằng thế-giới nầy chẳng phải hữu-biên, chẳng phải vô-biên,

chẳng phải vừa hữu-biên, vừa vô-biên. Thế-giới nầy, thật ra, chẳng phải hữu-biên, cũng chẳng phải vô- biên.

* 4 luận-chấp về Ngụy-biện (''trườn uốn như con lươn''): do chẳng biết như-thật, nên dùng lời ngụy- biện lẫn tránh câu trả lời dứt-khoát, như:''Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là khác như thế. Tôi

không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế.'' Bốn trường-hợp ngụy- biện là:

- trường-hợp 1: vì sợ sai-lầm;

- trường-hợp 2: vì sợ bị chấp-thủ;

- trường-hợp 3: vì sợ bị thử-thách;

- trường-hợp 4: vì ngu-si

* 2 luận-chấp về Vô-nhân-luận: cho rằng thế-giới nầy và bản-ngã chẳng phải do nhân-duyên mà sanh ra (vô-nhân = chẳng vì nhân-duyên gì, tự-nhiên sanh ra):

- trường-hợp 1: có vị lấy lý-do là vì trước kia tôi chẳng có; nay tôi lại đang có; từ trạng-thái không có, nay tôi trở thành một loài hữu-tình, nên vô-nhân.

- trường-hợp 2: các nhà biện-luận do sự biện-bác, tuyên-bố, Bản ngã và Thế-giới do vô-nhân sanh.

008. BỐN MƯƠI BỐN KIẾN-CHẤP VỀ TƯƠNG-LAI.

Các kiến-chấp liên quan đến tương-lai gồm có 44 luận-chấp sai-lầm về tương-lai, được phân ra:

- 16 luận-chấp Hữu-tưởng-luận;

- 8 luận-chấp về Vô-tưởng-luận;

- 8 luận-chấp về Phi-hữu-tưởng, phi-vô-tưởng luận

- 7 luận-chấp về Đoạn-diệt-luận;

- 5 luận-chấp về Hiện-tại Niết-bàn-luận;

Các kiến-chấp nầy là chủ-trương sai-lạc về tương-lai do các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào các cảm-thọ được kinh-nghiệm qua sáu căn khi tiếp-xúc với sáu trần, rồi vì tham-ái mà sanh ra chấp-thủ.

009. MƯỜI SÁU LUẬN-CHẤP VỀ HỮU-TƯỞNG.

16 luận-chấp về Hữu-tưởng-luận chủ-trương, sau khi chết, bản-ngã con người còn có tưởng:

- bản-ngã có sắc, chẳng bịnh, sau khi chết còn có tưởng;

- bản-ngã chẳng có sắc, ...;

- bản-ngã có sắc, cũng chẳng có sắc, ...;

- bản-ngã cũng chẳng có sắc, cũng chẳng chẳng có sắc, ...;

- bản-ngã là hữu-biên, ...;

- bản-ngã là vô-biên, ...;

- bản-ngã là hữu-biên và vô-biên, ...;

- bản-ngã cũng chẳng hữu-biên, cũng chẳng vô-biên, ...;

- bản-ngã là nhứt-tưởng, ...;

- bản-ngã là dị-tưởng, ...;

- bản-ngã là thiểu-tưởng, ...;

- bản-ngã là vô-lượng-tưởng, ...;

- bản-ngã là thuần-lạc, ...;

- bản-ngã là thuần-khổ, ...;

- bản-ngã là khổ-lạc, ...;

- bản-ngã chẳng khổ, chẳng lạc, chẳng bịnh, sau khi chết có tưởng.

010. TÁM LUẬN-CHẤP VỀ VÔ-TƯỞNG.

8 luận-chấp về Vô-tưởng-luận chủ-trương bản-ngã chẳng có tưởng sau khi chết:

- bản-ngã có sắc, chẳng bịnh, sau khi chết chẳng có tưởng;

- bản-ngã chẳng có sắc, ...;

- bản-ngã có sắc, cũng chẳng có sắc, ...;

- bản-ngã chẳng có sắc, cũng chẳng chẳng có sắc, ...;

- bản-ngã là hữu-biên, ...;

- bản-ngã là vô-biên, ...;

- bản-ngã là hữu-biên và vô-biên, ...;

- bản-ngã là phi-hữu-biên và phi-vô-biên, chẳng bịnh, sau khi chết chẳng có tưởng.

011. TÁM LUẬN-CHẤP VỀ PHI-HỮU, PHI-VÔ TƯỞNG.

8 luận-chấp về Phi-hữu-tưởng, phi-vô-tưởng luận chủ-trương sau khi chết, bản-ngã chẳng phải có tưởng, cũng chẳng phải chẳng có tưởng:

- bản-ngã có sắc, chẳng bịnh, sau khi chết thì phi-hữu tưởng, phi-vô tưởng;

- bản-ngã chẳng có sắc, ...;

- bản-ngã có sắc và cũng chẳng có sắc, ...;

- bản-ngã phi-hữu sắc và cũng phi-vô sắc, ...;

- bản-ngã là hữu-biên, ...;

- bản-ngã là vô-biên, ...;

- bản-ngã là hữu-biên và vô-biên, ...;

- bản là phi-hữu biên và phi-vô biên, chẳng bịnh, sau khi chết thì phi-hữu tưởng, phi-vô tưởng.

012. BẢY LUẬN-CHẤP VỀ ĐOẠN-DIỆT.

7 luận-chấp về Đoạn-diệt-luận do các Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương rằng, bản-ngã của loài hữu-tình bị tiêu-hủy hoàn-toàn, chẳng còn gì, sau khi chết.

- vì bản-ngã có sắc, do bốn đại hợp thành, nên sau khi chết, thân hoại, chẳng còn gì nữa;

- vì còn có một bản-ngã khác, có sắc, có thiên-tánh, thuộc Dục-giới, nhưng sau khi chết, thân hoại, bản-ngã nầy cũng bị tiêu-diệt hết.

- vì còn có bản ngã khác nữa, có sắc, có thiên-tánh, thuộc Sắc-giới, nhưng sau khi chết, ...;

- vì còn có bản-ngã khác nữa, chẳng có sắc, thuộc Không vô-biên-xứ, nhưng sau khi chết, ...;

- vì còn có bản-ngã khác nữa, ... , thuộc Thức vô-biên-xứ, nhưng sau khi chết, ...;

- vì còn có bản-ngã khác nữa, ... thuộc Vô-sở-hữu-xứ, nhưng sau khi chết, ...;

- vì còn có bản-ngã khác nữa, ..., thuộc Phi-tưởng, phi phi-tưởng-xứ, nhưng sau khi chết, thân hoại, bản-ngã cũng bị tiêu-diệt hết.

013. NĂM LUẬN-CHẤP VỀ HIỆN-TẠI NIẾT-BÀN.

5 luận-chấp về Hiện-tại Niết-bàn-luận do các Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương rằng, trong hiện-tại bản- ngã của chúng-sanh có thể đạt tới cõi Niết-bàn tối-thượng:

- khi bản-ngã tận hưởng năm món dục-lạc (thú vui vật-chất) do các giác-quan mang đến;

- khi bản-ngã ấy biết lià xa các dục-lạc, đạt đến cõi Sơ-thiền;

- khi bản-ngã ấy ... đạt đến cõi Nhị-thiền;

- khi bản-ngã ấy ... đạt đến cõi Tam-thiền;

- khi bản-ngã ấy ... đạt đến cõi Tứ-thiền.

014. CÁC PHÁP SÂU-KÍN GIÚP VƯỢT THOÁT KHỎI SÁU MƯƠI HAI KIẾN-CHẤP.

62 luận-chấp (18 kiến-chấp về quá-khứ và 44 kiến-chấp về tương-lai, vừa được liệt-kệ trên đây) do các Sa-môn, Bà-la-môn dựa theo kinh-nghiệm từ nơi các cảm-thọ gây nên bởi sự tiếp-xúc giữa sáu căn và sáu trần, đưa đến sự tham-ái, rồi từ tham-ái sanh ra chấp-thủ, khiến cho bị nghiệp-lực lôi-kéo vào các nẻo tái-sanh của Luân-hồi. Họ"bị bao trùm bởi màn lưới Phạm-Võng của sáu mươi hai luận-chấp nầy, dầu có nhảy vọt lên, cũng bị hạn-cuộc bao phủ ở đấy".

Như-Lai nhờ chẳng chấp-trước vào các kiến-chấp đó, nội-tâm tịch-tĩnh, biết rõ như-thật sự tập-khởi, sự diệt-trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy-hiểm và sự xuất-ly của chúng, nên được hoàn-toàn giải- thoát. Đó là những "pháp sâu-kín, khó thấy, khó chứng, tịch-tĩnh, mỹ-diệu, vượt ngoài tầm của lý-luận suông, tế-nhị, chỉ những người có trí mới có thể phận-biệt. Những pháp ấy, Như-Lai đã tự chứng tri, giác-ngộ và truyền-thuyết.

Và chính những pháp ấy, những ai như-thật chân-chánh tán-thán Như-Lai mới nói đến".

015. HỌC-TẬP KINH PHẠM-VÕNG NHƯ THẾ NÀO?

1. HỌC KINH PHẬT chẳng phải là đọc sơ qua để biết Kinh nói về việc gì như đọc tiểu-thuyết, mà phải đọc-tụng thật nhiều lần, tìm hiểu rõ nghiã cạn, nghiã sâu và nghiã ẩn của bản Kinh. Đọc và hiểu Kinh còn chưa đủ, cần phải biết cách áp-dụng vào đời sống hằng ngày để thực-tập. Kinh Phật chẳng những dạy ta các kiến-thức, Kinh còn dạy ta lối sống giải-thoát nữa, do đó học Kinh mà chẳng thực-hành thì thiếu-sót rất lớn, còn chưa biết hưởng lợi-lạc do Kinh mang đến.

2. Kinh Phạm-Võng nêu hai điểm quan-trọng:

a.- Các giới-luật trong Phật-học: tuy chia ra tiểu, trung và đại-giới, nhưng người học Kinh Phật phải nhớ đó là các điều răn-cấm để tránh phạm các tội-ác, nên ráng giữ cho trọn, được giới nào cũng đều tốt cả.

b.- Các kiến-chấp, tuy gồm 62 luận-chấp sai-lầm, nhưng đều qui vào quá-khứ và tương-lai. Chẳng cần học thuộc để nhớ hết cả, chỉ cần biết chúng đều do sự chấp-thủ mà ra; hễ chẳng bám-níu vào và đeo- đuổi theo các cảm-thọ nơi giác-quan, thì có hi-vọng tránh được hết.

3. Tuy Kinh Phạm-Võng chẳng nói đầy-đủ về nghiệp-lực đã dẫn-dắt chúng-sanh vào các nẻo Luân-hồi, người học Kinh Phật nên biết thêm rằng, gây ra nghiệp-lực là do lời nói (khẩu-nghiệp), hành-động (thân-nghiệp) và ý-nghĩ (ý-nghiệp). Sáu mươi hai kiến-chấp nói trong Kinh Phạm-Võng là những tà- kiến tạo thành ý-nghiệp -- quan-trọng nhứt trong ba loại nghiệp -- có lẽ vì thế mà trong Kinh-Tạng, Kinh Phạm-Võng đã được chọn làm bản Kinh đầu-tiên của Trường-Bộ Kinh.

(TN - Mtl, 2006-02-11).

-ooOoo-

2. KINH SA-MÔN QUẢ

016. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ĐỨC PHẬT THUYẾT KINH SA-MÔN QUẢ?

Vào một đêm rằm sáng trăng, vua A-xà-thế (Ajàtasattu) nước Ma-kiệt-đà (Magadha) đến chiêm-bái đức Phật, bấy giờ đang ngụ tại vườn xoài của ông Kỳ-bà (Jivaka) gần thành Vương-Xá. Sau khi thuật lại những lời của sáu vị sư-trưởng ngoại-đạo đã chẳng làm thoả-mãn câu hỏi của mình về lợi-ích của việc tu-hành, nhà Vua thỉnh đức Phật chỉ rõ các kết-quả thiết-thực trước mắt mà người tu-sĩ Phật-giáo có thể gặt hái được.

Nhơn đó, đức Phật đã giảng Kinh Sa-môn quả trình-bày đường-lối tu-hành của các Sa-môn cùng những thành-quả thâu-lượm được ngay trong hiện-đời.

017. NỘI-DUNG KINH SA-MÔN QUẢ.

A. Ý chánh: Sa-môn Quả nghiã là: Sa-môn, phiên-âm chữ Pali Sàmana, tu-sĩ Phật-giáo sống bằng cách khất-thực; Quả, thành-quả, kết-quả tốt thu-lượm được sau khi tu-tập

đúng đường lối.

Trong Kinh Sa-môn quả, đức Phật sau khi nghe vua A-xà-thế thuật lại sự chẳng vừa-ý trước các lời phô-trương về đường-lối tu-tập chẳng có kết-quả rõ-ràng nào của sáu vị sư-trưởng ngoại-đạo, Ngài liền trình-bày đầy-đủ chi-tiết về các giai-đoạn tu-luyện của một vị Sa-môn, cùng các lợi-ích thiết-thực, hiện có trước mắt, ở mỗi giai-đoạn tu-chứng.

B. Phân-đoạn: Kinh Sa-Môn Quả rất dài, có thể chia ra làm ba phần:

1.- Sáu lý-thuyết của các giáo-phái ngoại-đạo chẳng làm thoả-mãn được vua A-xà-thế: (1) thuyết chẳng có nghiệp-báo, (2) thuyết luân-hồi tịnh-hoá; (3) thuyết đoạn-diệt; (4) thuyết bảy thân bất-hoại; (5) thuyết loã-thể với bốn cấm-giới; (6) thuyết ngụy-biện.

2.- Các lợi-ích của quả Sa-môn được đức Phật kể ra theo thứ-tự từ thấp đến cao: (1) được sự kính-nễ, (2) giữ được giới-đức đầy-đủ, (3) chế-ngự được các căn, (4) luôn luôn chánh-niệm tỉnh-giác, (4) sống biết đủ; (5) dẹp bỏ năm triền-cái, (6) lần-lượt chứng các cấp Thiền-định (7) đắc các thần-thông, (8) đạt được lậu-tận-trí; (9) thân-tâm và trí-tuệ hoàn-toàn giải-thoát.

3.- Nghe xong, vua A-xà-thế tán-thán công-đức của bản Kinh nầy, xin quy-y với Phật, Pháp, Tăng và xin sám-hối tội đã giết vua-cha. Đức Phật cũng vui lòng chứng-minh sự thú-tội ấy là đúng với Chánh- pháp.

018. LỢI-ÍCH TRƯỚC MẮT CỦA HẠNH SA-MÔN: ĐƯỢC MỌI NGƯỜI KÍNH-NỄ.

Đức Phật đưa ra thí-dụ, như có người nô-bộc của Vua, với lòng mến Đạo, xuất-gia đi tu làm Sa-môn, người ấy "sống chế-ngự thân, lời nói, ý-nghĩ, bằng lòng với nhu-cầu tối-thiểu về ăn mặc, hoan-hỉ sống an-tịnh". Đức Phật hỏi, nhà Vua có còn kêu vị Sa-môn đó trở lại làm nô-bộc như trước nữa chăng? Vua liền đáp: "Không ! Chẳng những thế, "con còn kính-lễ, bảo-vệ che-chở người ấy đúng theo luật- pháp."

Đức Phật nói: "Đó phải chăng là kết-quả thiết-thực hiện-tại của hạnh Sa-môn?"

019. LỢI-ÍCH THIẾT-THỰC VỀ GIỚI-ĐỨC CỦA HẠNH SA-MÔN.

Được Vua hỏi tiếp về các kết-quả thiết-thực khác, vi-diệu hơn nữa, của hạnh Sa-môn, đức Phật lần- lượt kể ra, theo thứ-tự từ thấp đến cao.

Trước hết, Ngài giảng thật tỉ-mỉ về Giới-Bổn Pàtimokkha (phiên-âm theo tiếng Hán-Việt là Ba-la-đề- mộc-xoa), gồm có: (1) tiểu-giới, (2) trung-giới và (3) đại-giới. (Các giới nầy đã được giảng rõ trong Kinh Phạm-Võng ở trước). Sa-môn giữ đúng theo ba cấp giới-luật đó, thì giới-hạnh được đầy-đủ và thanh-tịnh, nên "hưởng lạc-thọ, nội-tâm chẳng vẩn-đục."

(Giới được giữ-gìn đầy-đủ gọi là Cụ-túc-giới, giới-luật mà các Tỳ-kheo [có 250 giới], Tỳ-kheo-ni [có 348 giới] phải thọ-trì suốt đời).

020. LỢI-ÍCH THIẾT-THỰC CỦA HẠNH SA-MÔN: CHẾ-NGỰ CÁC CĂN.

Thế nào là chế-ngự (hay hộ-trì) các căn? Đức Phật dạy: "Khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung và tướng riêng. Những nguyên-nhân nào ... khiến tham-ái, ưu-bi, các

bất-thiện-pháp khởi lên, Tỳ-kheo tự chế-ngự nguyên-nhân ấy, thực-hành sự hộ-trì nhãn-căn."

Khi tai nghe tiếng, ...; mũi ngửi hương, ...; lưỡi nếm vị, ...; thân cảm xúc, ...; ý nhận-thức pháp, ...; vị ấy cũng chẳng nắm giữ tướng chung và tướng riêng ...

"Nhờ sự hộ-trì cao qúi các căn, vị ấy hưởng lạc-thọ, nội-tâm chẳng vẩn-đục."

021. LỢI-ÍCH THIẾT-THỰC CỦA HẠNH SA-MÔN: CHÁNH-NIỆM TỈNH-GIÁC VÀ SỐNG BIẾT ĐỦ.

Thế nào là chánh-niệm tỉnh-giác? Đức Phật dạy: "Tỳ-kheo khi đi tới , đi lui, đều tỉnh-giác; ... khi ăn, uống, nhai, nuốt, đều tỉnh-giác; ... khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, im-lặng, đều tỉnh-giác ..."

Thế nào là sống biết đủ? Đức Phật dạy: "Tỳ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khất-thực để nuôi bụng, đi đến chỗ nào cũng mang theo ..."

Vị ấy với giới-uẩn cao qúi, với sự hộ-trì các căn, với chánh-niệm tỉnh-giác, với hạnh biết đủ ... nên hưởng được lạc-thọ, nội-tâm chẳng vẩn-đục.

022. LỢI-ÍCH THIẾT-THỰC CỦA HẠNH SA-MÔN: XẢ-LY NĂM TRIỀN-CÁI.

Thế nào là năm triền-cái? Năm triền-cái là năm sự ngăn-che trí-huệ, gồm có: (1) tham, (2) sân, (3) thụy-miên (=mê ngủ), hôn-trầm (=dã-dượi), (4) trạo-cử, (=vụt-chạc), hối-tiếc, (5) nghi.

Về cách dẹp bỏ năm triền-cái, đức Phật dạy: vị Tỳ-kheo sau khi khất-thực và ăn xong, chọn nơi vắng- vẻ, ngồi kiết-già, lưng thẳng, và an-trú chánh-niệm trước mặt. Vị ấy từ bỏ tham-ái ở đời, sống với tâm ly-tham; từ bỏ sân-hận, sống với tâm vô-sân, từ-mẫn; từ bỏ hôn-trầm và thụy-miên, sống với tâm hướng về ánh-sáng, chánh-niệm, tỉnh-giác; từ bỏ trạo-cử và hối-tiếc, gột rửa tâm hết trạo-cử và hối- tiếc; từ bỏ nghi-ngờ, lưỡng-lự, phân-vân, gột rửa tâm hết nghi-ngờ đối với các thiện-pháp.

Vị ấy lại quán-tưởng năm triền-cái kể trên như là món nợ, như là bịnh-hoạn, như là tù-ngục, như là thân-phận nô-lệ, như là bãi sa-mạc nguy-hiểm; nên nay cố gắng diệt-trừ chúng, xả-ly chúng và nhờ đó mà sanh tâm hân-hoan.

023. LỢI-ÍCH THIẾT-THỰC CỦA HẠNH SA-MÔN: CHỨNG-ĐẮC BỐN CẤP THIỀN-ĐỊNH.

Bốn cấp thiền-định là: Sơ-thiền, Nhị-thiền, Tam-thiền và Tứ-thiền. Đức Phật dạy: Khi quán tự-thân đã xả-ly năm triền-cái, tâm vị Tỳ-kheo sanh hoan-hỷ, thân được khinh-an; vì lạc-thọ sanh, tâm trở nên định-tĩnh, lần-lượt đạt đến các cấp Thiền-định.

- Tỳ-kheo ly dục, ly ác-pháp, chứng và trú SƠ-THIỀN, "một trạng-thái hỷ-lạc DO LY DỤC SANH, với tầm, với tứ."

- Tỳ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú NHỊ-THIỀN, "một trạng-thái hỷ-lạc DO ĐỊNH SANH, nội tĩnh nhứt- tâm".

- Tỳ-kheo ly hỷ, trú xả, chánh-niệm tỉnh-giác, thân-tâm cảm được "xả-niệm lạc-trú", chứng và trú TAM-THIỀN, "một trạng-thái LẠC-THỌ KHÔNG CÓ HỶ."

- Tỳ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm-thọ trước, chứng và trú TỨ-THIỀN, "một trạng-thái chẳng khổ, chẳng lạc, XẢ NIỆM THANH-TỊNH."

Đó là "quả thiết-thực hiện-tại của hạnh Sa-môn, còn vi-diệu, thù-thắng hơn những quả trước".

024. LỢI-ÍCH THIẾT-THỰC CỦA HẠNH SA-MÔN: HƯỚNG TÂM ĐẾN CHÁNH-TRÍ.

Đức Phật dạy: "Với tâm định-tĩnh, thuần-tịnh, dễ sử-dụng, vững-chắc, bình-thản, Tỳ-kheo hướng-dẫn tâm đến CHÁNH-TRÍ, CHÁNH-KIẾN. Vị ấy biết: thân nầy là sắc-pháp, do bốn đại (mà) thành, biến- hoại vô-thường, trong thân ấy THỨC ta lại nương-tựa vào và bị trói buộc."

Đó là "quả thiết-thực, hiện-tại của hạnh Sa-môn, còn vi-diệu và thù-thắng hơn các quả trước."

025. LỢI-ÍCH THIẾT-THỰC CỦA HẠNH SA-MÔN: CHỨNG CÁC THẦN-THÔNG VÀ ĐƯỢC GIẢI-THOÁT.

Với tâm định-tĩnh, thuần-tịnh, dễ sử-dụng, vững chắc, Tỳ-kheo hướng-dẫn tâm đến các thần-thông:

- hoá-thân hiện hình qua vách, núi; lặn sâu dưới đất liền, đi trên mặt nước, bay trên hư-không ...

- thiên-nhĩ-thông có thể nghe được tiếng chư Thiên và Người, xa và gần ...

- tha-tâm-thông biết được tâm-trạng của kẻ khác ..

- túc-mạng-minh biết được nhiều đời kiếp trước ...

- thiên-nhãn-thông thấy sự sống-chết của chúng-sanh và hành-nghiệp của chúng ...

- lậu-tận-trí biết được như-thật thế nào là Khổ, Tập, Diệt, Đạo? thế nào là thoát khỏi các dục-lậu, hữu-lậu và vô-minh-lậu? ...

Nhờ nhận-thức được như vậy, vị ấy biết: "Ta đã giải-thoát. Sanh đã tận, phạm-hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; sau đời hiện-tại, Ta chẳng còn đời sống nào khác nữa."

Không có một quả thiết-thực hiện-tại nào vi-diệu và thù-thắng hơn quả-vị giải-thoát nầy của hạnh Sa- môn.

026. HỌC KINH SA-MÔN QUẢ NHƯ THẾ NÀO?

1.- Chữ Sa-môn có ba nghiã chánh: (1) cần-giả nghiã là người siêng làm việc lành; (2) tức-giả, nghiã là người ngưng làm tất cả việc ác; (3) bần-giả, nghiã là người cam chịu nghèo-khó để tu-tập đến ngày được hoàn-toàn giác-ngộ và giải-thoát.

2.- Trọng-điểm của Kinh Sa-môn quả là: đức Phật giảng tỉ-mỉ về (a) các giới-luật mà vị Sa-môn phải tuân theo suốt đời; (b) đường-lối tu-hành theo Chánh-pháp mà vị Sa-môn

tập-luyện để lần-lượt thâu- lượm được các lợi-ích thiết-thực ngay trong hiện-đời.

3.- Lời Phật giảng trong Kinh nầy tóm lại chỉ có ba điều: Giới, Định, Huệ. Nhờ giữ giới đầy-đủ, thân- tâm an-lạc nên sớm đắc định-lực. Nhờ có định-lực, vị Sa-môn lần-lượt chứng các thần-thông, đồng thời Trí-huệ chiếu sáng lên, cắt đứt các phiền-não, dẹp xong các lậu-hoặc mà được hoàn-toàn giải- thoát.

4.- Có hai điểm phụ nhưng cũng nên lưu-ý khi đọc Kinh Sa-môn quả:

a.- Vua A-xà-thế "sợ-hãi, kinh-hoàng, tóc dựng lên" khi đi đến gần vườn xoài, nơi đức Phật và các vị Tỳ-kheo ngụ: một sự im-lặng tuyệt-đối "giữa một đại-chúng gần một ngàn hai trăm năm mươi vị, mà không có một tiếng đằng-hắng, không có một tiếng ho, không có một tiếng ồn". Một cảnh-tượng tu- hành thật trang-nghiêm và vi-diệu !

b.- Trước mặt đức Phật, Vua A-xà-thế thú-tội đã giết vua-cha để giành ngôi. Theo Kinh-sách, đây là tội ngũ-nghịch, phải sa vào địa-ngục, sau khi chết. Nhưng đức Phật đã từ-bi mà "chứng-minh sự thú- tội đúng với Chánh-pháp". Sau khi vua A-xà-thế vừa ra về, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: "Tâm vua ấy rất ăn-năn... nếu vua ấy chẳng hại mạng cha, thì tại ngay chỗ ngồi này, vua ấy đã chứng được pháp- nhãn thanh-tịnh, không cấu-uế."

(TN, Mtl, 2006-02-14).

-ooOoo-

3. KINH AMBATTHA.

027. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ĐỨC PHẬT GIẢNG KINH AMBATTHA?

Vào một thời kia, đức Phật và các Tỳ-kheo du-hành sang nước Câu-tát-la (Kosala) và ngụ tại khu rừng làng Icchànankala. Nghe tiếng đồn tốt-đẹp về Tôn-giả Gotama là bực A-la-hán, Chánh-đẳng-giác, có vị Bà-la-môn giàu-sang, thông-thái, tên là Pokkharasàdi sai người đệ-tử giỏi, thanh-niên Ambattha, đến yết-kiến đức Phật để xem coi Ngài có đủ ba mươi hai tướng của bực đại-nhân chăng. Ambattha quá ngạo-mạn về giai-cấp Bà-la-môn và dòng-dõi danh-tiếng của mình, đã tỏ ra xấc-xược với đức Phật. Trong một cuộc tranh-luận rất hào-hứng, đức Phật đã chứng-minh nguồn-gốc hạ-tiện của dòng-họ của Ambattha mặc dầu thuộc giai-cấp Bà-la-môn; và "những vị nào giới-hạnh và trí-tuệ đầy-đủ mới chiếm địa-vị tối-thắng giữa Trời và Người."

Sau khi dùng thần-thông khiến cho Ambattha thấy rõ nơi Ngài có đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc đại-nhân, đức Phật giảng cho Ambattha hiểu thế-nào là các cấp giới-luật, thế nào là vô-thượng trí-huệ. Khi trở về gặp lại sư-phụ, Ambattha bị thầy quở trách nặng-nề. Bà-la-môn Pokkharasàdi liền đến chiêm-bái đức Phật, tạ lỗi và được nghe đức Phật giảng Chánh-Pháp, rồi sau đó xin quy-y ngôi Tam- Bảo.

028. NỘI-DUNG KINH AMBATTHA.

A.- Ý chánh: Kinh Ambattha dạy ta chớ nên quá hãnh-diện về dòng họ, giai-cấp của mình.

B.- Phân-đoạn: Kinh Ambattha khá dài mà phần quan-trọng nói về các giới-luật và đường-lối tu-hành thì lại được người kết-tập Kinh qui-chiếu về Kinh Sa-Môn Quả. Kinh Ambattha có thể phân làm ba phần:

1.- Cuộc tranh-luận giữa đức Phật và Ambattha về dòng-họ Thích-ca và dòng-họ Kanhàyanà của Ambattha

2.- Đức Phật giảng về việc thành-tựu giới-đức và trí-huệ cho Ambattha nghe.

3.- Bà-la-môn Pokkharasàdi đến nghe Phật thuyết-giảng về Chánh-Pháp và xin quy-y ngôi Tam-Bảo.

029. CUỘC TRANH-LUẬN VỀ NGUỒN-GỐC CỦA HAI DÒNG-HỌ THÍCH-CA VÀ KANHÀYANÀ.

Để bác-bỏ việc Ambattha miệt-thị dòng-họ Thích-ca và việc anh ta quá tự-cao về dòng-họ Kanhàyanà của mình, đức Phật nêu rõ:

(1) ông Tổ dòng Thích-ca là vua Okkàka, vì muốn truyền ngôi cho người con yêu, nên đuổi các vị hoàng-tử khác ra khỏi nước. Họ đến sống tại một khu rừng lớn, bên hồ nước tại sườn núi Hy-mã-lạp- sơn, thành-lập một quốc-gia hùng-mạnh. Vua Okkàka khi nghe biết việc đó, mới khen các vị hoàng-tử đó là những Sakya (= cứng như lõi cây sồi).

(2) Vua Okkàka có một nữ-tì tên Disà sanh ra một người con da đen, gọi là Kanha; đó là vị tổ-phụ của dòng họ Kanhàyanà sau nầy. Như thế, Ambattha là con cháu của người nữ-tì hầu-hạ dòng Thích-ca.

Bị đức Phật gạn hỏi ba lần, có phải đúng như vậy chăng, Ambattha đành thú-nhận đã có nghe các vị trưởng-lão tôn-túc nói "nguồn-gốc của dòng họ Kanhàyanà đúng như lời Tôn-giả Gotama đã nói."

030. HỌC KINH AMBATTHA NÊN LƯU-Ý NHỮNG GÌ?

1.- Kinh Ambattha đặc-biệt nhấn mạnh đến sự dẹp bỏ tánh kiêu-mạn về dòng-dõi và giai-cấp. Bực đáng tôn-trọng chính là những vị đã thành-tựu giới-đức và vô-thượng trí-huệ.

2.- Đừng tưởng hễ "học thuộc lòng những chú-thuật của các ẩn-sĩ ngày xưa... mà có thể được xem là một ẩn-sĩ hay đã chứng địa-vị của ẩn-sĩ...". Còn phải thực-hành đúng nếp sống theo giới-luật và thành- tựu được Trí-huệ vô-thượng nữa !

Như vậy, ngày nay khi học Kinh Phật, cố công học cách đọc-tụng lên trầm xuống bổng nghe cho êm tai, hấp-dẫn, và việc nỗ-lực tìm hiểu ý-nghiã lời đức Phật dạy để áp-dụng vào đời sống hằng ngày; hai điều ấy, điều nào quan-trọng và cấp-thiết hơn?

(TN, Mtl 2006-02-15)

-ooOoo-

4. KINH SONADANDA

031. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ĐỨC PHẬT GIẢNG KINH SONADANDA?

Vào một thời kia, đức Phật du-hành tại xứ Ương-già (Anga), cùng với các Tỳ-kheo đến ngụ bên bờ hồ Gia-già liên-trì (Gaggara). Lúc bấy giờ, có một vị Bà-la-môn tên là Sonadanda, giàu-sang, danh-vọng, nghe tiếng đồn tốt-đẹp về Sa-môn Gotama, mới cùng với các đệ-tử và Bà-la-môn khác đến yết-kiến đức Phật.

Đoán biết tâm-trạng lo-ngại của Sonadanda sợ bị hỏi về các điều ông ta chẳng am-tường, đức Phật mới hỏi ông về các đức-tánh cần có của một vị Bà-la-môn xứng-đáng với danh-hiệu đó. Sonadanda kể ra năm đức-tánh: (1) huyết-thống bảy đời thanh-tịnh, (2) thông-thuộc các chú-thuật (3) thấu-suốt văn- nghiã của ba tập Kinh Vệ-đà, (4) đầy-đủ giới-hạnh, (5) học rộng sáng-suốt, và là người đệ nhứt trong các người cầm muỗng tại buổi lễ tế-thần. Được đức Phật gạn hỏi kỹ thêm, trong năm đức-tánh đó, có thể bỏ qua đức-tánh nào, và còn lại đức tánh nào quan-trọng nhứt mới xứng-đáng danh-nghiã Bà-la- môn, Sonadanda đáp: giới-hạnh cao-dày và trí-huệ sâu-rộng.

Thể theo lời yêu-cầu của Sonadanda, đức Phật giảng rõ thêm thế nào là giới-hạnh đầy-đủ và trí-huệ tối-thắng.

032. NỘI-DUNG KINH SONADANDA .

A. Ý chánh: Kinh Sonadanda nhấn mạnh việc xứng-đáng danh-nghiã Bà-la-môn, chẳng phải chỉ ở sự thông-thuộc ba tập Kinh Vệ-đà, mà còn phải có giới-hạnh đầy-đủ và trí-huệ sáng-suốt.

B. Phân-đoạn: Kinh nầy chia ra ba phần:

1. Các Bà-la-môn bàn-cãi: nên yết-kiến Phật không.

2. Sonadanda kể năm đức-tánh căn-bản xứng-danh làm Bà-la-môn; nhưng khi được Phật gạn hỏi lại, ông chỉ giữ lại hai đức-tánh: giới-đức và trí-huệ.

3. Đức Phật giảng rõ thế nào là giới-đức đầy-đủ (xem tiểu, trung, đại-giới, Kinh Phạm-Võng), và trí- huệ tối-thắng (xem các cấp Thiền, Kinh Sa-Môn Quả).

033. SỰ LIÊN-HỆ VỀ TẦM QUAN-TRỌNG GIỮA GIỚI-ĐỨC VÀ TRÍ-HUỆ.

Đây, đoạn Kinh quan-trọng về Giới và Huệ:

... Trí-huệ được giới-hạnh làm cho thanh-tịnh, giới-hạnh được trí-huệ làm cho thanh-tịnh. Chỗ nào có giới-hạnh, chỗ ấy có trí-huệ; chỗ nào có trí-huệ, chỗ ấy có giới-hạnh; người có giới-hạnh nhứt định có trí-huệ; người có trí-huệ nhứt định có giới-hạnh. Giới-hạnh và trí-huệ được xem là tối-thắng ở trên đời.... Cũng như lấy bàn tay rửa bàn tay, lấy bàn chơn để rửa bàn chơn, ... trí-tuệ được giới-hạnh làm cho thanh-tịnh; giới-hạnh được trí-huệ làm cho thanh-tịnh...

(TN. Mtl, 2006-02-16)

-ooOoo-

5 . KINH KÙTADANTA

034. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ĐỨC PHẬT GIẢNG KINH KÙTADANTA?

Vào một thời kia, đức Phật du-hành tại nước Ma-kiệt-đà (Magadha), đến ngụ tại vườn Ambalatthika ở làng Khànumata. Tại đây có một vị Bà-la-môn tên là Kùtadanta muốn thiết-lập một tế-đàn với nhiều

thú-vật sẽ bị giết, để cúng-tế cầu phước. Kùtadanta nghe nói đức Phật biết rõ "ba tế-pháp và mười sáu tế-vật", nên muốn đến thưa hỏi.

Nhơn đó, đức Phật giảng Kinh nầy, chỉ rõ các nguyên-tắc hướng-dẫn sự cúng-tế, chẳng cần giết chóc thú-vật, mà cũng có thể đem lại nhiều phước-báo. Rồi đức Phật giảng thêm về sự bố-thí thường-xuyên, tứ-sự cúng-dường, sự dâng-cúng một tu-viện cho Tăng-già, sự quy-y ngôi Tam-Bảo, sự thọ-trì các giới-luật, sự tu-tập các cấp thiền-định... "là những tế-đàn ít phiền-tạp, ít nhiễu-hại mà mang lại nhiều kết-quả lợi-ích hơn."

035. NỘI-DUNG KINH KÙTADANTA.

A. Ý chánh: Kinh Kùtadanta chỉ dạy cách cúng-tế, chẳng cần giết thú-vật để tế, mà lại đưa đến nhiều phước-báo.

B. Phân đoạn: Kinh rất dài thuật cách tế-lễ thời xưa, có thể chia ra làm bốn phần:

1.- Kùtadanda bàn-luận với các Bà-la-môn về đại-danh và đức-độ của đức Phật, trước khi đến yết-kiến;

2.- Đức Phật giảng 3 tế-pháp và 16 tế-vật .

3.- Các tế-đàn ít phiền-tạp mà nhiều quả-báo hơn.

4.- Kùtadanda xin quy-y Tam-Bảo và được đức Phật giảng cho nghe Chánh-pháp.

036. THẾ NÀO LÀ 3 TẾ-PHÁP VÀ 16 TẾ-VẬT?

Trong Kinh nầy, đức Phật thuật lại lễ tế-đàn của Vua Mahàvijita, ở kiếp quá-khứ, theo đúng 3 tế-pháp và 16 tế-vật.

Vị Bà-la-môn chủ-tế khuyên nhà Vua trước khi thiết-lễ, nên mở kho cung-cấp vật-liệu, tiền-của, cho các tầng-lớp dân chúng để họ làm ăn yên-ổn, khiến cho nước hết tai-ương và trở nên hùng-cường. Sau đó, thông-báo việc tế-lễ đến bốn đại-chúng (đại-thần, Sát-đế-lợi, hoàng-tộc, gia-chủ) để họ biết mà tán- thành.

Vị chủ-lễ giảng: Trước khi, trong khi và sau khi lễ tế-đàn, nhà Vua chớ để tâm hối-tiếc của-cải bị tiêu- hao. Đó là ba tế-pháp được làm tại buổi lễ tế.

Trong khi làm lễ tế, vị chủ-lễ bằng mười sáu cách đã khuyến-giáo, khích-lệ, khiến tâm nhà Vua được hoan-hỷ: từ việc làm cho dân-chúng được an-vui và quốc-gia hùng-mạnh, sự tán-thành của bốn tầng- lớp xã-hội, cho đến mười đức-tánh cao-qúi của nhà Vua và bốn đức-độ cao-dày của vị chủ-lễ. Đó là các điểm được xem như mười sáu món tế-vật đem ra hiến-cúng.

037. THẾ NÀO LÀ CÁC TẾ-ĐÀN KHÁC, ÍT PHIỀN-TẠP MÀ ĐEM LẠI NHIỀU PHƯỚC-BÁO?

Dụng-ý của Kinh Kùtadanta là, nhơn việc giết thú-vật để cúng-tế, giảng rõ các pháp-tu trong đạo Phật được xem như những phẩm-vật qúi-báu đem dâng-hiến, để được nhiều

phước-báo, vừa ít phiền-tạp, tránh được sát-sanh, mà đem lại nhiều lợi-ích thiết-thực cho đường tu.

Theo thứ-tự từ thấp đến cao, kể ra trong Kinh:

- hạnh bố-thí: thường-xuyên hiến-tặng của-cải, công-sức, lời an-ủi đến kẻ nghèo-khó cần sự giúp-đỡ;

- tứ-sự cúng-dường: hiến-cúng cho các tu-sĩ: (1) thực-phẩm; (2) quần-áo; (3) thuốc-men; (4) chỗ ở;

- dâng-hiến tịnh-xá, tu-viện cho Tăng-Ni-đoàn;

- quy-y ngôi Tam-Bảo;

- thành-tựu giới-hạnh thanh-tịnh;

- chứng và an-trú trong các cấp thiền-định.

038. ĐIỂM CẦN CHÚ-Ý KHI HỌC KINH KÙTADANTA.

Kinh Kùtadanta nhằm phá bỏ cổ-tục cúng-kiến để cầu phước. Sự giết hại sanh-vật để cúng-tế thần-linh cầu xin ban phước là một hình-thức hối-lộ thần-thánh, gây thêm tội sát-sanh. Nếu biết thực-hành đúng theo Chánh-Pháp, thành-tâm giữ GIỚI-đức đầy-đủ, siêng tu thiền-ĐỊNH, phát-triển trí-HUỆ, thì việc được giác-ngộ và giải-thoát và chứng-đắc Niết-bàn an-tịnh mới thật là các "phẩm-vật" qúi-báu đem dâng-hiến ngôi Tam-Bảo.

(TN. Mtl, 2006-02-17).

-ooOoo-

6. KINH MAHÀLI 7. KINH JÀLIYA

039. TRONG TRƯỜNH-HỢP NÀO PHẬT GIẢNG KINH MAHÀLI?

Vào một thời kia, đức Phật và các Tỳ-kheo ngụ tại nước Tỳ-xá-ly (Vesali), nơi giảng-đường Trùng- Các, rừng Đại-Lâm. Trong số những người đến yết-kiến đức Phật lúc bấy giờ, có Mahàli, người xứ Licchavi, trình-bày sự thắc-mắc của người bạn tu-tập thiền-định, thấy được các thiên-sắc, nhưng chẳng nghe được các thiên-âm. Mahàli hỏi đức Phật, các thiên-âm có thật không?

Đức Phật bảo, các thiên-âm có thật và nhơn đó, Ngài giảng về sự đắc thiên-nhãn khi tu thiền nhứt- hướng, còn người tu thiền nhị-hướng mới đắc được cả hai thiên-nhãn-thông và thiên-nhĩ thông. Sau đó, Ngài còn giảng thêm về Bát-Chánh-Đạo, con đường tám ngành, đưa đến sự chứng-ngộ các pháp còn cao-thượng và thù-thắng hơn.

040. NỘI-DUNG KINH MAHÀLI (VÀ KINH JÀLIYA).

Kinh Mahàli tương-đối ngắn hơn các bản Kinh khác trong Trường-Bộ Kinh, nhưng nội-dung lại chứa đến hai bản Kinh: kinh Mahàli và kinh Jàliya (Trường-Bộ Kinh chỉ

ghi tên của Kinh Jaliya, mà chẳng ghi nội-dung đầy-đủ). Có thể chia ra làm ba phần:

1.- Các vị Bà-la-môn và Mahàli ngồi đợi đức Phật ra tiếp-kiến.

2.- Đức Phật giải-đáp thắc-mắc của Mahàli về các thiên-âm. Ngoài việc chứng-đắc các thần-thông: thiên-nhãn và thiên-nhĩ, đức Phật còn giảng thêm về ba quả-vị đầu-tiên của hàng Thanh-văn nữa, bằng cách diệt-trừ năm hạ-phần kết-sử.

3.- Nhắc đến Bát-Chánh-Đạo, đức Phật thuật lại bài pháp đã giảng cho du-sĩ ngoại-đạo Jàlika về vấn- đề mạng-căn và thân-thể là một hay khác. (đây là nội-dung của Kinh Jàlika).

041. CÁC THẦN-THÔNG THIÊN-NHÃN, THIÊN-NHĨ.

Giải-đáp thắc-mắc của Mahàli về thiên-âm, đức Phật xác-nhận các thiên-âm có thật, chỉ những người tu-tập thiền-định nhị-hướng mới vừa thấy các thiên-sắc (=hình-sắc ở cõi Trời) và các thiên-âm (= âm- thanh ở cõi Trời). Tu định nhứt-hướng là khi nhập-định, hành-giả chỉ hướng-dẫn tâm, hoặc đến các thiên-sắc, hoặc đến các thiên-âm; còn người tu định nhị-hướng mới đắc cả hai thần-thông: thiên-nhãn và thiên-nhĩ.

042. BỐN QUẢ-VỊ Ở CẤP THANH-VĂN.

Thanh-văn, tiếng Pali là Sàvaka, là các đệ-tử Phật, sống gần đức Phật, tu-tập theo pháp Tứ-diệu-đế, dẹp bỏ hết các phiền-não và lần-lượt chứng-đắc bốn quả-vị:

- Quả-vị thứ nhứt là Tu-đà-huờn (Pali: Sotàpanna), còn gọi là Dự-lưu (được dự vào giòng Thánh) hay là Thất-lai (chỉ còn phải tái-sanh lại bảy lần ở cõi người);

- Quả-vị thứ hai là Tư-đà-hàm (Pali: Sakadàgàmi), còn gọi là Nhứt-lai (chỉ còn phải tái-sanh lại cõi người một lần nữa thôi);

- Quả-vị thứ ba là A-na-hàm (Pali: Anagàmi), còn gọi là Bất-lai (chẳng phải sanh lại cõi người, chỉ tái- sanh ở cõi Trời, tiếp-tục tu để đạt quả-vị cuối-cùng).

- Quả-vị cao nhứt là A-la-hán (Pali: Arahant), có ba nghiã: (1) sát tặc (diệt xong các phiền-não, được xem như "giặc"), (2) ứng-cúng (xứng-đáng nhận sự cúng-dường của người và Trời), (3) vô-sanh (chẳng còn phải tái-sanh nữa, thoát khỏi Luân-hồi, chứng Niết-bàn).

043. NĂM HẠ-PHẦN KẾT-SỬ LÀ GÌ?

Kết-sử (Pali: Sanyojana): kết là ràng-buộc, sử là sai-khiến; đó là các phiền-não ràng-buộc và sai-khiến phải hành-động theo nẻo dữ. Có mười kết-sử, chia ra:

- năm hạ-phần kết-sử, còn gọi là năm độn-sử: (1) tham, (2) sân, (3) thân-kiến, (4) giới-cấm-thủ, (5) nghi.

- năm thượng-phần kết-sử, còn gọi là năm lợi-sử: (6) sắc-ái, (7) vô-sắc-ái, (8) trạo, (9) mạn, (10) vô- minh.

Năm hạ-phần kết-sử thường gặp nơi các người có căn-cơ thấp-kém, nên gọi là độn-sử. Ba kết-sử tham- lam, sân-hận (giận hờn) và nghi-ngờ thì dễ hiểu. Thân-kiến là một

tà-kiến cố-chấp lấy thân và tâm nầy, cho đó chính là bản-ngã, là Ta. Giới-cấm-thủ là sự nắm giữ các điều răn-cấm theo mê-tín dị-đoan. Dẹp xong năm độn-sử thì chứng đến quả-vị thứ ba A-na-hàm.

Bực A-la-hán đã tiêu-trừ hết cả mười kết-sử.

044. THÂN-THỂ VÀ MẠNG-CĂN LÀ MỘT HAY KHÁC?

Phàm-phu (người thường) hay thắc-mắc về việc sau khi chết, thân-thể nầy còn sống lại nữa không, đó là vấn-đề: thân-thể và mạng-căn (= sự sống). Trong Kinh Jàliya (tức phần III của Kinh Mahàli), sau khi tu chứng bốn cấp thiền-định và hướng tâm đến Trí-huệ tối-thượng, hành-giả sẵn-sàng đề-cập đến vấn-đề nầy. Nhưng đối với Phật, Ngài chẳng quan-tâm đến và "chẳng nói mạng-căn và thân-thể là một hay là khác."

Theo Kinh-sách Phật-học, thân-tâm con người sau khi chết, năm uẩn đều tan-rả, nhưng còn có nghiệp- lực (ảnh-hưởng của hành-động gây nghiệp lúc còn sống), sẽ lôi-kéo sự tái-sanh trong vòng Luân-hồi.

045. HỌC KINH MAHÀLI, NÊN LƯU-Ý ĐIỂM NÀO?

So với các bản Kinh khác trong Trường-Bộ Kinh, Kinh Mahàli ngắn hơn, có vẻ ít quan-trọng. Nhưng nếu suy-gẫm kỹ, có thể nêu lên hai điểm đáng lưu-tâm:

1.- Tại sao, sau khi giải-đáp thắc-mắc của Mahàli về thiên-nhĩ-thông, đức Phật còn giảng thêm về các pháp cao thượng hơn, thù-thắng hơn? Đó là vì Ngài muốn chỉ rõ điều quan-trọng hơn: ngoài thần-

thông ra, còn có Giới, Định, Huệ mới đưa đến giải-thoát cho thân-phận con người ra khỏi cảnh khổ của Luân-hồi.

2.- Tại sao đức Phật chẳng nói thân-thể và mạng-căn là một hay khác? Vì sống hay chết ít quan-trọng hơn là biết cách thoát cảnh khổ của tái-sanh Luân-hồi.

(TN. Mtl, 2006-02-17).

-ooOoo-

8. KINH KASSAPA

046. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ĐỨC PHẬT GIẢNG KINH KASSAPA?

Vào một thời kia, đức Phật ngụ tại vườn nai Kannakatthala, xứ Uy-nhã-quốc (Ujunnà). Có tu-sĩ loã-thể Kassapa (Ca-diếp) đến gặp đức Phật và hỏi, có phải đúng như lời ông nghe nói, Sa-môn Gotama đã mạt-sát tất cả mọi khổ-hạnh và chỉ-trích đường-lối tu-hành khổ-hạnh chăng? Đức Phật đáp, đó là sự xuyên-tạc, vì với thiên-nhãn, Ngài đã nhìn thấy trong số tu-sĩ khổ-hạnh, có người tái-sanh vào đường lành, có kẻ phải sa vào nẻo ác, thì sao Ngài lại chỉ-trích tất cả lối tu khổ-hạnh.

Kassapa liền trình-bày các lối tu khổ-hạnh, thu-thúc thân-xác trong việc ăn, mặc, đi, đứng, ngồi, nằm, v.v... sẽ đưa đến quả-vị Sa-môn, Bà-la-môn. Đức Phật chỉ rõ chỗ thiếu-sót trong việc tu ép-xác, vì ngoài việc tiết-chế cách sống, còn có các sự giữ giới

đầy-đủ, tu-tập thiền-định, phát-triển trí-huệ tối- thượng, mới đưa tới quả-vị Sa-môn chơn-chánh.

047. NỘI-DUNG KINH KASSAPA.

A. Ý chánh: Kinh Kassapa chỉ rõ sự thiếu-sót trong việc tu-hành ép-xác và nêu lên đường-lối tập-luyện theo Giới-Định-Huệ trong Chánh-Pháp, mới đạt được quả-vị chơn-chánh của Sa-môn.

B. Phân đoạn: Kinh Kassapa có thể chia làm ba phần:

1.- Phần I: Lối tu khổ-hạnh:

- Đức Phật đính-chánh việc cho rằng Ngài đã mạt-sát tất cả các lối tu khổ-hạnh;

- Tu-sĩ loã-thể Kassapa trình-bày các lối tu-hạnh sẽ đưa đến quả-vị Sa-môn, Bà-la-môn chơn-chánh;

- Đức Phật nêu các thiếu-sót của lối tu khổ-hạnh.

2.- Phần 2: Hạnh Sa-môn chơn chánh:

- Đức Phật bác-bỏ, khi Kassapa nói hạnh Sa-môn khó hành, khó biết;

- Đức Phật lần-lượt giảng: giới cụ-túc, hộ-trì các căn, tu-tập bốn cấp thiền-định, hướng tâm đến trí-huệ vô-thượng. (giống hai Kinh Phạm-Võng, Sa-Môn Quả).

3.- Phần 3: Tu-sĩ ngoại-đạo Kassapa xin quy-y ngôi Tam-Bảo và tu chẳng bao lâu đắc được quả A-la- hán.

048. KASSAPA TRÌNH-BÀY CÁC LỐI TU KHỔ-HẠNH.

Kassapa kể các lối tu khổ-hạnh "được công-nhận là đưa đến Sa-môn và Bà-la-môn quả":

- sống loã-thể (thân-thể trần-trụi, chỉ có khố che bộ-phận sinh-dục), đứng khi đại-tiện, liếm tay cho sạch,

- chẳng nhận đồ ăn của đàn-bà có thai (sợ đứa con trong bụng bị thiệt-thòi), chỉ ăn một bữa trong một ngày, hay hai, ba, bảy ngày; ăn gạo lức, trái cây rụng ...

- mặc vải gai thô, áo vỏ cây ... ,

- theo hạnh thường đứng chẳng ngồi, nằm trên đất cát, một đêm tắm ba lần (để gột sạch tội-lỗi) ...

Các lối tu khổ-hạnh nầy bị đức Phật bác-bỏ vì thiếu-sót, "chẳng chứng được giới cụ-túc, tâm cụ-túc và huệ cụ-túc, vì thế còn cách rất xa Sa-môn-vị."

049. HỌC KINH KASSAPA NÊN CHÚ-Ý ĐIỂM NÀO?

1. Trong Kinh Chuyển Pháp-luân, bản Kinh đầu-tiên đức Phật giảng tại vườn Lộc-uyển cho năm anh em ông Kiều-trần-như nghe, đức Phật có đề-cập đến hai cực-đoan (= điều quá mức): "Một là đắm-say trong các dục hạ-liệt, đê-tiện...không liên-hệ đến mục-đích Hai là tự hành khổ mình, khổ đau, không liên-hệ đến mục-đích ..." Lối tu khổ-hạnh

chính là cực-đoan thứ hai, cần tránh. Con đường ở giữa hai cực-đoan đó, chính là Bát-Chánh-Đạo, có tám ngành, từ chánh-kiến đến chánh-định. Vì thế, người học Kinh nầy nên biết tránh các lối tự hành-xác, chẳng có ích-lợi thiết-thực nào đến đường tu cả.

2. Cũng như khi học các Kinh Phạm-Võng, Sa-Môn Quả, học Kinh Kassapa nầy nên đặc-biệt lưu-tâm đến các đoạn văn đức Phật trình-bày tỉ-mỉ về giới, về định và về huệ. Đó là đường-lối tu-hành căn-bản trong Chánh-Pháp của Phật-giáo.

(TN. Mtl, 2006-02-18).

-ooOoo-

9. KINH POTTHAPÀDA

050. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ĐỨC PHẬT GIẢNG KINH POTTHAPÀDA?

Vào một thời kia, đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên (Jetavana), vườn ông Cấp-cô-độc (Anàthapindika), nước Xá-vệ (Sàvatthi). Sáng sớm hôm đó, khi đi khất-thực, thấy còn sớm, Ngài ghé qua vườn hoa của hoàng-hậu Mallika, và gặp du-sĩ Potthapàda đang bàn phiếm với các tu-sĩ ngoại-đạo khác. Potthapàda thỉnh đức Phật giải-đáp về vấn-đề tận-diệt của các tư-tưởng.

Nhơn đó, đức Phật giảng rõ tư-tưởng sanh-khởi và diệt-tận đều có nhân-duyên; đó là "do sự học-tập mà một loại tưởng sanh, cũng do học-tập mà một loại tưởng diệt." Ngài chỉ dạy, qua sự học-tập về Giới-Định-Huệ, hành-giả khi đắc các cấp thiền-định, làm khởi sanh và rồi diệt tận được các tưởng về dục, hỉ, lạc, xả-niệm thanh-tịnh, v.v... cho đến mức diệt-tận-định thì mọi tư-tưởng được chấm dứt hẳn.

Sau đó, Potthapàda hỏi các vấn-đề về tự-ngã, sinh-mạng và thân-thể là một hay khác, thế-giới thường- hằng hay vô-thường, vô-biên hay hữu-biên, Như-Lai có tồn-tại sau khi chết hay không, v.v... đức Phật bảo Ngài không trả lời dứt-khoát các vấn-đề đó vì chúng chẳng liên-quan đến mục-đích chánh là sự giải-thoát, và chỉ trả lời về "các pháp căn-bản của phạm-hạnh, ... đưa đến giác-ngộ, Niết-bàn". Rồi Ngài ra về.

Vài hôm sau, Potthapàda cùng với Citta Hatthi-sàriputta lại đến yết-kiến đức Phật và hỏi thêm tại sao có vấn-đề chẳng được Phật trả lời dứt-khoát, như vấn-đề T_-NGÃ chẳng hạn, "sau khi chết, tự-ngã hoàn-toàn hạnh-phúc, vô bệnh?" Đức Phật đáp, tự-ngã có ba hình-thức: (1) thô-phù, (2) do ý sở-thành, và (3) do tưởng sở-thành, đều chỉ là "danh-tự thế-gian", nên Ngài dùng chúng nhưng chẳng chấp-

trước chúng. Và những pháp mà Ngài tuyên-thuyết, trình-bày một cách dứt-khoát chính là để diệt-trừ các hình-thức ngã-chấp đó, hầu đưa đến sự giải-thoát.

Sau khi nghe đức Phật giảng Kinh nầy, Potthapàda và Citta xin được xuất-gia, và chẳng bao lâu, tu- chứng được quả-vị A-la-hán.

051. NỘI-DUNG KINH POTTHAPÀDA.

A.- Ý chánh: Trong phần đầu của Kinh Potthapàda, đức Phật dạy: mọi tư-tưởng khởi lên và tiêu-diệt đi đều có nhân-duyên, đó là do sự học-tập. Tu-tập các cấp thiền-định cho

đến mức diệt-tận-định, hành- giả chấm-dứt hẳn được các tưởng. Trong phần sau của Kinh, đức Phật dạy cách phá-trừ ngã-chấp.

B.- Phân đoạn: Kinh Potthapàda có thể phân ra làm hai phần:

1.- Phần đầu: Đức Phật giảng sự khởi-sanh của các tư-tưởng và sự diệt-tận của chúng.

- các tu-sĩ ngoại-đạo bàn phiếm;

- tu-sĩ Potthapàda thỉnh Phật giảng về tưởng;

- do sự học-tập mà tưởng sanh ra rồi diệt đi;

- sự tu-tập thiền-định đến mức diệt-tận-định mới chấm dứt hẳn mọi tư-tưởng.

- Potthapàda hỏi về các vấn-đề tự-ngã, thế-giới, sanh-mạng và thân-thể, Như-lai có tồn-tại không, v.v...

- Đức Phật bảo, Ngài chẳng trả lời dứt-khoát các câu hỏi đó, vì chúng chẳng liên-quan đến mục-đích chánh của việc tu-hành là sự giải-thoát.

2.- Phần sau: Các pháp được đức Phật tuyên-thuyết một cách dứt-khoát, đều có liên-hệ đến đích giải- thoát.

- Đó là các pháp về: Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

- Về câu nói của tu-sĩ ngoại-đạo: "Sau khi chết, TỰ-NGÃ hoàn-toàn hạnh-phúc, vô bịnh", đức Phật vạch rõ các lý-do chứng-minh "lời nói đó không chính-xác, hợp-lý".

- (Khởi lên tưởng về tự-ngã rồi chấp chặt lấy, đó là ngã-chấp). Phật nói, có ba loại ngã-chấp, và Ngài chỉ dạy cách diệt-trừ chúng. Đấy là những pháp mà Phật tuyên-thuyết, trình-bày một cách dứt-khoát.

052. DO NHÂN-DUYÊN NÀO CÓ SỰ SANH-KHỞI VÀ SỰ TẬN-DIỆT CỦA CÁC TƯỞNG?

Đức Phật nói: Các Sa-môn, Bà-la-môn nào bảo, không nhân, không duyên, các tưởng của con người sinh và diệt, đã sai-lạc ngay từ ban đầu. Vì sao vậy? Chính vì có nhân, có duyên, các tưởng của con người mới sinh và diệt. Chính do sự học-tập, một loại tưởng sanh, chính do sự học-tập, một loại tưởng diệt...

Sự học-tập ấy là gì? Đó là: giới-hạnh thanh-tịnh,... hộ-trì các căn, ... xả-ly năm triền-cái, ... và tu-tập các cấp thiền-định (Xem lại Kinh Sa-Môn Quả).

- tại cấp Sơ-thiền, trong trạng-thái hỷ-lạc do ly-dục sanh, lìa được các dục-tưởng xưa kia và làm khởi sanh lên tưởng hỷ-lạc do ly-dục;

- tại cấp Nhị-thiền, trong trạng-thái hỷ-lạc do định sanh, lìa được các tưởng do ly dục sanh trước kia, và làm khởi sanh lên tưởng hỷ-lạc do định;

- tại cấp Tam-thiền, tưởng hỷ-lạc diệt và tưởng "xả-niệm lạc-trú" sanh;

- tại cấp Tứ-thiền, tưởng xả-niệm lạc-trú diệt, tưởng "xả-niệm thanh-tịnh" sanh;

- tại cấp Không vô-biên-xứ định, tưởng xả-niệm thanh-tịnh diệt, tưởng Không vô-biên xứ sanh;

- tại cấp Thức vô-biên-xứ định, tưởng hư-không diệt, tưởng Thức vô-biên xứ sanh;

- tại cấp Vô-sở-hữu-xứ định, tưởng thức vô-biên diệt, tưởng Vô-sở-hữu xứ sanh;

- tại cấp Phi-tưởng, phi phi-tưởng định, tưởng vô-sở-hữu diệt, tưởng phi-tưởng phi phi-tưởng sanh;

- tại cấp Diệt-thọ-tưởng định, tiếp-tục đi từ tưởng nầy đến tưởng khác cho đến tưởng tột đỉnh, rồi diệt luôn tưởng đó, chấm dứt hẳn mọi tưởng.

053. CÁC LOẠI NGÃ-CHẤP.

Ngã-chấp là gì? Đó là một tà-kiến, một ảo-tưởng, do con người quá cố-chấp ôm chặt lấy, nên bị ràng- buộc. Cần phải diệt-trừ hẳn tất cả các loại tưởng về ngã-chấp.

Đức Phật dạy: Có ba loại ngã-chấp: (1) thô-phù ngã-chấp, (2) ý sở thành ngã-chấp, (3) vô-sắc ngã- chấp. Thế nào là thô-phù ngã-chấp? Có sắc, do bốn đại hình-thành, do đoàn-thực nuôi-dưỡng là thô- phù ngã chấp. Thế nào là ý sở thành ngã-chấp? Có sắc, đầy-đủ các căn và các chi-tiết, do ý sở thành. Thế nào là vô-sắc ngã-chấp? Không có sắc, do tưởng sở thành.

Ngài bảo, Ta thuyết pháp để diệt-trừ thô-phù ngã-chấp, ... ý sở thành ngã-chấp, ... vô-sắc ngã-chấp. Nếu các người thực hành theo pháp nầy thời nhiễm-pháp được diệt-trừ, tịnh-pháp được tăng-trưởng, và ngay hiện-tại, tự mình giác-ngộ, với thắng-trí, chứng đạt và an trú trí-huệ sung-mãn, quảng-đại ...

054. NÊN HỌC KINH POTTHAPÀDA NHƯ THẾ NÀO?

Trọng-điểm của Kinh Potthapàda là sự diệt-trừ hẳn mọi tư-tưởng cố-chấp để tâm và trí được giải- thoát. Vì thế, người học Kinh nầy, phải nên đọc lướt qua các đoạn nói dài-dòng về những vấn-đề mà đức Phật không trả lời dứt-khoát, và chú-tâm đến các đoạn nói rõ về sự khởi-sanh và sự diệt-tận của mọi loại tưởng qua sự học-tập về các cấp Thiền-định.

Cần suy-gẫm kỹ về cách diệt-trừ hẳn ba loại ngã-chấp được xem là những pháp mà đức Phật tuyên- thuyết, trình-bày MỘT CÁCH DỨT-KHOÁT, thuộc về đích giải-thoát, đưa đến giác-ngộ và Niết-bàn.

(TN. Mtl, 2006-02-23).

-ooOoo-

10. KINH SUBHA

055. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO KINH SUBHA ĐƯỢC THUYẾT-GIẢNG?

Vào một thời kia, sau khi đức Phật đã nhập Niết-bàn, Đại-đức A-nan (Ànanda) ngụ tại chùa Kỳ-viên (Jetavana), vườn ông Cấp-cô-độc (Anàthapindika), thuộc nước Xá-vệ (Sàvatthi). Bấy giờ có thanh- niên Bà-la-môn tên là Subha (Tu-bà) muốn đến thỉnh hỏi

Ngài A-nan, vị thị-giả sống gần bên đức Phật, biết rõ các pháp nào được đức Phật tán-thán và khuyến-khích mọi người tuân theo. Nhơn đó,

Ngài A-nan tới nhà Subha để giảng Kinh nầy, nhắc lại đầy-đủ các chi-tiết về các pháp Giới, Định, Huệ, đã được đức Phật giảng rõ trong Kinh Sa-Môn Quả.

056. NỘI-DUNG KINH SUBHA.

Kinh Subha tương-đối ngắn hơn các Kinh khác thuộc Trường-Bộ Kinh. Nội-dung nhắc lại lời Phật giảng về Giới, Định, Huệ trong hai bản Kinh Phạm-Võng và Sa-Môn Quả.

A.- Ý chánh: Kinh Subha trình-bày về: thánh-giới-uẩn, thánh-định-uẩn, và thánh-huệ-uẩn, đã được đức Phật tán-thán và khuyến-khích nên tuân theo.

B.- Phân đoạn: Kinh Subha chia ra làm hai phần:

1.- Thanh-niên Bà-la-môn Subha thỉnh ngài A-nan đến nhà để cúng-dường và nghe giảng pháp.

2.- Ngài A-nan giảng về ba thánh-uẩn:

a.- Thánh-GIỚI-uẩn gồm có tiểu-giới, trung-giới, đại-giới, (được Phật nói rõ trong Kinh {Phạm- Võng), để được giới-hạnh đầy-đủ.

b.- Thánh-ĐỊNH-uẩn gồm có việc hộ-trì các căn, dẹp năm triền-cái và tu-tập các cấp Thiền-định (được Phật nói rõ trong Kinh Sa-Môn Quả) khiến cho nội-tâm định-tĩnh.

c.- Thánh-HUỆ-uẩn hướng tâm định-tĩnh đến lậu-tận-trí, tuệ-tri như thật thế nào là Khổ, nguyên-nhân của Khổ, sự diệt-tận Khổ và con đường đưa đến diệt-khổ, cùng các lậu-hoặc.

Đó là các pháp được Phật khích-lệ, khuyên mọi người tuân theo. Chẳng còn pháp nào cao-thượng hơn cần phải hành-trì.

057. HỌC KINH SUBHA LÀ DỊP ÔN LẠI BA MÔN-HỌC GIỚI, ĐỊNH, HUỆ.

Khi ôn lại ba môn vô-lậu-học Giới, Định, Huệ, cần phải nắm vững các điều sau đây:

1.- Về Giới: tiểu-giới có năm giới căn-bản và các giới bát-quan, thập-thiện; trung-giới có các tà-hạnh cần tránh (chẳng tích-trữ đồ-vật, chẳng du-hí, chẳng bàn chuyện phiếm...); đại-giới có các tà-mạng chẳng được dùng làm nghề sanh-sống (xem bói, xem tướng, làm môi-giới...)

2.- Về Định: phải hộ-trì các căn, dẹp bỏ năm triền-cái trước, rồi tập bốn cấp Thiền (từ Sơ-thiền đến Tứ-thiền), và năm cấp Định (từ Không vô-biên-xứ đến Diệt-tận-định) thì nội-tâm mới hoàn-toàn định- tĩnh.

3.- Về Huệ: khi tâm hoàn-toàn định-tĩnh, mới hướng tâm đến trí-huệ tối-thượng, để học-tập, hiểu rõ và noi theo Tứ-Diệu-Đế.

Nên ghi nhớ: Tinh-túy của Đạo Phật chính là ba môn học vô-lậu: Giới-ĐỊnh-Huệ.

(TN. MTL, 2006-02-23).

-ooOoo-

11. KINH KEVADDHA

058. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ĐỨC PHẬT GIẢNG KINH KEVADDHA?

Vào một thời kia, đức Phật ngụ tại vườn Pavàri-kamba, làng Nalandà. Bấy giờ có cư-sĩ trẻ tuổi tên Kevaddha đến thỉnh-cầu đức Phật cho thi-triển các thần-thông trước mặt đông-đảo dân chúng trong làng nầy, để họ càng kính-tín Thế-tôn thêm lên.

Đức Phật từ-chối việc cho thi-triển thần-thông trước công-chúng, và nhơn đó Ngài giảng Kinh nầy, cho biết có ba loại thần-thông: (1) biến-hoá thần-thông, (2) tha-tâm thông thần-thông và (3) giáo-hoá thần-thông. Chỉ có loại thần-thông sau cùng là được đức Phật giảng-dạy, tức là ba môn học vô-lậu: giới, định, huệ.

Sau đó, đức Phật kể lại chuyện một vị Tỳ-kheo có thắc-mắc: chẳng biết bốn đại (đất, nước, lửa, gió) sau khi biến-hoại thì đi về đâu? Tỳ-kheo ấy nhập-định lên Thiên-giới, lần-lượt hỏi các vị Trời, và sau cùng được Đại-Phạm Thiên-vương mách cho, nên trở lại hỏi Phật. Đức Phật mới giảng cho vị Tỳ-kheo ấy biết, khi Thức diệt thì mọi thứ đều diệt-tận.

059. NỘI-DUNG KINH KEVADDHA.

Kinh Kevaddha khá dài, phần chánh bàn đến các thần-thông, thì hơi ngắn so với phần phụ, hơi dài- dòng có liên-quan đến việc trả lời thắc-mắc về đến bốn đại.

A.- Ý chánh: Trong các loại thần-thông, chỉ có giáo-hoá thần-thông là được đức Phật chỉ dạy mà thôi (đó là Giới-Định-Huệ). Còn việc đi tìm các bậc có thể giải-đáp thắc-mắc về sự tồn-tại hay tiêu-diệt của tứ-đại là ý phụ trong Kinh.

A.- Phân đoạn: Kinh Kevaddha có hai phần:

1.- Ba loại thần-thông:

- Biến-hoá thần-thông: biến ra nhiều thân; đi xuyên ngang qua tường, núi; chui xuống đất rồi trồi lên, đi trên mặt nước, bay trên hư-không... bị Phật bác bỏ vì có thể bị hiểu-lầm là do chú-thuật Gandhàri.

- tha-tâm-thông thần-thông: biết rõ các tâm-trạng, các suy-tư của kẻ khác... cũng bị Phật bác-bỏ vì có thể hiểu lầm là do chú-thuật Maniko.

- giáo-hoá thần-thông: chỉ-dạy sự suy-tư đứng-đắn, sự trừ-bỏ các điều ác, sự tu-tập, chứng-đạt và an- trú các cấp thiền-định, sự giải-thoát... tức là Giới-Định-Huệ (trong Kinh Sa-Môn Quả), mới được đức Phật chấp-thuận, tuyên-thuyết và thi-triển.

2.- Một vị Tỳ-kheo thắc-mắc về sự tồn-tại hay tiêu-diệt của tứ-đại, đi tìm các bậc có thể giải-đáp được:

- từ cõi Tứ-Thiên-vương đến cõi Phạm Thiên: các vị Trời được hỏi, đều trả lời chẳng biết và mách đến vị khác cao hơn;

- đến cõi Trời Đại-Phạm, vị Đại-Phạm Thiên-vương, sau khi lúng-túng che-dấu sự "dốt" của ông ta, mới khuyên vị Tỳ-kheo nên trở về gặp Phật để hỏi;

- lời giải-đáp của đức Phật: "Khi Thức diệt, mọi thứ đều diệt tận".

060. THẾ NÀO LÀ GIÁO-HOÁ THẦN-THÔNG?

Đức Phật nói: Thế nào là giáo-hoá thần-thông? Ở đời, có vị Tỳ-kheo giáo-hoá như sau: "Hãy suy-tư như thế nầy, chớ có suy-tư như thế kia; hãy tác-ý như thế nầy, chớ có tác-ý như thế kia; hãy trừ bỏ điều nầy, hãy chứng-đạt và an-trú điều kia."

Rồi đức Phật nhắc lại các lời giảng trong Kinh Sa-Môn Quả, về việc giữ giới-hạnh đầy-đủ, việc hộ-trì các căn, việc dẹp năm triền-cái, việc tu-tập các cấp thiền-định, và việc phát-triển trí-huệ tối thắng để đi đến sự giác-ngộ và giải-thoát hoàn-toàn.

Đó là sự giáo-hoá thần-thông được đức Phật tự mình giác-ngộ và tuyên-thuyết.

061. HỌC KINH KEVADDHA, NÊN CHÚ-Ý ĐIỂM NÀO?

1.- Mục-đích chánh của việc tu-hành theo đạo Phật là để được giải-thoát khỏi cảnh Khổ của Luân-hồi. Người học Đạo còn sơ-cơ thường hay mong-cầu sớm đắc được các thần-thông. Ý-nghiã sâu-xa của Kinh Kevaddha dạy ta phải sớm bỏ sự mong-cầu chẳng chánh-đáng đó.

2.-Việc giáo-hoá thần-thông, như đã được đức Phật trình-bày trong Kinh nầy, chính là ba môn học vô- lậu Giới-Định-Huệ, đưa đến sự giải-thoát hoàn-toàn.

(TN. Mtl, 2006-02-24).

-ooOoo-

12. KINH LOHICCA

062. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ĐỨC PHẬT GIẢNG KINH LOHICCA.

Vào một thời kia, đức Phật du-hành tại nước Câu-tát-la (Kosala), ngụ nơi làng Sàlavatikà, cùng với năm trăm vị Tỳ-kheo. Có vị Bà-la-môn Lohicca (Lộ-già) tuy có mang ác-kiến nầy: "Sa-môn, hay Bà- la-môn nào chứng được thiện-pháp, chẳng nên nói cho người khác biết, vì có ai lại làm giúp cho ai được", nhưng xin thỉnh đức Phật đến nhà để cúng-dường và nghe pháp.

Nhơn đó, đức Phật giảng Kinh nầy nhằm đả-phá tà-kiến đó của Lohicca. Và Ngài cho biết có ba hạng đạo-sư chưa chứng các quả-vị Sa-môn mà thuyết pháp dạy đệ-tử, nên họ đáng bị chỉ-trích. Còn vị đạo- sư đáng kính-trọng là bậc đã chứng-đắc trọn vẹn đạo-quả, dạy cho các đệ-tử biết tin-nhận và tu-tập theo để đạt được đạo-quả như mình.

063. NỘI-DUNG KINH LOHICCA.

Kinh Lohicca nhằm phá bỏ ác-kiến "người chứng được thiện-pháp chẳng nên chỉ dạy cho kẻ khác, vì có ai giúp được cho ai". Trong Kinh nầy, đức Phật còn phân-biệt giữa một vị đạo-sư đáng kính-trọng với ba hạng đạo-sư đáng chỉ-trích, vì họ còn chưa chứng quả mà lại giảng pháp cho đệ-tử.

A. Ý chánh: Phá bỏ tà-kiến: "chẳng nên nói pháp cho người khác".

B. Phân đoạn: Kinh Lohicca có ba phần:

1.- Phá bỏ ác-kiến của Lohicca:

- Ác-kiến của Lohicca làm mất cơ-hội của kẻ khác được nghe giảng Chánh-pháp;

- Bằng phương-pháp vấn-đáp, qua hai thí-dụ, đức Phật chứng-minh ác-kiến của Lohicca là một tà-kiến, cần dẹp bỏ; nếu không sẽ tái-sanh vào đường ác.

- Thí-dụ I: Người nào bảo, chỉ để cho Lohicca hưởng một mình mọi sản-phẩm trong làng Sàlavatika, thì người ấy đã gây chướng-ngại cho các kẻ khác sống tuỳ-thuộc vào đó; như thế có hại cho họ. Người có tâm muốn hại kẻ khác là kẻ đang vướng phải tà-kiến.

- Thí-dụ II: cũng giống như thí-dụ I, với các nguồn lợi ở Câu-tát-la, chỉ để một mình vua Ba-tư-nặc hưởng, chẳng để cho những kẻ khác cùng chia-xẻ ...

2.- Ba hạng đạo-sư đáng bị chỉ-trích:

- đạo-sư chưa đắc các quả Sa-môn, giảng pháp cho đệ-tử nhưng họ không nghe theo, và sống trái ngược với giáo-pháp của vị bổn-sư. Đó cũng như "người muốn tán-tỉnh cô gái muốn xa mình."

- đạo-sư chưa đắc các quả Sa-môn, giảng pháp cho đệ-tử được họ tin nghe và sống đúng theo giáo- pháp của vị bổn-sư. Đó cũng như "người bỏ ruộng dưa của mình mà đến nhổ cỏ ruộng kẻ khác."

- đạo-sư chưa đắc các quả Sa-môn, giảng pháp cho đệ-tử được họ lắng nghe, nhưng họ lại sống trái- ngược với giáo-pháp của vị bổn-sư. Đó cũng như "người cắt sợi dây trói buộc cũ, lại tự làm một sợi dây mới."

3.- Bậc đạo-sư đáng kính-trọng: tự mình đã chứng-đắc trọn vẹn đạo-quả Sa-môn, giảng dạy Chánh- pháp cho đệ-tử được họ tin nghe và tu-tập theo để đắc quả.

Đức Phật lần-lượt kể lại, theo như trong các Kinh Phạm-Võng, Sa-Môn Quả, các giai-đoạn tu-tập: từ giữ giới đầy-đủ, hộ-trì các căn, dẹp bỏ năm triền-cái đến việc tu-chứng các cấp thiền-định và phát-triển trí-huệ tối-thắng đưa đến giác-ngộ và giải-thoát hoàn-toàn.

064. ĐỨC PHẬT GIÚP LOHICCA DẸP BỎ TÀ-KIẾN.

Sau đây là trích-đoạn Kinh-văn nói về cách đức Phật giúp Lohicca gạt bỏ được tà-kiến, bằng phương- pháp vấn-đáp:

- (...) Nầy Lohicca, có thật chăng Người khởi lên ác-kiến như sau: "Ở đời, có vị Sa-môn hay Bà-la- môn chứng được thiện-pháp, sau khi chứng được thiện-pháp, không nên nói cho người khác biết, vì có ai lại làm giúp cho ai được?...

- Vâng phải, Tôn-giả Gotama.

- Nầy Lohicca, Ngươi nghĩ thế nào? Có phải Ngươi ở tại Sàlavatikà?

- Vâng phải, Tôn-giả Gotqma.

- Nếu có người nói: "Lohicca sống ở Sàlavatikà. Hãy để Lohicca hưởng một mình mọi sản-phẩm của Sàlavatikà, không cho một ai khác." Người nói như vậy là người gây chướng-ngại cho ai sống tùy- thuộc vào Ngươi, có phải không?

- Là người gây chướng-ngại, Tôn-giả Gotama.

- Nầy Lohicca, đã là người gây chướng-ngại, người ấy có phải là người có từ-tâm, nghĩ đến lợi-ích cho những người kia?

- Là người không có từ-tâm nghĩ đến lợi-ích cho kẻ khác, Tôn-giả Gotama.

- Đã không có từ-tâm nghĩ đến lợi-ích của kẻ khác, người ấy an-trú từ-tâm hay an-trú hại-tâm?

- Hại-tâm, Tôn-giả Gotama.

- Khi an-trú hại-tâm, như vậy là chánh-kiến hay tà-kiến?

- Là tà-kiến, Tôn-giả Gotama.

- Nầy Lohicca, Ta nói rằng, một người có tà-kiến sẽ sanh vào một trong hai ác-thú sau đây: địa-ngục hay súc-sanh. (...)

065. NÊN CHÚ-Ý ĐIỂM NÀO KHI HỌC KINH LOHICCA?

1.- Học Kinh Lohicca nên chú-ý đến hai điểm:

a)- Phá bỏ cái tà-kiến "chẳng muốn giảng Chánh-pháp cho kẻ khác biết" để tu-tập và đắc quả như mình;

b)- Chỉ giảng Chánh-pháp khi nào tự mình đã chứng quả và khiến cho người nghe biết tin theo để tu- tập.

2.- Kinh Lohicca, cũng như các Kinh khác trong Trường-Bộ Kinh, nhắc lại ba môn Học Vô-Lậu: Giới- Định-Huệ, được nói rõ ở hai Kinh Phạm-Võng, Kinh Sa-Môn Quả ở trước. Đó là cốt-tủy của Đạo Phật mà người học Kinh cần phải nghiền-ngẫm, hiểu thật rõ và thực-hành thật bền chí, cho đến ngày giác- ngộ.

(TN. Mtl, 2006-02-25).

-ooOoo-

13. KINH TEVIJJA .

066. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ĐỨC PHẬT GIẢNG KINH TEVIJJA?

Vào một thời kia, đức Phật du-hành ở nước Kosala (Câu-tát-la), cùng với năm trăm vị Tỳ-kheo, ngụ tại vườn xoài bên bờ sông Aciravati. Lúc bấy giờ có hai thanh-niên Bà-la-môn, Vàsettha và Bhàradvàja, đến yết-kiến đức Phật và nhờ Ngài giải-quyết sự tranh-chấp của họ về con đường tu-tập nào thẳng-tắp đưa đến cõi Phạm-Thiên. Cả hai

đều cho rằng chỉ có lời chỉ-dạy của riêng thầy mình mới là đúng nhứt.

Nhơn đó, đức Phật mới giảng Kinh Tevijja nầy. Trước hết, đức Phật bảo, chẳng có vị thầy Bà-la-môn nào thấy được đức Đại-Phạm Thiên-vương cả, cũng chẳng ai biết rõ con đường tu-tập đưa tới cõi Phạm-thiên; họ "như một chuỗi người mù ôm lưng nhau, người trước không thấy, người giữa không thấy, người cuối cùng cũng không thấy." Kế đó, Ngài vạch rõ các vị thầy Bà-la-môn đang chìm-đắm trong vũng lầy của năm dục-lạc, còn bị ràng-buộc bởi năm triền-cái, thì làm sao họ biết được, thấy được, con đường đưa tới cõi Phạm-thiên. Sau cùng, Ngài giảng cho hai thanh-niên đó con đường chơn- chánh đưa thẳng đến Phạm-thiên-giới: đó là con đường của Giới, Định, Huệ, Từ, Bi, Hỉ, Xả, được tuyên-thuyết trong Chánh-Pháp.

067. NỘI-DUNG KINH TEVIJJA.

Kinh Tevijja nhằm phá bỏ lối chỉ-dạy sai-lầm của tu-sĩ Bà-la-môn về con đường đưa tới cõi Phạm- Thiên và dạy rằng, ba môn học vô-lậu Giới, Định, Huệ trong Chánh-Pháp mới đưa các vị Tỳ-kheo chứng quả đến an-trú nơi cõi Trời Phạm.

A.- Ý chánh: Sự sai-lầm của đạo Bà-la-môn và sự đúng-đắn của đạo Phật, (với ba môn học Giới-Định- Huệ), về con đường đưa tới cõi Phạm-Thiên.

B.- Phân đoạn: Kinh Tevijja chia ra hai phần:

1.- Sự sai-lầm trong lời dạy của Bà-la-môn về con đường dẫn đến sự an-trú nơi cõi Phạm-Thiên:

- Vàsettha và Bhàradvàja tranh-biện nhau về lời chỉ-dạy của mỗi vị thầy Bà-la-môn của họ về con đường dẫn đến "cộng-trú với Phạm-Thiên."

- Đức Phật cho rằng, các vị thầy Bà-la-môn đó và cả các bực tôn-sư của họ, chẳng ai thấy tận mặt vị Phạm-Thiên, và cũng chẳng biết con đường nào đưa tới Phạm-thiên-giới cả, mà lại dạy đệ-tử về con đường ấy.

- Với các thí-dụ cụ-thể, Đức Phật vạch rõ chỗ sai-lầm trong thái-độ của các vị thầy Bà-la-môn cũng như: (a) cầu-khẩn, tán-thán chỗ mặt trăng mọc và lặn đâu có đưa đến việc cộng-trú với mặt trăng; (b) như khi nước sông Aciravati bị tràn ngập, kẻ đứng ở bờ bên nầy, cứ kêu gọi mãi bờ bên kia hãy sang đây, thì có bao giờ sang sông cho được...

- Đức Phật chỉ rõ: các vị thầy Bà-la-môn còn đang chìm-đắm trong năm món dục-lạc, còn bị năm triền-cái ngăn-che, trong khi đấng Phạm-thiên chẳng có tham-ái, chẳng có nhiễm-tâm, luôn luôn tự-tại, thì làm sao mà họ có thể cộng-trú với vị Phạm-Thiên được.

2.- Đức Phật chỉ dạy con đường đưa đến sự cộng-trú với Phạm-Thiên:

- Sau khi nghe được Chánh-Pháp, thì xuất-gia làm Tỳ-kheo, từ bỏ gia-đình, tài-sản và quyến-thuộc, sống dưới sự chế-ngự của Giới-bổn (Pàtimokkha);

- giữ giới-hạnh cụ-túc (xem lại Kinh Sa-Môn Quả);

- hộ-trì các căn, dẹp năm triền-cái, tu-tập Thiền-định (xem lại Kinh Sa-môn Quả);

- tu-tập bốn tâm vô-lượng: Từ, Bi, Hỉ, Xả.

- Như thế, "Tỳ-kheo sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng-trú với Phạm-Thiên".

068. TRÍCH ĐOẠN PHẦN VẤN-ĐÁP GIỮA ĐỨC PHẬT VÀ VÀSETTHA, VẠCH RÕ LỐI DẠY THIẾU CHÂN-THẬT CỦA CÁC VỊ ĐẠO-SƯ BÀ-LA-MÔN.

"- Nầy Vàsettha, Ngươi nghĩ thế nào? Ngươi có nghe những Bà-la-môn niên cao lạp trưởng, tôn-sư và đại tôn-sư (của họ) cùng nhau nói chuyện không? Phạm-Thiên có dục-ái hay không có dục-ái?

- Tôn-giả Gotama, không có dục-ái.

- Có hận-tâm hay không có hận-tâm?

- Tôn-giả Gotama, không có hận-tâm.

- Có nhiễm-tâm hay không có nhiễm-tâm?

- Tôn-giả Gotama, không có nhiễm-tâm.

- Có tự-tại hay không có tự-tại?

- Tôn-giả Gotama, có tự-tại.

- Nầy Vàsettha, Ngươi nghĩ thế nào? Các Bà-la-môn tinh-thông ba tập Kinh Vệ-đà có dục-ái hay không có dục-ái?

- Tôn-giả Gotama, có dục-ái.

- Có hận-tâm hay không có hận-tâm?

- T ôn-giả Gotama, có hận-tâm.

- Có sân-tâm hay không có sân-tâm?

- Tôn-giả Gotama, có sân-tâm.

- Có nhiễm-tâm hay không có nhiễm-tâm?

- Tôn-giả Gotama, có nhiễm-tâm.

- Có tự-tại hay không có tự-tại?

- Tôn-giả Gotama, không có tự-tại.

- Nầy Vàsettha, Ngươi nói rằng các Bà-la-môn tinh-thông ba tập Vệ-đà là có tham-ái, Phạm-Thiên không có tham-ái. Giữa các Bà-la-môn tinh-thông ba tập Vệ-đà là có tham-ái với Phạm-Thiên không có tham-ái, có thể có một sự cộng-hành, cộng-trú không?

- Tôn-giả Gotama, không thể có được.

- Lành thay, Vàsettha ! Nầy Vàsettha, những Bà-la-môn tinh-thông ba tập Vệ-đà có dục-ái ấy sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng-trú với Phạm Thiên?

- Thật không thể có sự-kiện ấy..."

069. HỌC KINH TEVIJJA NÊN CHÚ-Ý ĐIỂM NÀO?

1.- Thường-nhơn khi tu-hành thường mong-cầu được sanh lên "Thiên-đàng", để được sống sung- sướng. Đó là tâm-trạng của hai thanh-niên Bà-la-môn nói trong Kinh nầy, quá tin-tưởng vào lời thầy họ đã chỉ-dạy sai-lầm con đường đưa thẳng đến cõi Phạm-Thiên. Đức Phật giảng rõ tu-tập như thế nào mới được sanh lên cõi Trời. Nhưng mục-đích chánh của Phật-học là việc giải-thoát khỏi cảnh Khổ sanh, già, bịnh, chết, chấm dứt vĩnh-viễn việc tái-sanh vào sáu nẻo Luân-hồi, để chứng được cõi Niết- bàn an-vui, tịch-tĩnh. Người học Kinh Tevijja nên ghi nhớ kỹ mục-đích đó.

2.- Mỗi bản Kinh Phật đều khởi đầu bằng một tên Kinh. Trước khi đức Phật chấm dứt lời thuyết-giảng, các vị đệ-tử thường hỏi đức Phật đặt tên Kinh là gì, cùng cách thọ-trì Kinh ấy.

Tên Kinh thường là:

- tên người đương-cơ (người thỉnh Phật giảng bài Kinh đó), như Kinh Mahàli, Kinh Kassapa:

- tên một pháp-tu, như Kinh Sa-môn Quả;

- tên một thí-dụ, như Kinh Phạm-Võng, lấy thí-dụ cái lưới (Phạm-Võng) tóm thâu hết 62 kiến-chấp vào trong đó, chẳng gì thoát ra khỏi.

Trường-hợp tên của Kinh Tevijja rất lạ. Đọc suốt bản Kinh, chẳng thấy có ai mang tên Tevijja, chẳng có pháp-tu nào gọi là Tevijja, cũng chẳng thấy chữ Tevijja dùng làm thí-dụ, cũng chẳng thấy có đoạn nào nhắc đến chữ Tevijja, ngoài cái tên ở đầu Kinh.

Tra-cứu lại trong quyển Kinh Trường A-Hàm thuộc Hán-tạng nơi bản Kinh Tam-Minh (tương-đương với Kinh Tevijja thuộc Hệ Pali), có đoạn như sau:

..."Sở dĩ có cuộc tranh-luận đó, là vì Bà-la-môn Tam-Minh đưa ra ba con đường: con đường tự-tại dục, con đường tự-tác và con đường Phạm-Thiên. Ba con đường nầy đều đưa đến Phạm-Thiên..."

Tra-cứu Từ-điển Pali-Việt, chữ Tevijja có nghiã: Te là ba; Vijjà là sự hiểu-biết, kiến-thức.

Mặc dầu thắc-mắc về Tên Kinh chẳng quan-trọng bằng việc tìm hiểu nội-dung lời Phật dạy trong Kinh, nhưng cũng xin đề-nghị nên tạm hiểu như vầy: Kinh Tevijja lấy tên của vị Bà-la-môn Tam-Minh, để đặt tên cho Kinh, vì vị nầy có đưa ra ba đường-lối tu-tập đưa đến việc tái-sanh lên cõi Phạm-Thiên. Hai thanh-niên Vàsettha và Bhàradvàja đã tranh-luận nhau vì mỗi người cho rằng con đường của vị thầy mình mới là con đường thẳng-tắp nhứt đưa tới cõi Trời Phạm.

(TN. Mtl 2006-02-27).

-ooOoo-

Tham khảo: Trường Bộ Kinh, Hòa thượng Minh Châu dịch Việt.

-ooOoo-

II. ĐẠI PHẨM

14. KINH ĐẠI - BỔN .

070. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ĐỨC PHẬT GIẢNG KINH ĐẠI-BỔN?

Vào một thời kia, đức Phật ngụ tại nước Xá-vệ (Sàvatthi), rừng Kỳ-đà (Jetavana), trong am-thất Hoa- Lâm (Kareri). Lúc bấy giờ, các vị Tỳ-kheo sau khi khất-thực và dùng cơm xong, tụ-họp ở Hoa-Lâm viên-đường, đang bàn về vấn-đề tiền-thân các vị Phật trong quá-khứ, thì đức Phật quá-bộ đến. Nhơn đó, Ngài giảng rõ lịch-sử của ba vị Phật thuộc Trang-nghiêm-kiếp, và ba vị Phật thuộc Hiền-kiếp, cùng với đức Phật Thích-ca hiện đương thời.

Thế-Tôn còn cho biết thêm, sở dĩ Ngài nhớ rõ được như vậy là nhờ "khéo chứng-đạt pháp-giới nầy" và có chư Thiên các cõi Tịnh-cư-thiên, Vô-phiền-thiên, v.v. xác-nhận là nhờ tu-tập Chánh-Pháp của các vị Phật thuở trước mà họ được sanh lên các cõi Trời đó.

071. NỘI-DUNG KINH ĐẠI-BỔN.

Kinh Đại-Bổn nhắc lại tiền-thân của các vị Phật từ thuở sơ-khai cho đến thời hiện-đại.

A.- Ý chánh: Lịch-sử về nguồn-gốc, thành-đạo, giảng-pháp, giáo-đoàn của đức Phật Tỳ-bà-thi.

B.- Phân đoạn: Kinh rất dài, chia ra ba phần:

1.- Lược-sử bảy vị Phật từ cổ-đại đến hiện-thời:

2.- Tiểu-sử của đức Phật Tỳ-ba-thi (Vipassi):

- thân-thế

- bốn lần du-ngoạn tại vườn ngự-uyển

- xuất-gia: lý nhân-duyên và năm uẩn.

- giáo-hội.

3.- Sự xác-nhận của chư Thiên cõi Tịnh-cư.

072. TIỀN-THÂN BẢY VỊ PHẬT.

- Tỳ-bà-thi
- Thi-khí
- Tỳ-xá-phù
- Câu-lưu-tôn
- Câu-na-hàm
- Ca-diếp
- Thích-ca

073. TIỂU-SỬ ĐỨC PHẬT TỲ-BÀ-THI.

Vào thuở Trang-nghiêm kiếp, đã qua 91 kiếp, Bồ-tát Tỳ-Bà-Thi (Vipassi) từ cung trời Đâu-suất, nhập vào mẫu-thai, giáng trần tại thành Bandhumatì; cha là quốc-vương Bandhumà, mẹ là hoàng-hậu Bandhumatì, mang thai 10 tháng mới sanh nở. Hoàng-tử Vipassi có đủ 32 tướng tốt Đại-trượng-phu. Vua Cha cho xây ba toà lầu-đài cho hoàng-tử với đầy-đủ thú-vui vật-chất.

Sau bốn lần du-ngoạn vườn ngự-uyển: gặp người già-nua, kẻ bịnh-hoạn, thây người chết bị thiêu, và lần chót gặp một vị xuất-gia, hoàng-tử quyết chí rời bỏ gia-đình đi tu. Hay tin nầy, tám vạn bốn ngàn dân-chúng cũng xuất-gia theo. Rồi Bồ-tát cùng với đông-đảo đồ-chúng du-hành qua các làng ấp và đô- thị để giảng đạo.

Một thời-gian dài sau đó, Bồ-tát lìa đồ-chúng, sống tịnh-cư. Ngài suy-nghĩ về lý Duyên-sanh cùng sự sanh-diệt của năm uẩn trong thân-tâm, tự giác-ngộ và hoàn-toàn giải-thoát, trong khi ngồi dưới gốc cây pàtali (ba-bà-la). Ngài còn phân-vân chẳng biết có nên đem giáo-pháp cao-siêu, khó hiểu nầy ra giảng-dạy không, thì có vị Đại-Phạm Thiên đến khuyến-thỉnh Ngài hãy ra thuyết-pháp để cứu giúp các chúng-sanh.

Trước tiên, Thế-Tôn Vipassi thuyết-pháp cho vương-tử Khanda và con vương-sư Tissa (đó là hai vị đại-đệ-tử của Ngài); sau đó, Ngài lập Tăng-hội: một hội 68 triệu, một hội 10 vạn và một hội 8 vạn Tỷ- kheo. Ngài phân-phối họ đi khắp nơi và cứ sáu năm một lần tụ-họp về kinh-đô Bandhumatì đọc-tụng lại Giới-bổn.

074. TRÍCH-ĐOẠN: 32 TƯỚNG TỐT ĐẠI-TRƯỢNG-PHU

..."Hoàng-tử nầy có đầy-đủ 32 tướng tốt của bậc Đại-nhân. Ai có đủ 32 tướng tốt nầy sẽ chọn một trong hai con đường nầy: nếu sống tại gia-đình, sẽ trở nên vua Chuyển-luân Thánh-vương, dùng Chánh-pháp trị nước, bình-định bốn phương, đem lại an-toàn cho quốc-độ; (...) hoặc xuất-gia sống không gia-đình, sẽ trở thành bậc A-la-hán, Chánh-Đẳng-Giác, vén màn vô-minh cho đời ...:

(...)

1. lòng bàn chân bằng phẳng,

2. dưới hai bàn chân hiện hình bánh xe với ngàn tăm xe, trục xe, vành xe... ,

3. gót chơn thon dài,

4. ngón tay, ngón chơn dài,

5. tay, chơn mềm-mại,

6. tay chơn có màn da lưới,

7. mắt cá tròn như con sò,

8. ống chơn như con dê rừng,

9. khi đứng thẳng, không cong lưng xuống, có thể rờ đầu gối với hai bàn tay,

10. có tướng mã-âm-tàng,

11. màn da như đồng, màu sắc như vàng,

12 da trơn mướt, bụi chẳng bám vào được,

13. lông da mọc từ lông một, mỗi lỗ chơn lông có một lông,

14. lông mọc xoáy tròn thẳng lên, màu xanh đậm, xoáy lên từng xoáy tròn nhỏ về bên phải,

15. thân hình cao thẳng,

16. có bảy chỗ tròn đầy,

17. có nửa thân trước như con sư-tử,

18. không có lõm khuyết giữa hai vai,

19. thân-thể cân-đối như cây bàng (nigrodha)

20. có nửa thân trên vuông tròn,

21. có vị-giác hết sức bén-nhạy,

22. có quai-hàm như con sư-tử,

23. có bốn mươi cái răng,

24. có răng đều-đặn,

25. có răng không khuyết hở,

26. có răng cửa trơn láng,

27. có tướng lưỡi rộng dài,

28. có giọng nói tuyệt-diệu như tiếng chim ca-lăng-tần-già (Karavika),

29. có hai mắt màu xanh đậm,

30. có lông mi như con bò cái,

31. giữa hai lông mày có sợi lông trắng mọc lên, mịn-màng như bông nhẹ

32. có nhục-kế trên đầu....

075. TRÍCH-ĐOẠN CÁC BÀI KỆ: SAU KHI THÀNH ĐẠO, CÓ NÊN GIẢNG PHÁP ĐỘ SANH KHÔNG?

Thế-tôn Tỳ-bà-thi (Vipassi), sau khi thành-đạo, nói bài Kệ nầy:

"Sao nay ta lại nói lên Chánh-Pháp mà Ta đã chứng-ngộ rất khó-khăn?

Pháp nầy khó mà chứng-ngộ với những ai bị tham, sân chi-phối;

Những ai bị ái-nhiễm và vô-minh bao phủ rất khó thấy pháp nầy,

Một pháp đi ngược dòng, vi-diệu, thâm-sâu, khó thấy, vi-tế."

Lúc bấy giờ, có vị Đại-Phạm-thiên đến (...) qùi hướng về phiá Thế-Tôn Vipassi, bạch bài Kệ nầy:

"Như con người đứng trên đỉnh núi nhìn quanh dân chúng phía dưới;

Cũng vậy, Ngài Sumedha lên lầu Chánh-Pháp, bậc biến-nhãn, thoát-ly sầu muộn,

Nhìn xuống quần-chúng, âu lo sầu muộn, bị sanh, già áp-bức.

Hãy đứng lên, bậc anh-hùng, bậc chiến-thắng ở chiến-trường !

Vị trưởng đoàn lữ-khách, đấng thoát-ly mọi nợ-nần!

Thế-Tôn hãy đi khắp thế-giới hoằng-dương Chánh-Pháp;

Có người nhờ được nghe, sẽ thâm-hiểu diệu-nghiã !"

Rồi Thế-Tôn Vipassai trả lời vị Đại-Phạm-thiên với bài Kệ sau đây:

"Cửa bất-diệt đã được mở rộng,

Hỡi những ai được nghe, hãy từ bỏ tà-kiến của mình.

Vì nghĩ đến mệt-mỏi hoài-công, nầy Phạm-Thiên,

Ta không muốn giảng Chánh-Pháp vi-diệu cho loài người !"

Sau đó, Thế-Tôn Vipassi đến vườn Lộc-Uyển Khema, thành Bandhumatì, giảng Chánh-Pháp cho vương-tử Khanda và Tissa ...

076. HỌC KINH ĐẠI-BỔN NÊN CHÚ-Ý ĐIỂM NÀO?

1. Nội-dung Kinh Đại-Bổn có tánh-cách huyền-sử (việc tối-sơ từ 91 kiếp về trước), người học Kinh chẳng nên câu-nệ đòi hỏi sự kiểm-chứng theo khoa-học ngày nay. Đây là lời dạy chánh-thức của đức Bổn-Sư về nguồn-gốc các vị Phật, người Phật-tử với lòng thành chỉ nên biết tin theo đó mà thôi, chớ hoài-công đi truy-tầm các chứng-tích; vì đây là vấn-đề thuộc loại bất-khả tư-nghì, nghiã là vượt khỏi sự ly-luận của thế-gian.

2. Ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại-nhơn chỉ là hình-tướng bên ngoài, còn sự chứng-đắc giác-ngộ và giải-thoát bên trong mới thật là điều đáng qúi-trọng. Người học Kinh chớ nên xét đoán về hình-tướng, mà nên chú-trọng đến giới-đức, đến định-lực và nhứt là trí-huệ thù-thắng mới đưa hành-giả đến sự thoát khỏi mọi khổ-não của cuộc sống trong vòng Luân-hồi.

3. Lịch-sử của các đức Phật trong quá-khứ có nhiều điểm tương-đồng: sanh trong dòng-họ giàu-sang mà chẳng đắm-say thú-vui vật-chất; nhơn du-ngoạn ra ngoài thành, thấy được cảnh khổ-đau của già, bịnh, chết và thái-độ an-nhiên, tự-tại của một vị tu-hành mà đi xuất-gia tầm Đạo; tu-tập thiền-định và thành Đạo khi ngồi tịnh-cư dưới một gốc cây; suốt khoảng đời còn lại, hoằng-dương Chánh-Pháp để cứu-vớt chúng-sanh.

Đó chính là các điều mà người học bản Kinh nầy nên quan-tâm đến và cố sức noi theo trên con đường tu-tập của mình.

(TN. Mtl, 2006-03-01).

-ooOoo-

15. KINH ĐẠI - DUYÊN

077. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ĐỨC PHẬT GIẢNG KINH ĐẠI-DUYÊN?

Vào một thời kia, đức Phật ngụ tại ấp Kiếm-ma-sắt-đàm (Kammassadhamma) thuộc bộ-lạc Câu-lâu (Kuru) . Lúc bấy giờ, Tôn-giả A-nan (Ananda) đến bạch với Thế-Tôn: "Giáo-pháp Duyên-Khởi rất thâm-thúy, và đối với con, hết sức minh-bạch rõ-ràng." Đức Phật bảo: "Chớ có nói như vậy. Giáo- pháp Duyên-khởi nầy thật-sự thâm-thúy; chính vì không thâm-hiểu nên chúng-sanh bị rối-loạn... chẳng thể nào ra khỏi khổ-xứ..."

Rồi với phương-pháp vấn-đáp, đức Phật giải-thích tỉ-mỉ cho Tôn-giả A-nan "phải hiểu như thế nào" lý Duyên-khởi, từ sanh, Già-Chết ... cho đến Danh-Sắc và Thức, đã khiến chúng-sanh phải trôi-lăn mãi trong vòng Luân-hồi. Bằng lý Nhân-Duyên, Ngài phân-tách cặn-kẽ sự tập-khởi của toàn-bộ khổ-uẩn, cùng các bất-thiện-pháp. Ngài đả-phá tà-kiến chấp-thủ vào cái Ngã, khiến tâm và tuệ chưa được giải- thoát. Sau cùng, Ngài chỉ rõ bảy trú-xứ của Thức và tám con đường giải-thoát, nhờ tu-tập các cấp Thiền-định đạt tới câu-giải-thoát: chứng và an-trú trong Diệt thọ-tưởng định.

078. NỘI-DUNG KINH ĐẠI-DUYÊN.

Kinh Đại-Duyên rất dài, dùng nhiều danh-từ trừu-tượng để giải-thích Lý Duyên-Khởi: mọi sự-vật đều do nhân-duyên (Duyên) mà khởi (Khởi) sanh lên và tận-diệt.

A.- Ý Chánh: Rất khó tìm ra được mạch-kinh làm ý-chánh của bản Kinh nầy. Có thể nhận thấy được các ý quan-trọng, xếp theo thứ-tự trước sau: (1) Lý Duyên-Khởi; (2) tà-kiến Ngã-chấp; (3) trú-xứ của Thức; (4) tám cửa giải-thoát.

B.- Phân đoạn:

1.- Phần vấn-đáp giữa đức Phật và Tôn-giả A-nan để tìm Nhân-duyên dây chuyền của Lý DUYÊN- KHỞI:

- giữa: Già-chết, Sanh, Hữu, Thủ, Ái, Thọ, Xúc, Danh-Sắc và Thức, (có Già-Chết là do có Sanh; có Sanh là do có Hữu, có Hữu là do có Thủ, v.v...);

- đưa đến sự tập-khởi của TOÀN-BỘ KHỔ-UẨN (vì có Sanh, nên phải chịu già,chết, sầu, bi, ưu, khổ, não).

2.- Giải-thích mỗi DUYÊN trong Lý Duyên-Khởi:

- các loại SANH trong pháp-giới: chư Thiên, qủi-thần, loài người, súc-sanh; (nếu chẳng có Sanh thì chẳng có Già-chết);

- các loại HỮU: dục-hữu, sắc-hữu, vô-sắc-hữu; (nếu chẳng có Hữu, thì chẳng có Sanh);

- các loại THỦ: dục-thủ, kiến-thủ, giới-cấm-thủ, ngã-chấp-thủ; (nếu chẳng có Thủ thì chẳng có Hữu);

- các loại ÁI: sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái và pháp-ái; (nếu chẳng có Ái thì chẳng có Thủ)

- các loại THỌ: cảm-thọ từ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý sanh ra; (nếu chẳng có Thọ, thì chẳng có Ái);

- sự tập-khởi của các bất-thiện-pháp: từ duyên ái sanh ra tìm-cầu, lợi, quyết-định, tham-dục, đam- trước, chấp-thủ, hà-tiện, thủ-hộ đưa đến sự tranh-chấp nhau, gây thành các BẤT-THIỆN-PHÁP.

- các loại XÚC: nhãn-xúc, nhĩ-xúc, tị-xúc, thiệt-xúc, thân-xúc và ý-xúc; (nếu chẳng có Xúc, thì chẳng có Thọ)

- các loại DANH-SẮC: hình, sắc, tướng, mạo; (nếu chẳng có Danh-Sắc, thì chẳng có Xúc).

3.- HỖ-TƯƠNG NHÂN-DUYÊN giữa Danh-Sắc và Thức:

- Do duyên Thức, Danh-Sắc sanh: vì có Thức nhập vào thai mẹ, nên Danh-Sắc hình-thành, và khi sanh ra, mới lớn lên và thành-mãn.

- Do duyên Danh-Sắc, Thức sanh: nếu Thức chẳng an-trú được trong Danh-Sắc, thì trong tương-lai chẳng thể có sự sanh, già, chết, và tái-sanh được.

- Trong giới-hạn con người được sanh, già, chết, và tái-sanh lại, có sự lưu-chuyển luân-hồi, hiện-hữu từ trạng-thái nầy sang trạng-thái khác, đều do duyên của Danh-Sắc và Thức cả.

4.- Các tà-kiến về NGÃ-CHẤP:

- Chấp ngã có sắc và có hạn-lượng;

- Chấp ngã có sắc và không hạn-lượng;

- Chấp ngã vô-sắc và có hạn-lượng;

- Chấp ngã vô-sắc và chẳng có hạn-lượng.

- Chấp ngã là thọ;

- Chấp ngã là khả-năng cảm-thọ.

- Vị Tỳ-kheo không chấp-trước một điều gì trên đời, nên chẳng sợ-hãi, tự mình hoàn-toàn giải-thoát, và với thắng-trí hiểu-biết được tất cả.

5.- Các trú-xứ của THỨC:

- trú-xứ thứ nhứt: nơi loài hữu-tình như loài Người và chư Thiên;

- trú-xứ thứ hai: nơi các vị ở Phạm-Chúng thiên;

- trú-xứ thứ ba: nơi các vị ở Quang-Âm-thiên;

- trú-xứ thứ tư: nơi các vị ở Biến-Tịnh-thiên;

- trú-xứ thứ năm: nơi các vị ở Không-vô-biên-xứ;

- trú xứ thứ sáu: nơi các vị ở Thức-vô-biên-xứ;

- trú xứ thứ bảy: nơi các vị ở Vô-sở-hữu-xứ

- và hai trú-xứ nữa là: nơi Vô-tưởng hữu-tình-xứ và Phi-tưởng, phi phi-tưởng-xứ.

Nếu ai biết được Thức tại một trú-xứ nào, hiểu được vị ngọt và sự nguy-hiểm, cùng sự xuất-ly khỏi trú-xứ đó, sẽ lần-lượt vượt qua hết các trú-xứ và chẳng còn chấp-thủ nữa, thì vị nầy được Tuệ giải- thoát.

6.- Tám cửa GIẢI-THOÁT:

- cửa giải-thoát thứ nhứt: tự mình có sắc, thấy các sắc-pháp;

- cửa giải-thoát thứ hai: không biết mình có sắc, thấy các sắc ngoài tự-thân;

- cửa giải-thoát thứ ba: tâm mạnh hướng đến thanh-tịnh;

- cửa giải-thoát thứ tư: chứng và an-trú cõi Không vô-biên-xứ;

- cửa giải-thoát thứ năm: chứng và an-trú cõi Thức-vô-biên-xứ;

- cửa giải-thoát thứ sáu: chứng và an-trú cõi Vô-sở-hữu-xứ;

- cửa giải-thoát thứ bảy: chứng và an-trú cõi Phi-tưởng phi phi-tưởng xứ;

- cửa giải-thoát thứ tám: chứng và an-trú Diệt-thọ-tưởng định.

Diệt thọ-tưởng định là câu-giải-thoát cao-cả và thù-thắng nhứt.

079. TRÍCH-ĐOẠN: DO ĐÂU CÁC ÁC-PHÁP SANH?

..."Nầy Ananda, như vậy do duyên thọ, ái sanh; do duyên ái, tìm cầu sanh; do duyên tìm-cầu, lợi sanh; do duyên lợi, quyết-định (sở-dụng của lợi) sanh;; do duyên quyết-định, tham-dục sanh; do duyên tham-dục, đam-trước sanh; do duyên đam-trước, chấp-thủ sanh; do duyên chấp-thủ, hà-tiện sanh; do duyên hà-tiện, thủ-hộ sanh; do duyên thủ-hộ phát sanh một số ác, bất-thiện-pháp như chấp trượng, chấp kiếm, tranh-đấu, tranh-luận, đấu khẩu, khẩu-chiến, ác-khẩu, vọng-ngữ.

Trước đã nói: "Do duyên thủ-hộ, phát-sanh một số ác, bất-thiện-pháp, như chấp trượng, chấp kiếm, tranh-đấu, tranh-luận, đấu khẩu, khẩu-chiến, ác-khẩu, vọng-ngữ."Nầy Ananda, phải hiểu thế nào câu nói đò? Nầy Ananda, nếu thủ-hộ không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có thủ-hộ cho tất cả, nếu thủ-

hộ diệt, thời một số ác, bất-thiện-pháp (...) có thể hiện-hữu được không?

- Bạch Thế-Tôn, không.

- Nầy Ananda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập-khởi, như vậy là nhân-duyên của một số ác , bất-thiện-pháp..."

080. HỌC KINH ĐẠI-DUYÊN NÊN CHÚ-Ý ĐIỂM NÀO?

1. Giáo-pháp Duyên-Khởi trong Kinh Đại-Duyên nầy tuy hơi giống với Lý Mười-Hai Nhân-Duyên, nhưng có chỗ khác nhau:

- Lý Mười-Hai Nhân-Duyên có 12 duyên: Vô-minh, Hành, Thức, Danh-Sắc, Lục-Nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh, Lão-Tử;

- Lý Duyên-Khởi chỉ có 9 duyên: Thức, Danh-Sắc, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh, Lão-tử;

- Lý Duyên-Khởi có hai duyên hỗ-tương nhau: Thức duyên Danh-Sắc, mà Danh-Sắc lại cũng duyên Thức.

2. Điểm quan-trọng trong hai giáo-pháp nầy là:

Hễ cái nầy có, thì cái kia có;

Hễ cái nầy chẳng có, thì cái kia chẳng có.

3. Muốn tìm hiểu cặn-kẽ bản Kinh nầy, trước phải biết rõ ý-nghiã của các danh-từ chuyên-môn về Phật-học, nhứt là các Nhân-Duyên kể trong Giáo-pháp Duyên-Khởi.

(TN. Mtl, 2006-03-03).

-ooOoo-

16. KINH ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN

081. KINH ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN GHI LẠI NGÀY THÁNG CUỐI-CÙNG CỦA ĐỨC PHẬT TẠI THẾ-GIAN.

Đây là bản Kinh dài nhứt trong Trường-Bộ Kinh, ghi chép tỉ-mỉ những gì đã xảy ra trong nửa năm cuối-cùng của cuộc đời đức Phật Thích-ca tại thế-gian nầy.

Vào thuở ấy, đức Phật ngụ tại núi Linh-thứu (Gijjhakùta), gần thành Vương-xá (Ràjagaha), nước Ma- kiệt-đà (Magadha), cùng với các vị Tỳ-kheo. Từ đấy, Ngài cùng Tăng-đoàn đi bộ lên miền Bắc, cho đến thành Câu-thi-na (Kusinàrà), vào rừng nằm giữa hai cây Ta-la, rồi nhập-diệt vào Bát-Niết-Bàn.

Trên khoảng đường dài, từ núi Linh-thứu đến Câu-thi-na, Ngài dừng lại tại các làng-mạc, đô-thị để giảng pháp. Kinh nầy ghi khá đầy-đủ lại các bản Kinh quan-trọng trong Giáo-Pháp được Ngài ân-cần nhắc-nhở lại cho các đệ-tử. Sau bữa cơm cuối-cùng do người thợ sắt Thuần-đà (Cunda) hiến-dâng, Ngài bị trúng-thực vì nấm độc. Trước khi lìa đời, Ngài còn dạy cho vị đệ-tử cuối-cùng là ông Tu-bạt- đà-la (Subhadda), rồi tha-thiết nói lời giáo-hối với chúng Tăng. Thân đức Phật được hoả-táng và xá-lợi được dựng tháp cúng-dường.

Thái-tử Tất-đạt-ta (Siddhatta) sanh tại thành Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavatthu), nước Nepal, rời hoàng-cung năm 29 tuổi, đắc đạo dưới cội cây Bồ-đề năm 35 tuổi, giảng-dạy giáo-lý trong hơn 40 năm, thọ 80 tuổi. Năm Ngài mất được lấy làm năm đầu-tiên của Phật-lịch.

082. NỘI-DUNG KINH ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN.

Kinh Đại Bát-Niết-Bàn kết-tập thành sáu chương, tường-thuật những ngày cuối-cùng của đức Phật. Từ núi Linh-Thứu đến thành Câu-thi-na, Ngài dừng chơn tại nhiều nơi, để nhắc lại các lời giảng trong Giáo-pháp.

A.- Ý Chánh: Những lời dạy cuối-cùng của đức Phật, trước khi mất.

B.- Phân đoạn: Sáu chương trong bản Kinh:

1. Chương I: Từ núi Linh-Thứu đi đến bờ sông Hằng:

- tại Linh-thứu, Phật giảng bảy pháp bất-thoái đã dạy cho dân Bạt-kỳ (Vajjì) để giữ nước cường-thịnh;

- tại Vương-xá, Phật dạy các Tỳ-kheo năm loại bảy pháp bất-thoái, để được sống an-lạc, cường-thịnh, chẳng bị suy-giảm và sáu pháp sống chung hoà-mục;

- tại Pàtaligàma, Ngài giảng năm sự nguy-hiểm cho người phạm giới và năm lợi-ích cho kẻ giữ giới;

- bên bờ sông Hằng, Ngài đọc bài Kệ có ý-nghiã giải-thoát của việc kết bè để vượt sông qua bờ bên kia.

2. Chương II: từ Kotigàma đến Baluva ở Tỳ-da-ly:

- tại Koti, Phật giảng lại Tứ-diệu-đế và nhắc nhở Tỳ-kheo phải thấu hiểu rõ để tu-tập thoát khỏi Luân- hồi;

- tại Nàdikà, nhơn Tôn-giả A-nan hỏi về sự tái-sanh của các vị Tỳ-kheo và cư-sĩ đã mất ở đây, Phật giảng Kinh Pháp-Kính (tấm kiếng pháp) giúp Tỳ-kheo tự mình xét lấy sự chứng-đạt của mình.

- tại vườn xoài Ambapàli, đức Phật nhận sự cúng-dường của dâm-nữ Ambapàli, thay vì nhận của các hoàng-tử Licchavi;

- tại Baluvà, trong kỳ an-cư mùa mưa, đức Phật mắc bịnh nặng, nhưng cố gắng duy-trì mạng sống để có lời giã-biệt với các đệ-tử. Trước sự lo-lắng của Tôn-giả A-nan, đức Phật thốt lên lời nhắn-nhủ tha- thiết đến các hàng đồ-đệ: "Hãy tự mình làm chỗ nương-tựa cho chính mình; dùng Chánh-pháp làm ngọn đèn; chớ nương-tựa vào gì khác".

3. Chương III: từ điện-thờ Capala đến rừng Đại-Lâm:

- tại đền Capala, đức Phật từ-bỏ mạng-căn, sau khi nhận lời yêu-cầu của Ác-ma, và từ-khước lời thỉnh- cầu trụ-thế của A-nan;

- tại giảng-đường Trùng-các, đức Phật chánh-thức thông-báo tất cả Tỳ-kheo, trong ba tháng nữa, Ngài sẽ nhập Niết-Bàn.

4. Chương IV: Rời Tỳ-da-li đi hướng về Câu-thi-na:

- tại Bhandagàma, đức Phật giảng bốn thánh-đế là Giới, Định, Huệ và Giải-thoát;

- tại Bhoganagara, đức Phật giảng bốn Đại-giáo-pháp, theo đó khi nghe ai nói về Giáo-pháp, trước khi tin, phải đối-chiếu lại với Kinh và Luật;

- tại Pàva, đức Phật nhận bữa cơm cuối-cùng của người thợ sắt Cunda. Ngài bị đau bụng nặng vì ăn trúng nấm độc (một loại mộc-nhĩ, thường được gọi là nấm heo rừng). Ngài nhẫn-nại chịu đựng cơn bịnh và tiếp-tục lên đường đi đến Câu-thi-na.

- ngồi bên vệ đường, đức Phật gặp Pukkusa từ Câu-thi-na đến. Sau khi nghe đức Phật kể lại sự nhập- định của Ngài giữa cơn mưa tầm-tã, sấm-sét vang động mà vẫn chẳng nghe thấy gì, Pukkusa tỏ lời thán-phục và dâng-cúng hai tấm áo màu kim-sắc. Đức Phật nhận một, còn chiếc kia cho Tôn-giả A- nan. Ngài vì Pukkusa mà thuyết-pháp, xong lại tiếp-tục lên đường.

5. Chương V: Tại rừng Ta-la, chờ giờ nhập Niết-Bàn:

- giữa hai cây Ta-la song thọ, Tôn-giả A-nan trải giường nằm cho đức Phật. Bấy giờ, hoa Ta-la trỗ trái mùa, hoa Mạn-đà-la cõi Trời rơi xuống cúng-dường Thế-Tôn. Ngài bảo, tu-sĩ nào hành-trì và thành- tựu Chánh-Pháp, đó mới là biết cách tôn-kính và cúng-dường Như-Lai;

- Đức Phật giải-thích có bốn Thánh-tích (các nơi: đản-sanh, thành-đạo, Chuyển Pháp-luân và diệt-độ của Như-Lai) cần đến chiêm-ngưỡng, và có bốn hạng người đáng được xây tháp cúng-dường.

- Tôn-giả A-nan thưa hỏi và được đức Phật giải-đáp về việc đối-xử với phái nữ, việc xử-sự thân xá-lợi Như-Lai. Sau đó, Tôn-giả ra đứng dựa cột cửa và khóc. Đức Phật gọi vào an-ủi và hết lời khen ngợi các đức-tánh của vị thị-giả tối-thắng của Ngài.

- Du-sĩ ngoại-đạo Tu-bạt-đà-la (Subhadda) xin yết-kiến Phật, nghe giải-đáp thắc-mắc về giáo-pháp, và được nhận làm vị đệ-tử cuối-cùng của đức Phật.

6. Chương VI: Lời phó-chúc và lễ hoả-táng.

- Đức Phật ba lần hỏi có ai còn thắc-mắc, nghi-ngờ điều chi về Giáo-pháp thì cứ nói ra. Tất cả đều im lặng. Ngài mới thốt ra những lời phó-chúc sau cùng:

. "Sau khi Ta diệt-độ, chính Pháp và Luật là Đạo-sư của các Ngươi."

. "Các pháp hữu-vi là vô-thường, hãy tinh-tấn, chớ có phóng-dật."

- Đức Phật nhập và xuất các cấp Thiền-định, xong vào tứ-thiền, rồi liền diệt-độ vào canh cuối-cùng.

- Việc tẩn-liệm thân đức Phật theo đúng cách dùng cho bực Chuyển-luân Thánh-vương, được giao-phó cho dân Mallà ở Câu-thi-na phụ-trách.

- Việc hoả-táng được thi-hành sau khi Tôn-giả Đại Ca-diếp, người cầm đầu Tăng-đoàn từ Pàvà về đến, đi nhiễu quanh giàn hoả và đảnh lễ nơi chơn Thế-Tôn.

- Xá-lợi đức Phật được phân ra tám phần, (chia ra cho từ vua A-xa-thế đến dân-chúng Mallà), để xây dựng tháp cúng dường.

083. TRÍCH-ĐOẠN: BẢY PHÁP BẤT-THOÁI ĐỨC PHẬT DẠY CHO DÂN BẠT-KỲ.

Vua A-xà-thế (Ajàtasattu) nước Ma-kiệt-đà (Magadha) muốn chinh-phạt dân Bạt-kỳ (Vajjì), sai đại- thần đến thỉnh ý-kiến Thế-Tôn. Nhơn đó Ngài nói lại bảy pháp bất-thoái nầy đã dạy cho dân Bạt-kỳ, do đó việc chinh-phục họ chẳng thể nào thành-công được.

... Nầy Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì thường hay tụ-họp và tụ-họp đông-đảo với nhau không?

- Bạch Thế-Tôn, con có nghe ...

- Nầy Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì thường tụ-họp trong niệm đoàn-kết, giải-tán trong niệm đoàn- kết, và làm việc trong niệm đoàn-kết không?

- Bạch Thế-tôn, con có nghe ...

- Nầy Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì không ban-hành những luật-lệ không nên ban-hành, sống đúng với truyền-thống của dân Vajjì như đã ban-hành thời xưa không?

- Bạch Thế-Tôn con có nghe ...

- Nầy Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì tôn-sùng, kính-trọng, đảnh lễ, cúng-dường các bậc trưởng-lão Vajjì và nghe theo lời dạy của những vị nầy không?

- Bạch Thế-Tôn, con có nghe ...

- Nầy Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ-nữ và thiếu-nữ Vajjì phải sống với mình không?

- Bạch Thế-Tôn, con có nghe ...

- Nầy Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì tôn-sùng, kính-trọng, đảnh lễ, cúng-dường các tự-miếu của Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với qui-pháp không?

- Bạch Thế-Tôn, con có nghe ...

- Nầy Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì bảo-hộ che-chở, ủng-hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an-lạc không?

- Bạch Thế-Tôn, con có nghe ...

(...) Rồi Thế-Tôn nói với Bà-la-môn Vassakara, đại-thần nước Magadha:

- Nầy Bà-la-môn, một thời Ta sống ở Vesali (...) Ta dạy cho dân Vajjì bảy pháp bất-thoái nầy. Nầy Bà- la-môn, khi nào bảy pháp bất-thoái được duy-trì giữa dân Vajjì, khi nào dân Vajjì được giảng-dạy bảy pháp bất-thoái nầy, thời Bà-la-môn, dân Vajjì sẽ được cường-thịnh, không bị suy-giảm.

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Vassakara bạch:

- Tôn-giả Gotama, nếu dân Vajjì chỉ hội đủ một pháp bất-thoái nầy, thời dân Vajjì nhứt-định được cường-thịnh, không bị suy-giảm, huống nữa là đủ cả bảy pháp bất-thoái... Vua nước Magadha không thể đánh bại dân Vajjì ở chiến-trận...

084. TRÍCH-ĐOẠN: BẢY PHÁP BẤT-THOÁI CHO TỲ-KHEO

... Nầy các Tỳ-kheo, khi nào chúng Tỳ-kheo thường hay tụ-họp và tụ-họp đông-đảo với nhau ...

... khi nào chúng Tỳ-kheo tụ-họp trong niệm đoàn-kết, giải-tán trong niệm đoàn-kết, và làm việc Tăng- sự trong niệm đoàn-kết ...

... khi nào chúng Tỳ-kheo không ban-hành những luật-lệ không nên ban-hành, không hủy-bỏ những luật-lệ đã được ban-hành, sống đúng với những học-giới được ban-hành ...

... khi nào chúng Tỳ-kheo tôn-sùng, kính-trọng, đảnh lễ, cúng-dường các bậc Tỳ-kheo thượng-toạ,... giàu kinh-nghiệm,.. bậc Thầy của chúng Tăng, và nghe theo lời dạy của những vị nầy, ...

... khi nào chúng Tỳ-kheo không bị chi-phối bởi tham-ái, tham-ái nầy tác-thành đời sống khác, ...

... khi nào chúng Tỳ-kheo thích sống những chỗ nhàn-tịnh, ...

...khi nào chúng Tỳ-kheo tự-thân an-trú chánh-niệm, khiến các bạn đồng-tu thiện-chí chưa đến muốn đến ở, và các bạn đồng-tu thiện-chí đã đến ở, được sống an-lạc, ...

Nầy các Tỳ-kheo, khi nào bảy pháp bất-thoái nầy được duy-trì giữa các các vị Tỳ-kheo, khi nào các vị Tỳ-kheo được dạy bảy pháp bất-thoái nầy, thời nầy các Tỳ-kheo, chúng Tỳ-kheo sẽ được cường-thịnh, không bị suy-giảm...

085.TRÍCH-ĐOẠN: SÁU PHÁP BẤT-THOÁI CHO TỲ-KHEO.

Nầy các Tỳ-kheo, khi nào các vị Tỳ-kheo đối với các vị đồng-tu phạm-phạnh, tại chỗ đông người và vắng người, giữ gìn thân-nghiệp từ-hoà, ...

... giữ-gìn khẩu-nghiệp từ-hoà ...

... giữ-gìn ý-nghiệp từ-hoà ...

... khi nào các vị Tỳ-kheo phân-phối không thiên-vị, chung thọ-hưởng với các bạn đồng-tu mọi lợi- dưỡng chơn-chánh, hợp-pháp, cho đến những vật thọ-lãnh trong bát khất-thực, ...

... khi nào các vị Tỳ-kheo sống với các bạn đồng-tu, tại chỗ đông người và vắng người, trong sự thọ-trì những giới-luật, đúng với Sa-môn hạnh, những giới-luật không bị gãy vụn, không bị sứt-mẻ, không bị tì vết, không bị uế-trược, những giới-luật đưa đến giải-thoát, được người có trí tán-thán, không bị ô- nhiễm bởi mục-đích sai-lạc, các giới-luật hướng đến định-tâm...

... khi nào các vị Tỳ-kheo ... trong sự thọ-trì những tri-kiến đúng với Sa-môn hạnh, những thánh tri- kiến đưa đến giải-thoát, hướng đến sự diệt-tận khổ-đau cho những ai thiệt-hành theo ...

Nầy các Tỳ-kheo, khi nào sáu pháp bất-thoái nầy được duy-trì giữa các vị Tỳ-kheo, khi nào các vị Tỳ- kheo được dạy sáu pháp bất-thoái nầy, thời... chúng Tỳ-kheo sẽ được cường-thịnh, không bị suy- giảm....

086. TRÍCH-ĐOẠN: NĂM SỰ NGUY-HIỂM PHẠM GIỚI VÀ NĂM SỰ LỢI-ÍCH GIỮ GIỚI.

... Thế-Tôn nói với các cư-sĩ ở Pàtaligàma:

- Nầy các gia-chủ, có năm sự nguy-hiểm cho những ai phạm giới, sống trái giới-luật ...:

... bị tiêu-hao tiền-của rất nhiều, vì sống phóng-dật;

... bị tiếng dữ đồn xa ...

... khi vào (các) hội-chúng, ... đi vào với tâm-thần sợ hãi, bối-rối ...

... sẽ chết với tâm-hồn rối-loạn ...

... sau khi thân hoại mạng chung, sẽ bị sanh vào khổ-cảnh, ác-thú, đoạ-xứ, địa-ngục.

- Nầy các gia-chủ, có năm sự lợi-ích cho những ai giữ giới, sống theo giới-luật ...:

... sẽ có tiền-của dồi-dào, vì sống không phóng-dật

... được tiếng tốt đồn xa ...

... khi đi vào (các) hội-chúng... với tâm-thần không sợ hãi, không bối-rối ...

... sẽ chết với tâm-hồn không rối-loạn ...

... sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh vào thiện-thú, thiên-giới.

087. TRÍCH-ĐOẠN: GIỚI, ĐỊNH, HUỆ VÀ GIẢI-THOÁT

(Đoạn Kinh ngắn nầy được đức Phật nhắc lại nhiều lần với các Tỳ-kheo, trên đường đi đến Kusinara).

Đây là GIỚI, đây là ĐỊNH, đây là HUỆ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả-vị lớn, lợi-ích lớn. Huệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả-vị lớn, lợi-ích lớn. Tâm cùng tu với Huệ sẽ đưa đến giải-thoát hoàn- toàn các món lậu-hoặc, tức là dục-lậu, hữu-lậu (tri-kiến-lậu), vô-minh-lậu.

088. HỌC KINH ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN, CHÚ-Ý ĐIỂM NÀO?

1. Kinh Đại Bát-Niết-Bàn có tánh-cách lịch-sử, (ngày nay, ta vẫn còn tìm thấy được các chứng-tích), thuật lại đầy-đủ chi-tiết các ngày cuối-cùng của đức Phật Thích-ca, tại thế-gian nầy. Tuổi đã tám mươi, đường xa hàng ngàn dặm, đi bộ từ núi Linh-thứu đến rừng Ta-la ở Câu-thi-na, cùng với đông-đảo chúng Tỳ-kheo, dọc đường Ngài ân-cần nhắc-nhở lại các điều quan-trọng trong Giáo-pháp và thốt lên lời phó-chúc: "Chính mình tự nương-tựa nơi mình, đốt lên ngọn đuốc Chánh-pháp ... Chư hành đều vô-thường, hãy tinh-tấn, chớ phóng-dật." Người Phật-tử, tự xem là con của đấng Cha-lành, phải ghi nhớ trong tâm các lời nói đó của bậc Từ-phụ.

2. Trong chánh-văn Kinh-Tạng, hệ Pali, có chép các đoạn đức Phật đối-đáp với Ác-ma, việc chư Thiên ngăn chẳng cho lửa ở giàn-hoả cháy để chờ Tôn-giả Đại Ca-diếp kịp về đảnh-lễ Thế-Tôn lần chót, là những đoạn có vẻ thần-bí, siêu-nhiên, nhưng chẳng mấy quan-trọng. Chính các lời dặn-dò, phó-chúc của đức Phật mới là quan-trọng, nhứt là câu:: "Sau khi Ta diệt-độ, phải Kinh và Luật làm thầy." Nay tuy ta chẳng thấy mặt Ngài ở thế-gian, nhưng vẫn còn có Pháp, có Luật ghi chép lại lời Ngài đã dạy, thì sự

hiện-diện của Ngài nơi Ngôi Tam-Bảo vẫn hiển-hiện thường-hằng mãi mãi.

3. Thuật lại cuộc đời của đức Phật Thích-ca tại thế-gian nầy, Hoà-thương Narada, nguyên Tăng-Thống Giáo-Hội Phật-Ciáo Tích-Lan, từng hoằng-dương Đạo-pháp ở Saigon nhiều năm, có viết trong quyển sách ĐỨC PHẬT VÀ GIÁO-PHÁP CỦA NGÀI:

Ngài sanh ra như một con NGƯỜI.

Ngài đã sống một cuộc đời của bực VĨ-NHƠN.

Và Ngài đã nhập-diệt như một vị PHẬT.

Lời trích-dẫn trên đây tưởng cũng đủ để người Phật-tử, đừng vì lòng quá tôn-sùng mù-quáng mà thần- thánh-hoá đức Phật: Ngài cũng là người, như mọi người khác, chính cuộc đời tu-hành và giảng-đạo của Ngài mới khiến cho Ngài trở thành Phật.

(TN. Mtl, 2006-03-06).

-ooOoo-

17. KINH ĐẠI THIỆN-KIẾN-VƯƠNG

089. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ĐỨC PHẬT GIẢNG KINH ĐẠI THIỆN-KIẾN-VƯƠNG.

Vào một thời kia, đức Phật nằm giữa hai cây Ta-la song thọ trong khu rừng gần thành Câu-thi-na (Kusinàrà), và sắp nhập Niết-bàn. Tôn-giả A-nan xin đức Phật đừng diệt-độ ở nơi hoang-dã nầy, mà nên chọn một đô-thị khác to lớn hơn. Đức Phật bác-bỏ đề-nghị ấy và nhơn đó giảng Kinh Đại Thiện- Kiến-Vương.

Trong bản Kinh nầy, đức Phật nói thành Câu-thi-na ngày xưa chính là thủ-đô Câu-xá-bà-đế (Kusàvatti), huy-hoàng, tráng-lệ do vua Đại-Thiện-Kiến (Mahà-Sudassana) trị-vì theo Chánh-Pháp và vị Chuyển-Luân Thánh-vương nầy vốn là tiền-thân của đức Phật.

090. NỘI-DUNG KINH ĐẠI THIỆN-KIẾN-VƯƠNG.

Kinh nầy khá dài, được đức Phật nói lên với dụng-ý chỉ rõ cho Tôn-giả A-nan thấy nơi hoang-dã của khu rừng Ta-la nầy xưa kia là cố-đô Câu-xá-bà-đề rất huy-hoàng, tráng-lệ.

A.- Ý Chánh: Đức-độ và uy-phong của vua Đại-Thiện-Kiến khi xưa trị nước theo Chánh-Pháp, tại đô- thành Câu-xá-bà-đề (Kusavatti) tráng-lệ, nay là khu hoang-dã của rừng Ta-la, nơi đức Phật nhập Niết- Bàn.

B.- Phân đoạn: Kinh chia ra hai chương:

1. Chương I: Uy-lực của Vua Đại Thiện-Kiến, với quốc-độ hùng-cường và kinh-đô nguy-nga, tráng-lệ:

- Kinh-đô Kusàvatti rộng đến 12 do-tuần, có bảy bức thành và bảy hàng cây Ta-la bằng vàng, bạc, lưu- ly, xa-cừ... bao-bọc chung quanh, ...

- Vua Đại Thiện-Kiến có bảy báu (xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, nữ báu, gia-chủ báu và tướng- quân-báu) và bốn đức như-ý (thân-tướng đẹp, sống lâu, ít bị tai-ương,

được mọi người kính-yêu);

- Vua Đại Thiện-Kiến cởi xe báu đi chinh-phục khắp bốn châu thiên-hạ, các chư-hầu đều thần-phục;

- Lâu-đài Dhamma, chỗ vua ngự, có hàng ngàn căn phòng, trang-hoàng rực-rỡ bằng vàng, bạc...

2. Chương II: Vua Đại Thiện-Kiến tu-tập Thiền-đĩng và bốn tâm vô-lượng Từ, bi, hỷ, xả ...

- Vua bước vào cao-đường Đại-Trang-Nghiêm và bắt đầu tu-tập Thiền-định cùng bốn tâm vô-lượng;

- Sau đó nhiều năm, Vua sai khiên giường nằm ra khỏi cao-đường và đặt trong khu rừng Ta-la, và chờ giờ mệnh chung;

- Hoàng-hậu Subhaddà đến thăm và khuyên vua nên "ái-luyến đời sống" với mọi sự-vật khả-ái, khả- lạc;

- Đức Vua trách Hoàng-hậu: "Mọi sự-vật khả-ái, khả-lạc đều thay đổi, không có thực-thể, chịu sự biến- hoá. Đau-khổ thay, sự mệnh-chung với tâm còn ái-luyến." Rồi sau đó chẳng bao lâu, Vua mất, và được sanh lên cõi Phạm-thiên.

Để kết-thúc bản Kinh, đức Phật nói với A-nan:

"Nầy Ananda, tất cả các pháp hữu-vi ấy nay đã vào quá-khứ, hoại-diệt và biến-hoá. Nầy Ananda, các pháp hữu-vi, vô-thường là như vậy, không kiên-cố là như vậy, không đáng tin-tưởng là như vậy ... Ta nhớ lại như thế nào, tại chỗ nầy thân Ta đã được chôn tất cả là sáu lần, và khi Ta sống làm một vị Chuyển-luân Thánh-vương, dùng Chánh-Pháp trị nước, ... chinh-phục bốn thiên-hạ, ... che chở cho quần-chúng, đầy-đủ bảy món báu, đó là lần thứ bảy. Nầy Ananda, Ta không thấy một địa-phương nào, trong thế-giới loài Người và chư Thiên, ... mà trong địa-phương ấy, Như-Lai sẽ bỏ thân nầy lần thứ tám."

091. HỌC KINH ĐẠI THIỆN-KIẾN VƯƠNG, NÊN CHÚ-Ý ĐIỂM NÀO?

1. Kinh Đại Thiện-Kiến Vương có tánh-cách huyền-sử, cũng như Kinh Đại-Bổn (Bản Kinh số 13, Trường-Bộ Kinh); do sự tường-thuật lại của đức Phật Thích-ca về các việc đã xảy ra thời xa-xưa; ta chẳng thể tim thấy được các chứng-tích.

2. Dụng-ý của Phật khi nói Kinh nầy là để nêu lên tánh-cách vô-thường của các pháp hữu-vi, cùng sự huy-hoàng của thành Kusàvatti vào thời xưa, nay đã thành khu rừng ta-la hoang-dã, nơi Ngài xả bỏ thân-mạng lần cuối-cùng.

(TN. Mtl, 2006-03-07).

-ooOoo-

18. KINH XÀ-NI-SA

092. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ĐỨC PHẬT GIẢNG KINH XÀ-NI-SA?

Vào một thời kia, đức Phật cùng với các Tỳ-kheo trên đường đi từ núi Linh-Thứu đến thành Câu-thi- na, để nhập Niết-Bàn.Ngài dừng ở làng Na-đề-ca (Nàdika), nước Ma-kiệt-đà (Magadha). Bấy giờ, Tôn-giả A-nan thưa hỏi đức Phật về các tu-sĩ và cư-sĩ đã mất tại đây, nay được tái-sanh về đâu. Nhơn đó, đức Phật giảng Kinh nầy, thuật lại lời của vị Dạ-xoa tên là Janavasabha (Xà-Ni-Sa) đã trình với đức Phật về chuyện tái-sanh đó.

Xà-Ni-Sa vốn đời trước là vua Tần-bà-sa-la (Bimbisàra) của nước Ma-kiệt-đà, nhờ tu-tập theo Chánh- Pháp mà được sanh lên Thiên-giới. Xà-Ni-Sa có tham-dự buổi họp tại Thiện-Pháp-đường để nghe vị Đại-Phạm Thiên-vương nhắc lại (1) ba con đường tắt hướng đến an-lạc, (2) bốn pháp quán-niệm và (3) bảy pháp Định tư-lương để tu-tập Chánh-định. Vị nầy còn cho biết, những ai tin-tưởng Phật, Pháp, Tăng, tin tưởng không có thoái-chuyển, đầy-đủ giới-hạnh, sẽ được hoá-sanh lên cõi Trời, và tất cả hơn hai trăm bốn mươi vạn cư-sĩ ở Magadha đã từ-trần, diệt các kết-sử, đã chứng được các quả Dự-lưu, Nhất-Lai và Bất-Lai.

Thế-Tôn sau khi nghe câu chuyện của Xà-Ni-Sa, chấp-nhận lời nói của vị Đại-Phạm Thiên, và tự mình chứng-tri rồi mới thuật lại cho Tôn-giả A-nan nghe.

093. NỘI-DUNG KINH XÀ-NI-SA.

Kinh Xà-Ni-Sa bàn về việc tái-sanh của các tu-sĩ và cư-sĩ ở nước Ma-kiệt-đà, tu-tập theo Chánh-Pháp, khi chết được sanh lên cõi Trời Phạm.

A.- Ý Chánh: Nhờ tu-tập theo Chánh-Pháp do đức Phật đã giảng-dạy ở cõi Người mà được tái-sanh lên cõi Trời Phạm.

B.- Phân đoạn: Kinh có thể chia ra hai phần:

1. Phần I: Tôn-giả A-nan hỏi Phật việc tái-sanh của các tu-sĩ và cư-sĩ ở nước Ma-kiệt-đà.

- Tôn-giả A-nan thắc-mắc tại sao đức Phật chưa nói đến việc tái-sanh của tu-sĩ, cư-sĩ mất ở Ma-kiệt- đà.

- Đức Phật nhập-định, thấy chỗ thọ-sanh của các tín-đồ ở Magadha và được vị Trời Xà-Ni-Sa tới yết- kiến.

2. Phần II: Xà-Ni-Sa tường-trình buổi pháp-thoại của Đại-Phạm Thiên-vương tại Thiện-Pháp-đường:

- Xà-Ni-Sa chính là vua Tần-bà-sa-la đời trước đã cai-trị nước Ma-kiệt-đà trong Chánh-Pháp;

- Xà-Ni-Sa trình với Phật, sở dĩ mình được sanh Thiên là nhờ tu-tập theo Giáo-Pháp của đức Phật;

- Quang-cảnh chư Thiên hội-họp ngày lễ Bố-tát tại Thiện-pháp-đường ở cõi Tam-thập-tam thiên.

- Vị Đại-Phạm Thiên-vương xuất hiện giảng pháp: (1) ba con đường tắt hướng đến an-lạc; (2) bốn pháp Tứ-niệm-xứ, (3) bảy pháp tu Định tư-lương, đã được đức Phật

tuyên-giảng.

094. TRÍCH-ĐOẠN: BA PHÁP HƯỚNG ĐẾN AN-LẠC.

... "Chư Thiên-hữu, qúi vị nghĩ thế nào (về) ba con đường tắt hướng đến an-lạc... Thế nào là ba?

Chư Thiên-hữu, ở đây có người thân-cận dục-lạc, ... bất-thiện-pháp ... Và khi nghe được Chánh-pháp, như-lý tác-ý, ... vị nầy không thân-cận dục-lạc, bất-thiện-pháp. Nhờ sống không thân-cận dục-lạc, bất- thiện-pháp, an-lạc khởi lên, và hơn cả an-lạc, hoan-hỷ khởi lên ... Đó là con đường tắt thứ nhứt hướng đến an-lạc, đã được Thế-Tôn, ... , chứng-ngộ.

Chư Thiên-hữu, ở đây có người thân-hành thô-lậu, chưa được an-tịnh, khẩu-hành, ý-hành thô-lậu, chưa an-tịnh... Sau một thời-gian, vị nầy nghe được Chánh-pháp, và như-lý tác-ý... thì thân-hành,... khẩu-hành,... ý-hành thô-lậu được an-tịnh, an-lạc khởi lên, và hơn thế nữa, hoan-hỷ khởi lên... Đó là con đường tắt thứ hai hướng đến an-lạc, đã được Thế-Tôn chứng-ngộ.

Chư Thiên-hữu, lại nữa ở đây có người không như-thật biết: "Đây là thiện, đây là bất-thiện...." Sau khi được nghe Chánh-Pháp, như-lý tác-ý, chứng-đắc Chánh-Pháp... vị nầy như-thật biết: "Đây là thiện, đây là bất-thiện... ", ... nhờ biết như vậy mà vô-minh của vị nầy được trừ-diệt, minh được sanh-khởi, an-lạc khởi lên. ... Đó là con đường tắt thứ ba hướng đến an-lạc..."

095. TRÍCH-ĐOẠN: BẢY PHÁP ĐỊNH TƯ-LƯƠNG.

... Thế nào là bảy pháp Định tư-lương (Samàdhi-parikkhàrà)? (Đó là)... Chánh tri-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm.

Chư Thiên-hữu, nhứt-cảnh-tánh của tâm do bảy chi nầy sửa-soạn, được gọi là thánh-chánh-định cùng với các y-chỉ và cùng với các tư-lương. Chư Thiên-hữu, chánh tư-duy vừa đủ để chánh tri-kiến sanh- khởi, chánh-ngữ vừa đủ để chánh tư-duy sanh-khởi, chánh-nghiệp vừa đủ để chánh-ngữ sanh-khởi, chánh-mạng vừa đủ để chánh-nghiệp sanh-khởi, chánh tinh-tấn vừa đủ để chánh-mạng sanh-khởi, chánh-niệm vừa đủ để chánh tinh-tấn sanh-khởi, chánh-định vừa đủ để chánh-niệm sanh-khởi, chánh- trí vừa đủ để chánh-định sanh-khởi, chánh giải-thoát vừa đủ để chánh-trí sanh-khởi ...

096. HỌC KINH XÀ-NI-SA, NÊN CHÚ-Ý ĐIỂM NÀO?

1. Học Kinh Xà-Ni-Sa, đừng tìm hiểu kẻ khác đã chứng đến mức nào; trái lại, phải biết tự xét đường-tu của chính mình đã đến đâu, để nỗ-lực tiến lên nữa.

2. Ba con đường tắt hướng đến an-lạc bắt đầu bằng (1) xa-rời các dục-lạc (thú-vui vật-chất), (2) giữ thân, khẩu, ý cho thanh-tịnh,, (3) phân-biệt rõ thiện và bất-thiện. - Tu bốn phép quán-niệm (tứ niệm- xứ), phải biết khi (1) quán thân, thấy thân bất-tịnh; (2) quán thọ, biết cảm-thọ là khổ; (3) quán tâm, hiểu tâm là vô-thường; (4) quán pháp (sự-vật), thấu rõ muôn pháp đều vô-ngã. - Tập bảy pháp Định tư-lương, trước nên dồn

nỗ-lực vào chánh-niệm, trong Bát-Chánh-Đạo.

(TN. Mtl, 2006-03-07).

-ooOoo-

19. KINH ĐẠI ĐIỂN-TÔN

097. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ĐỨC PHẬT GIẢNG KINH ĐẠI ĐIỂN-TÔN?

Vào một thời kia, đức Phật ngụ tại núi Linh-Thứu (Gijjhakùta), gần thành Vương-xá (Ràjagaha), có vị Trời Càn-thát-bà (Gandhabba), tên là Ngũ-Kế (Pancasikha) đến yết-kiến, xin tường-thuật lại với Thế- Tôn, các điều đã nghe tại buổi lễ Bố-tát tại Thiện-Pháp-đường trên cõi Trời Ba-mươi-ba.

Ngũ-Kế kể lại, chư Thiên sau khi nghe Thiên-chủ Đế-Thích (Sakka) trình-bày tám pháp như-thật của Thế-Tôn, thì có vị Đại-Phạm Thiên-vương xuất-hiện và thuật lại tiểu-sử của vị Bà-la-môn Đại Điển- tôn (Mahà Govinda). Vị nầy có một thời chấp-chánh lo quốc-sự rất vẹn-toàn, sau xuất-gia tu-hành và đem giáo-lý ra giúp nhiều đệ-tử tu-tập được sanh lên cõi Trời Đại-Phạm.

Đức Phật bảo, Bà-la-môn Đại Điển-tôn chính là tiền-thân của Ngài; giáo-lý Ngài dạy vào thời ấy chỉ đưa người tu-hành sanh lên cõi Trời Phạm mà thôi, còn nay Ngài đã chứng-đắc ngôi-vị Phật, với giáo- pháp Bát-Chánh-Đạo, Ngài chỉ rõ con đường phạm-hạnh đưa đến an-tịnh, thắng-trí, giác-ngộ và Niết- Bàn.

098. NỘI-DUNG KINH ĐẠI ĐIỂN-TÔN.

Phần lớn nội-dung Kinh Đại Điển-tôn chép lại lời tường-thuật của vị Càn-thát-bà, về con đường sanh lên cõi Trời Đại-Phạm. Đức Phật chỉ giảng một phần ngắn vào cuối Kinh, nói về con đường Phạm- hạnh đưa tới sự giác-ngộ, giải-thoát và chứng-đắc Niết-Bàn.

A.- Ý Chánh: Đường-tu Bà-la-môn chỉ đưa đến việc tái-sanh lên cõi Trời Đại-Phạm, còn chưa được hoàn-mãn bằng đường-lối giác-ngộ và giải-thoát hoàn-toàn trong giáo-lý của đức Phật.

B.- Phân đoạn: Kinh nầy chia ra ba phần:

1. Phần I: Cảnh Trời Ba-mươi-ba trong dịp lễ Bố-tát

- Ngũ-Kế đến yết-kiến đức Phật;

- Quang-cảnh Thiện-Pháp-đường khi vị Trời Đế-Thích giảng tám pháp như-thật của Thế-Tôn;

2. Phần II: Vua Trời Phạm thuật lại tiểu-sử của Đại Điển-Tôn:

- Vị Đại-Phạm Thiên-vương xuất hiện;

- Tiểu-sử của Bà-la-môn Đại Điển-Tôn, theo lời tường-thuật của vị Trời Đại-Phạm;

- Đại Điển-Tôn chấp-chánh;

- Đại Điển-Tôn tịnh-cư, tu Thiền-định;

- Vị Đại-Phạm Thiên xuất-hiện và chỉ-dạy Đại Điển-Tôn;

- Công-đức giáo-hoá của tu-sĩ Đại Điển-Tôn;

3. Phần III: Đại Điển-Tôn là tiền-thân của đức Phật:

- Đức Phật cho biết, Đại Điển-Tôn chính là tiền-thân của Đức Phật;

- Đức Phật so-sánh hai đường-tu giữa Bà-la-môn và Phật-giáo.

099. TRÍCH-ĐOẠN: 8 PHÁP NHƯ-THẬT CỦA THẾ-TÔN

"...Nầy chư Thiên-hữu ! ... Như-Lai dấn thân vì hạnh-phúc cho chúng sanh, vì an-lạc cho chúng sanh, vỉ lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh-phúc, vì an-lạc cho loài Trời và loài Người ...

... một vị Giảng-sư thuyết-pháp hướng-thượng...

... một vị khéo giải-thích các pháp thiện, bất-thiện, có tội, không có tội, ...

... một vị khéo giải-thích con đường hướng đến Niết-Bàn...

... một vị sống chung một niềm hoà-hợp, lạc-trú

... một vị sống thọ-hưởng các lợi-dưỡng với tâm không kiêu-mạn...

... một vị nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy

... một vị đã vượt khỏi nghi-ngờ, diệt-trừ do-dự.

100. TRÍCH-ĐOẠN: KỆ CỦA VUA TRỜI ĐẠI-PHẠM.

- Nay ta hỏi Phạm-Thiên ...

Ta hỏi điều nghi-ngờ,

Người khác đều muốn biết.

An-trú tại chỗ nào,

Tu-tập tại chỗ nào,

Để chứng quả bất-tử?

- Chính tại Phạm-Thiên-giới:

Nầy Ngươi Bà-la-môn !

Ai bỏ ngã, ngã-sở,

Tâm chuyên-chú nhứt-cảnh,

Tu tập đại-bi tâm,

Thoát-ly mọi xú-uế,

Lánh xa mọi tà-dục,

An-trú ở nơi đây !

Để chứng quả bất-tử,

Chính tại Phạm-Thiên-giới.

101. HỌC KINH ĐẠI ĐIỂN-TÔN, CHÚ-Ý ĐIỂM NÀO?

1. Người tu-hành sơ-cơ thường mong-cầu được tái-sanh lên cõi trời để hưởng sung-sướng. Nhưng khi hết phước ở cõi trời, cũng vẫn phải tái-sanh lại trong vòng Luân-hồi; nếu chẳng biết lo tu-tập thêm, có thể sa vào các đường ác. Mục-tiêu tối-thượng của Giáo-lý nhà Phật là thoát khỏi vĩnh-viễn cảnh sanh- tử Luân-hồi, với sự giác-ngộ và giải-thoát hoàn-toàn cùng sự chứng-đắc vảo cảnh an-tịch của Niết- Bàn.

2. Trong bài Kệ được trích-dẫn trên đây, có câu: "Tâm chuyên-chú nhứt cảnh" hơi khó hiểu. Câu nầy được Kinh giải-thích như sau: "Tâm chuyên nhứt cảnh, thưa Tôn-giả, câu ấy tôi hiểu. Trong đời có người lựa chỗ an-trú thanh-vắng, một khu rừng, một gốc cây, một ngọn núi, một hang cốc, một bãi tha-ma, một sơn-lâm, giữa trời không, một đống rơm. Thưa Tôn-giả, như vậy tôi hiểu nghiã tâm chuyên nhứt cảnh."

(TN. Mtl, 2006-03-08).

-ooOoo-

20. KINH ĐẠI HỘI

102. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ĐỨC PHẬT GIẢNG KINH ĐẠI HỘI?

Vào một thời kia, đức Phật ngụ tại rừng Đại-Lâm (Mahàvana) gần thành Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavatthu), thuộc bộ-tộc Thích-ca (Sakya), cùng với chúng Tỳ-kheo, khoảng năm trăm vị đều chứng quả A-la-hán. Bấy giờ, chư Thiên ở mười phương thế-giới tập-họp lại để chiêm-ngưỡng Thế-Tôn và các Tỳ-kheo.

Nhơn đó, đức Phật giảng Kinh nầy, để giới-thiệu toàn-thể chư Thiên đến tham-dự đại-hội.

103. NỘI-DUNG KINH ĐẠI HỘI.

Kinh nầy tương-đối ngắn, so với các bản Kinh khác thuộc Trường-Bộ Kinh. Phần đầu có bốn bài Kệ ngắn, bốn câu, của bốn vị Trời ở Tịnh-cư thiên tán-thán Thế-Tôn. Phần sau là bài Kệ dài của đức Phật tuyên-bố danh-tánh của chư Thiên tham-dự đại-hội.

Theo thứ-tự, có thể kể ra:

- hàng phi-nhân khoảng bảy mươi ngàn;

- hàng Dạ-xoa, khoảng trăm hai mươi ngàn;

- bốn vị Thiên-vương: Trì-Quốc, Tăng-Trưởng, Quảng-Mục, Đa-văn và Thiên-chúng quyến-thuộc;

- hàng Càn-thát-bà, Long-vương, A-tu-la, và quyến-thuộc;

- các vị Thần nước, đất, lửa, gió, mặt trời, mặt trăng

- bậc Đại-Phạm Thiên-vương và các Thiên-chúng;

- hàng Ma-vương với chúng Ma-quân đông-đảo, nổi cơn giông-tố lớn, định bao vây và bắt trói kẻ còn tham-ái, nhưng chúng phải rút lui, vì chư vị Tỳ-kheo đều là bậc vô-tham, vô-úy, tuân theo lời Phật dạy...

104. ĐỌC KINH ĐẠI HỘI, NÊN CHÚ-Ý ĐIỂM NÀO?

Kinh Đại Hội chẳng chứa đựng rõ-rệt một pháp-tu nào, chỉ nhắc lại quang-cảnh huy-hoàng buổi Đại- hội chư Thiên đến chiêm-ngưỡng Thế-Tôn và các vị Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán. Tưởng cũng chẳng cần nhớ hết các danh-xưng của chư Thiên, được kể trong Kinh nầy.

(TN. Mtl, 2006-03-09).

-ooOoo-

21. KINH ĐẾ-THÍCH SỞ-VẤN

105. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ĐỨC PHẬT GIẢNG KINH ĐẾ-THÍCH SỞ-VẤN?

Vào một thời kia, đức Phật ngụ trong hang Nhơn-đà-sa-la (Indasàla), núi Tỳ-đà-sơn (Vediya), phía Bắc làng Am-bà-la (Ambasanda), gần thành Vương-xá (Ràjagaha) thuộc nước Ma-kiệt-đà (Magadha). Lúc bấy giờ, Vua Trời Đế-Thích (Sakka), cùng với Thiên-chúng đến chiêm-ngưỡng Thế-Tôn và thưa hỏi về Chánh-Pháp.

Nhơn đó, đức Phật giảng Kinh nầy để giải-thích rõ ràng về sáu câu hỏi của vua Trời Đế-Thích, có liên- quan đến (1)hận-thù, (2)tật-đố, (3)tầm-cầu và vọng-tưởng, (4)biệt-giải-thoát luật-nghi, (5)sự hộ-trì các căn, (6)tham-ái. Vua Trời Đế-Thích rất hoan-hỷ và thoải-mái và nói lên các điều lợi-ích khiến tâm mình hoan-hỷ khi được nghe Chánh-Pháp do Thế-tôn thuyết-giảng.

106. NỘI-DUNG KINH ĐẾ-THÍCH SỞ-VẤN.

A.- Ý Chánh: Kinh Đế-Thích Sở-Vấn, (sở = chỗ; vấn = hỏi) ghi sáu câu về Phật-Pháp của vua Trời Đế- Thích thỉnh-hỏi Đức Phật.

B.- Phân đoạn: Kinh chia ra hai phần:

1. Phần I: Trời Đế-Thích sai Ngũ-Kế đi đánh đàn ở chỗ Phật ngự:

- Vua Trời Đế-Thích cùng với chư Thiên đến núi Tỳ-đà-sơn;

- Càn-thát-bà Ngũ-Kế vâng lịnh vua Trời tấu nhạc ở động Nhơn-đà-sa-la, núi Tỳ-đà-sơn;

- Vua Trời nhắc lại chuyện xưa, muốn đến đảnh-lễ gặp lúc đức Phật đang nhập-định, nên nay đến đây.

2. Phần II: Sáu câu hỏi của vua Trời Đế-Thích và lời giải-đáp của đức Phật:

- Câu hỏi 1: Do đâu có hận-thù?

- Đáp: Do tật-đố và xan-tham;

- Câu hỏi 2: Do đâu có tất-đố và xan-tham?

- Đáp: Do ưa ghét mà có tật-đố và xan-tham; ưa ghét do dục; dục do tầm-cầu;

- Câu hỏi 3: Do đâu có tầm-cầu?

- Đáp: Do các loại vọng-tưởng và hý-luận. Muốn diệt vọng-tưởng, cần thân-cận với hỷ, ưu, xả, khi chúng chẳng câu-hữu với tầm-cầu.

- Câu hỏi 4: Phải thành-tựu pháp biệt-giải-thoát luật-nghi như thế nào?

- Đáp: Thân-hành, khẩu-hành và tầm-cầu mỗi thứ đều có hai loại: phải biết thân-cận với loại nào làm gia-tăng thiện-pháp, và tránh xa loại nào làm bất-thiện-pháp tăng-trưởng. Thành-tựu biệt-giải-thoát luật-nghi là như thế.

- Câu hỏi 5: Phải hộ-trì các căn như thế nào?

- Đáp: Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc-cảm, ý phân-biệt muôn pháp (muôn sự-vật), mỗi thứ đều có hai loại, chỉ nên thân-cận với loại nào là tăng-trưởng thiện-pháp mà thôi. Hộ-trì các căn là phải làm như thế.

- Câu hỏi 6: Các Sa-môn, Bà-la-môn đồng-tu có đồng cứu-cánh, đồng an-ổn và đồng phạm-hạnh với nhau không?

- Đáp: Không, chỉ có các Sa-môn, Bà-la-môn nào đã giải-thoát khỏi tham-ái mới đồng phạm-hạnh, đồng mục-đích, đồng an-ổn.

Thoả-mãn và hoan-lạc, Vua Đế-Thích đọc bài Kệ kể ra sáu điều lợi-ích của niềm hoan-hỷ khi nghe được Chánh-Pháp.

107. TRÍCH-ĐOẠN: DO ĐÂU CÓ HẬN-THÙ?

... Bạch Thế-Tôn, do kết-sử nào, ... tất cả các loài ... sống với nhau trong hận-thù?

- Do tật-đố và xan-tham... Nầy Thiên-chủ, tật-đố và xan-tham do ưa ghét làm nhân-duyên, do ưa ghét làm tập-khởi; ưa ghét có mặt thì tật-đố, xan-tham có mặt; ưa ghét không có mặt thì tật-đố, xan-tham

không có mặt... Nầy Thiên-chủ, ưa ghét do dục làm nhân-duyên, do dục làm tập-khởi, dục khiến chúng khởi lên;... (nếu) dục không có mặt thì ưa ghét không có mặt... Nầy Thiên-chủ, dục do tầm làm nhân- duyên, do tầm làm tập-khởi, tầm khiến dục sanh-khởi; ... (nếu) tầm không có mặt, thì dục không có mặt... Nầy Thiên-chủ, tầm lấy các loại vọng-tưởng hý-luận làm nhân-duyên, lấy các loại vọng-tưởng hý-luận làm tập-khởi...(nếu) các loại vọng-tưởng hý-luận không có mặt thì tầm không có mặt...

- Bạch Thế-Tôn, ... phải thành-tựu con đường nào (để) diệt-trừ các loại vọng-tưởng hý-luận?

- Nầy Thiên-chủ, có hai loại hỷ,... có hai loại ưu, ... có hai loại xả: loại câu-hữu với tầm, và loại chẳng câu-hữu với tầm. Loại không câu-hữu với tầm và tứ thì thù-thắng hơn... Nầy Thiên-chủ, phải thân-cận với loại hỷ, ... ưu, ... xả nào mà thiện-pháp được tăng-trưởng... và bất-thiện-pháp bị suy-giảm,... (cũng) chẳng câu-hữu với tầm và tứ, thì thù-thắng hơn... Nầy Thiên-chủ, vị Tỳ-kheo phải chứng-đạt như vậy, phải thành-tựu

con đường như vậy, mới thích-hợp và hướng-dẫn đến sự diệt-trừ các vông- tưởng hý-luận....

108. HỌC KINH ĐẾ-THÍCH SỞ-VẤN, CHÚ-Ý ĐIỂM NÀO?

Kính Đế-Thích Sở-Vấn quan-trọng ở điểm đức Phật chỉ dạy cách diệt-trừ hận-thù để cuộc sống chung được hoà-mục và an-ổn. Diệt-trừ bằng cách tìm ra nhân-duyên đã gây ra hận-thù.

Đức Phật đã dùng phương-pháp tìm nhân-duyên dây chuyền đưa đến sự hận-thù, từ tật-đố (= ganh- ghét), xan-tham (= bỏn-sẻn) cho đến các vọng-tưởng hý-luận, mà quan-trọng nhứt là sự tầm-cầu chạy theo các dục-vọng. Nguyên-tắc căn-bản là chớ thân-cận vào các nhân-duyên nào làm bất-thiện-pháp tăng-trưởng và đồng thời làm suy-giảm các thiện-pháp. Trong việc nầy, sự hộ-trì các căn là điểm rất thiết-yếu.

(TN. Mtl, 2006-03-10).

-ooOoo-

22. KINH ĐẠI NIỆM-XỨ

109. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ĐỨC PHẬT GIẢNG KINH ĐẠI NIỆM-XỨ.

Vào một thời kia, đức Phật ngụ gần đô-thị Kiềm-ma-sắt-đàm (Kammàssadhamma), xứ Câu-lâu (Kuru). Ngài gọi các vị Tỳ-kheo đến và nói, có "con đường độc-nhứt đưa đến thanh-tịnh cho chúng-sanh, vượt khỏi sầu-bi, diệt-trừ khổ-ưu, thành-tựu chánh-trí, chứng ngộ Niết-bàn." Đó là Bốn Niệm-Xứ`.

Nhơn đó Ngài giảng Kinh Đại Niệm-Xứ nầy, quan-trọng về mặt giáo-lý, ngang hàng với các Kinh Phạm-Võng, Sa-Môn Quả, thuộc Trường-Bộ Kinh.

110. NỘI-DUNG KINH ĐẠI NIỆM-XỨ.

A.- Ý Chánh: Kinh Đại Niệm-Xứ dạy bốn pháp quán-niệm: (1) thân, (2) thọ, (3) tâm, (4) pháp.

B.- Phân đoạn: Kinh có thể chia ra bốn phần:

1. Phần I: quán thân trên thân:

- chuẩn-bị: ngồi kiết-già nơi an-tịnh, an-trú chánh-niệm nơi hơi thở ra, hơi thở vào; quán tánh sanh- khởi và diệt-tận trên thân;

- giữ chánh-niệm trong mọi oai-nghi: đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín...

- pháp quán 32 chỗ bất-tịnh nơi thân-thể;

- pháp quán các giới trên thân;

- các pháp quán thây chết ở bãi tha-ma, lúc mới chết cho đến khi thây chỉ còn xương trắng, rời-rạc.

2. Phần II: quán thọ trên các cảm-thọ:

- phân-biệt các loại cảm-thọ: lạc-thọ, khổ-thọ, bất lạc bất khổ thọ;

- quán tánh sanh-khởi và diệt-tận của cảm-thọ.

3. Phần III: quán tâm trên tâm:

- phân-biệt các loại tâm-sở: tâm tham với tâm vô-tham; tâm sân với tâm vô-sân; tâm si với tâm vô-si; tâm tán-loạn với tâm thâu-nhiếp; tâm quảng-đại và tâm vô-thượng; tâm định với tâm chẳng định; tâm giải-thoát với tâm chưa giải-thoát.

- quán tánh sanh, diệt của các tâm-trạng đó.

4. Phần IV: quán pháp trên các pháp:

- quán năm triền-cái: biết rõ nội-tâm khi nào: (1) có tham-dục hay không có tham-dục, ... (2) có sân- hận, ... (3) có hôn-trầm, thụy-miên, ...(4) có trạo hối, ... (5) có nghi hay không có nghi.

- quán năm thủ-uẩn: suy-tư kỹ:

. đây là sắc, đây là sắc sanh, đây là sắc diệt;

. đây là thọ, ... thọ sanh, ... thọ diệt;

. đây là tưởng,... tưởng sanh, ... tưởng diệt;

. đây là hành,... hành sanh, ... hành diệt;

. đây là thức, ...thức sanh, ... thức diệt.

- quán sáu nội-ngoại-xứ: (1) mắt và sắc, (2) tai và tiếng, (3) mũi và mùi, (4) lưỡi và vị, (5) thân và xúc, (6) ý và pháp.

- quán bảy giác-chi, quán nội-tâm có hay chưa có: (1)Trạch-pháp giác-chi, (2) Tinh-tấn giác-chi, (3) Hỷ giác-chi, (4) Khinh-an giác-chi, (5) Niệm giác-chi, (6) Định giác-chi, và (7) Xả giác-chi.

- quán bốn thánh-đế, để biết rõ như-thật:

. Khổ-đế: thế nào là sanh, già, bịnh, chết, sầu, bi, ưu, não, cầu bất đắc, năm thủ-uẩn;

. Khổ-tập: thế nào là tham-ái; thế nào là sắc-ái; cùng sự sanh-khởi và an-trú của chúng;

. Khổ-diệt: thế nào là sự diệt-tận tham-ái mà không còn luyến-tiếc; cùng sự xả-ly, sự giải-thoát, sự vô- nhiễm vì sự tham-ái đó nữa.

. Khổ-diệt đạo: Bát-Chánh-Đạo, con đường tám ngành đưa tới sự diệt-tận mọi Khổ. Quán để biết rõ- ràng như-thật thế nào là (1) Chánh-tri-kiến, (2) Chánh tư-duy, (3) Chánh ngữ, (4) Chánh-nghiệp, (5) Chánh mạng, (6) Chánh tinh-tấn, (7) Chánh niệm và (8) Chánh-định.

Để kết-luận, đức Phật nói: "Nầy các Tỳ-kheo, vị nào tu-tập Bốn Niệm-Xứ nầy như vậy trong bảy năm, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: một là chứng Chánh-trí ngay trong hiện-tại; hay là nếu còn hữu-dư-y, chứng quả Bất-hoàn. Nầy các Tỳ-kheo,

không cần gì đến bảy năm, ... trong sáu, năm, bốn, ba, hai, một năm, ...trong bảy tháng, cũng chứng được một trong hai quả (nói trên).

111. HỌC KINH ĐẠI-NIỆM-XỨ CÁCH NÀO?

1. Kinh Đại Niệm-Xứ chẳng những quan-trọng về mặt giáo-lý, Kinh còn đặt nặng vấn-đề thực-tập nữa. Chỉ khi nào nhiệt-thành bắt tay vào sự tu-tập theo Kinh mới thấy được hiệu-quả tức-thời và chắc-chắn của Kinh đối với đường-tu của mình. Như đức Phật có nói, "Đây là con đường độc-nhứt đưa đến thanh-tịnh cho chúng-sanh, vượt khỏi sầu-bi, diệt-trừ khổ-ưu, thành-tựu chánh-trí, chứng-ngộ Niết- bàn."

2. Kinh chứa tất cả 14 phép quán về thân, 9 phép quán về cảm-thọ, 16 phép quán về tâm và 5 phép quán về pháp-tu. Chẳng thể nào đọc lướt qua văn-kinh mà thấy được hiệu-quả của Kinh; có sự kiên- nhẫn trong việc tu-tập, theo từng pháp một, mới mong đạt được ít nhiều kết-quả.

3. Bốn Niệm-xứ là gì? Đó là: (1) thân, (2) thọ, (3) tâm và (4) pháp. Tu-tập pháp quán Bốn Niệm-xứ là giữ chánh-niệm luôn luôn an-trú trong bốn lãnh-vực ấy.

Tâm con người thường hay chạy buông-lung theo cảnh-vật bên ngoài, chẳng ở yên một chỗ. Pháp Bốn Niệm-xứ chính là chỉ rõ cách giữ tâm an-trú, chẳng chạy lang-thang, để trí-huệ có thể chiếu sáng lên, soi rõ con đường tu-hành đến nơi giác-ngộ và giải-thoát.

Vì lẽ đó, việc giữ chánh-niệm an-trú nơi bốn lãnh-vực: thân, thọ, tâm và pháp, chính là cốt-tủy của lời dạy trong Kinh nầy.

(TN. Mtl, 2006-03-12).

-ooOoo-

23. KINH TỆ-TÚC

112. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO KINH TỆ-TÚC ĐƯỢC THUYẾT-GIẢNG?

Vào một thời kia, Tôn-giả Cưu-ma-la Ca-diếp (Kumàra Kassapa) cùng với đại-chúng Tỳ-kheo đến đô- thị Tư-bà-hê (Setavyà) của nước Câu-tát-la (Kosala), ngụ trong rừng Thi-xá-bà (Simsapà). Tôn-giả là bậc A-la-hán, đệ-tử nổi tiếng của đức Phật trước kia. Bấy giờ có Bà-la-môn Tệ-Túc (Pàyàsi), lãnh- chúa của vùng nầy, nghe danh-tiếng của Tôn-giả Cưu-ma-la Ca-diếp, đến xin yết-kiến.

Kinh nầy chẳng phải do đức Phật thuyết-giảng mà là một bài tường-thuật cuộc tranh-luận giữa Bà-la- môn Tệ-Túc với Tôn-giả Cưu-ma-la Ca-diếp, về tà-kiến: "Không có đời sau, không có các loại hoá- sanh, hành-vi thiện-ác không có quả-báo." Bằng các thí-dụ cụ-thể, Tôn-giả Cưu-ma-la Ca-diếp đã chứng-minh sự vô-lý của tà-kiến đó, đồng thời chỉ rõ kẻ mang tà-kiến phải gánh chịu đau khổ, bất- hạnh lâu dài, và khuyên Tệ-Túc nên mau vứt bỏ tà-kiến đi, khiến cho Tệ-Túc được tỉnh-ngộ và xin qui-y ngôi Tam-Bảo.

113. NỘI-DUNG KINH TỆ-TÚC.

A.- Ý Chánh: Cuộc tranh-luận về tà-kiến: "chẳng có Luân-hồi, quả-báo."

B.- Phân đoạn: Kinh có thể chia ra ba phần:

1. Phần I: Tệ-Túc đến yết-kiến Tôn-giả Cưu-ma-la Ca-diếp, để nói lên tà-kiến của mình:

- Tệ-Túc trình-bày tà-kiến: chẳng có đời sau, chẳng có các loài hoá-sanh; hành-vi thiện ác chẳng có quả-báo;

- Câu hỏi đầu-tiên của Tôn-giả Ca-diếp: "Mặt trời, mặt trăng thuộc thế-giới nầy hay thế-giới khác?"

- Tệ-Túc đáp:"Mặt trời, mặt trăng thuộc thế-giới khác", tuy chấp-nhận có thế-giới khác, nhưng vẫn giữ tà-kiến trên.

2. Phần II: Cuộc tranh-luận giữa Tệ-Túc và Ca-diếp:

- Luận-cứ của Tệ-Túc (TT): vì người chết chẳng trở lại báo tin, nên biết chẳng thể có đời sau được.

. TT: Có nhiều kẻ kia phạm giới, khi gần chết được tôi dặn nếu bị sanh vào khổ-cảnh, thì trở lại báo cho tôi biết. Chẳng ai trở lại báo cho tôi biết cả. Vậy thì chẳng có đời sau.

. Ca-diếp (CD): Thí-dụ như có tội-nhơn bị xử-tử, lại xin kẻ hành-hình cho phép mình về thăm bà-con rồi trở lại chịu chết, thì có được phép không? Ở dưới địa-ngục, qủi-sứ đâu có cho ai ra khỏi ngục, trở về nhà.

. TT: Có nhiều kẻ giữ giới đầy-đủ, khi gần chết được tôi dặn nếu được sanh lên cõi Trời thì trở lại báo tin cho tôi biết. Chẳng ai trở lại báo tin cả.

. CD: Thí-dụ như có người té xuống hầm phân, nay được tắm rửa sạch-sẽ, có còn muốn té trở lại hầm phân chăng? Chư Thiên rất ghê tỡm mùi hôi của loài Người, nên có bao giờ muốn trở lại đấy để báo tin.

- Luận-cứ của Tệ-Túc: vì không thấy tận mắt, nên chẳng tin.

. CD: Có kẻ sanh lên cõi Trời Ba-mươi ba, ở đấy một ngày lâu bằng một trăm năm nơi cõi Người, nếu có trở lại báo tin cho ông thì ông đã chết từ lâu rồi.

. TT: Tôi chẳng thể tin được có cõi Trời Ba mươi ba và tuổi thọ ở cõi ấy dài đến như vậy, vì mắt tôi còn chưa thấy được như thế.

. CD: Có người sanh ra đã mù, lầm cho rằng chẳng có màu sắc, vì chính họ chẳng trông thấy gì. Chỉ có bực Sa-môn tu-hành tinh-tấn chứng đắc thiên-nhãn thanh-tịnh mới trông thấy được cõi Trời Ba mươi ba.

- Luận-cứ của Tệ-Túc: Nếu làm lành, giữ giới, được sanh lên cõi Trời sướng hơn, cớ sao ai cũng tham sống ở đây, chẳng ai tự-sát để sớm lên cõi Trời?

. CD: Thí dụ như có vị Bà-la-môn chết, để lại gia-tài. Con trai người vợ lớn đòi lấy hết gia-tài. Người vợ nhỏ đang mang thai, ngăn lại, bảo chờ sanh ra, nếu được con trai thì sẽ được một phần. Nhưng người con trai trưởng thúc-hối, cứ đòi lấy ngay hết gia-tài. Người vợ bé vào phòng riêng lấy dao rạch bụng, để biết con trai hay con gái. Vì hành-động ngu-xuẩn đó mà cả mẹ lẫn con trong bụng bị hại. Hành-vi tự-sát để được

sanh lên Trời cũng lại giống như thế.

- Luận-cứ của Tệ-Túc: vì chẳng thấy "linh-hồn" ra khỏi thân-thể khi chết, nên tin chẳng có đời sau.

. TT: Một tên tử-tội bị đem đi cân rồi bị nhốt sống trong một cái chum đậy kín, và nổi lửa đốt. Sau khi mở chum ra, chẳng thấy "linh-hồn" người chết đi ra, chỉ thấy thi-thể nặng hơn thân-hình lúc còn sống.

. CD: Tôn-chủ ngủ trưa, nằm mộng thấy mình đi du-ngoạn đó đây. Các người hầu-cận đứng bên có thấy "linh-hồn" của Tôn-chủ thoát ra di du-ngoạn chăng? - Thân-thể người sống có sức nóng nên mềm- nhẹ hơn khi đã chết cứng.

. TT: Giết một tử-tội bằng cách lột da, lóc thịt, gân, cho đến xương-tủy, lật ngữa, lật sấp, kéo cong lại, nào thấy đâu "linh-hồn" được thoát ra ngoài.

. CD: Thí-dụ như có người thổi tù-và, tiếng nghe êm tai. Người ấy đặt tù-và xuống. Có các kẻ khác đến bên tù-và, lật sắp, lật ngữa, cũng chẳng nghe âm-thanh phát ra. Chỉ khi người thổi tù-và thổi hơi vào mới nghe được tiếng tù-và. Sự ngu-xuẩn của các kẻ kia cũng giống như những ai muốn thấy "linh-hồn" trong thây chết bị lật úp, lật ngữa mà đi thoát ra vậy.

Lại lấy một thí-dụ khác: một người thờ lửa, có việc phải đi xa, dặn con nên canh-chừng lửa, đừng để tắt; nếu bị tắt thì nên dùng đồ quây lửa mà nhen-nhúm lại. Thằng bé ham chơi, quên canh-chừng nên lửa tắt; nó lấy đồ quay lửa ra, chẻ làm hai, chẻ làm bốn, làm tám, cũng chẳng thấy lửa đâu. Sự ngu- xuẩn của đứa bé cũng như những người trước muốn tìm thấy cho được cái "linh-hồn" thoát ra khi chết.

- Luận-cứ của Tôn-giả Ca-diếp về Luân-hồi và quả-báo:

. CD: "Nầy Tôn-chủ, tôi sẽ kể vài thí-dụ; người có trí, nhờ các thí-dụ mà hiểu ý-nghiã của lời nói.

. Ví-dụ về đoàn lữ-hành: có đoàn lữ-hành đông-đảo được hai người lãnh-đạo, nên chia ra làm hai đoàn. Một đoàn đi trước, mang theo nhiều vật-liệu, lương-thực, xuyên qua bãi sa-mạc, dọc đường gặp một quỷ Dạ-xoa giả-dạng người, khuyên nên bỏ các vật-liệu, lương-thực đi cho nhẹ, vì đến nơi kia sẽ có nhiều hơn. Người lãnh-đạo nghe theo, nhưng đến nơi chẳng thấy có gì cả, lại gặp sự bất-hạnh bị quỷ Dạ-xoa ăn thịt. Đoàn thứ hai cũng gặp quỷ giả-dạng, gạt-gẫm bảo bỏ bớt đi vật-liệu và lương-thực, nhưng người lãnh-tụ chẳng nghe theo. Khi đi đến nơi, nhìn thấy đống xương trắng-hếu, mới biết đoàn lữ-hành trước vì đã quá tin theo lời nghe nói (của Dạ-xoa) mà phải chịu cảnh bất-hạnh. Cũng vậy, Tôn- chủ chớ có nghe theo tà-kiến, chúng sẽ đưa Tôn-chủ vào đau-khổ, bất-hạnh lâu-dài.

. Ví-dụ khác: Một người nuôi heo thấy một đống phân khô, gói lại trong bịt, đội lên đầu, đem về cho heo ăn. Dọc đường bị mưa, phân ướt chảy dơ dáy khắp mình-mẫy. Các người khác thấy vậy, khuyên nên bỏ bịt phân đi, nhưng kẻ ấy chẳng chịu, cứ tiếp-tục đội bịt phân ướt về. Nầy Tôn-chủ, chớ nên cố- chấp vào tà-kiến như người đội phân kia,

nó sẽ đưa Tôn-chủ vào đau-khổ và bất-hạnh lâu-dài.

. Ví-dụ khác nữa: Hai người đánh bạc; một người khi thua thì lấy con xúc-xắc ngậm vào miệng. Kẻ kia thấy vậy, xin đổi xúc-xắc, lấy mấy con cũ đem thoa thuốc độc vào. Một chặp, người ấy lấy xúc-xắc có thoa thuốc độc ra mà đổ. Đối-thủ bị thua, liền lấy xúc-xắc đó ngậm vào miệng, nên phải chịu đau-đớn vô-ngần. Nầy Tôn-chủ, hãy từ bỏ ngay các tà-kiến, nó sẽ đưa Ngài vào đau-khổ, bất-hạnh lâu dài.

. Ví-dụ chót: Hai người bạn lên đường tìm của-cải. Dọc đường, họ gặp một đống gai quăng bỏ. Họ bó lại hai bó và mang đi. Lại gặp nhiều bó dây gai; một người bỏ bó gai, lấy dây gai, còn người kia thì chẳng chịu bỏ. Qua đến các nơi khác, họ lần-lượt gặp nhiều vải bông, ... sắt, ... thiếc, ... chì, ... bạc và vàng. Người thứ hai lần-lượt bỏ các món cũ, chọn lấy vàng đem về; còn người kia vẫn cố giữ bó gai mà anh đã mang theo từ xa. Dĩ nhiên người mang bó gai về chẳng được vợ con hoan-nghinh, còn anh kia được gia-đình vui mừng đón tiếp. Nầy Tôn-chủ, hãy từ bỏ ác-kiến, chúng sẽ đưa Ngài vào đau-khổ và bất-hạnh lâu-dài.

3. Phần III: Tôn-giả Ca-diếp dạy phép lập tế-đàn.

- Tệ-Túc: Ngay tại thí-dụ đầu-tiên về mặt trời, mặt trăng, tôi đã bỏ tà-kiến và tin có đời sau, có quả- báo, nhưng vì muốn nghe trọn lời dạy của Tôn-giả Ca-diếp nên tiếp-tục hỏi thêm. Giờ đây tôi xin quy- y ngôi Tam-Bảo và xin thưa hỏi về việc tổ-chức lễ tế-đàn.

- CD: Việc tế-đàn chẳng cần có thú-vật bị giết, kẻ tham-dự phải từ bỏ tà-kiến, phải có chánh-kiến; một tế-đàn như thế sẽ đem lại quả-báo lớn, lợi-ích lớn.

- Tệ-Túc tổ-chức bố-thí cho người nghèo những thức như cháo, đồ ăn phế-thải, vải thô... nên quả-báo là được sanh lên cõi Trời thấp nhứt là cõi Tứ Đại Thiên-Vương. Có thanh niên Uttara bị bỏ qua trong

cuộc bố-thí nầy, sau khi chê-trách lối bố-thí của Tệ-Túc, tổ-chức một lễ tế hoàn-bị, với tế-vật có phẩm- chất tốt, có lòng thành, nên được sanh lên cõi Trời cao hơn, là cõi Tam Thập tam Thiên.

114. HỌC KINH TỆ-TÚC NÊN CHÚ-Ý ĐẾN ĐIỂM NÀO?

1. Tà-kiến nói trong Kinh Tệ-Túc: "chẳng có luân-hồi, chẳng có quả-báo". Người cho rằng chẳng có đời sau là vướng phải tà-kiến được gọi là đoạn-kiến, nghiã là cho rằng chết là hết. Người mắc đoạn- kiến lại chủ-trương rằng, hễ còn đang sống đây, phải cố hưởng-thọ cho mau mau, cho nhiều nhiều, tất cả các khoái-lạc, cần gì phải lánh ác làm lành, kẻo khi mất chẳng còn hưởng được nữa, "uổng đời" lắm ! Lý-luận như thế, làm sao tránh khỏi sa vào đường ác khi chết, mà ngay lúc còn sống cũng khó lòng mà được người khác kính-nễ.

2. Mắt có thấy, tai có nghe, mới biết chắc là có; đó chỉ là kinh-nghiệm của một cá-nhơn về thực-tại bên ngoài. Nhưng nếu chẳng thấy được, chưa nghe được một sự-vật gì, đó chẳng phải là lý-do vững-chắc để quả-quyết rằng sự-kiện đó chẳng có. Đấy là điểm cần lưu-tâm đến, khi học Kinh Tệ-Túc.

Vì lẽ các cảnh-giới khác với cõi nhân-gian, chẳng thể chỉ rõ ra cho mắt thấy, cho tai nghe được, nên Tôn-giả Cưu-ma-la Ca-diếp mới dùng khá nhiều thí-dụ cụ-thể -- có phần dí-dỏm ! -- của đời sống hằng ngày mà chứng-minh với Tôn-chủ Tệ-Túc. Các thí-dụ đó chỉ có giá-trị tượng-trưng, gợi-ý, nhằm giúp người nghe tự mình suy-gẫm thêm về các sự-vật xuất-thế-gian mà thôi. Chỉ khi nào tu-chứng được thiên-nhãn-thông, bấy giờ mới "mở mắt ra" mà đến gần Chơn-Lý.

(TN. Mtl. 2006-03-13).

-ooOoo-

Tham khảo: Trường Bộ Kinh, Hòa thượng Minh Châu dịch Việt.

-ooOoo-

III. PHẨM BA-LÊ-TỬ

24. KINH BA-LÊ

115. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ĐỨC PHẬT GIẢNG KINH BA-LÊ.

Vào một thời kia, đức Phật ngụ gần thành A-dật-di (Anupiya), thuộc bộ-lạc Mạt-La (Malla). Sáng hôm ấy, đức Phật đi khất-thực, thấy còn sớm nên ghé qua tịnh-xá của du-sĩ Bhaggava. Tại đây, du-sĩ nầy nhắc lại lời nói của vương-tử Thiện-Tịnh (Sunnakkhatta) thuộc bộ-lạc Ly-xa (Licchavi), khi từ bỏ chẳng tu-tập dưới sự chỉ-dẫn của Thế-Tôn nữa, vì Thế-Tôn chẳng khiến cho ông ta chứng được các pháp thần-thông và giải-thích sự khởi-nguyên của thế-giới.

Nhơn đó, đức Phật giảng Kinh Ba-lê-tử (Pàtikaputta) cho Bhaggava nghe. Về phương-diện thần- thông, Ngài đã chỉ cho Thiện-Tịnh thấy rõ Ngài biết trước sự tái-sanh của tu-sĩ loã-thể Korakkhattiya tu theo hạnh con chó; việc loã-thể Potikaputta thảm-bại khi đòi thi đua thần-thông với Thế-Tôn. Về phương-diện khởi-nguyên của thế-giới, Thế-Tôn kể rõ có bốn truyền-thống giải-thích sự chuyển thành của thế-giới nầy: chư Thiên từ cõi Quang-Âm đến, hoặc từ cõi Khiddàpadosikà (bị nhiễm dục-lạc), hoặc từ cõi Mano-padosikà (tâm-trí bị nhiễm), hoặc từ cõi Vô-tưởng hữu-tình đến, sanh qua cõi Phạm- Thiên rồi đoạ-lạc xuống cõi nhơn-gian. Đức Phật kết-kuận, Giáo-pháp của Ngài nhằm mục-đích giúp chúng-sanh thoát khỏi vĩnh-viễn Khổ-đau, chớ chẳng quá chú-trọng đến các thần-thông hoặc chấp- trước về sự khởi-nguyên của thế-giới.

116. NỘI-DUNG KINH BA-LÊ.

Kinh Ba-Lê lấy tên tu-sĩ loã-thể Patikaputta, kẻ đã nói khoác là muốn thi-đua thần-thông với đức Phật.

A.- Ý Chánh: Hai vấn-đề thần-thông và khởi-nguyên thế-giới chẳng liên-hệ chi đến mục-đích chánh của Giáo-Pháp đức Phật là nhằm tận-trừ mọi Khổ-đau

B.- Phân-đoạn: Kinh có thể chia ra ba phần:

1. Phần I: Tu-sĩ Bhaggava nghe đức Phật nói lý-do vì sao Thiện-Tịnh (Sunnakkhatta) đã từ-bỏ Chánh- pháp.

- Thiện-Tịnh đến gặp đức Phật và nói lý-do ông ta rời bỏ việc tu-tập theo Thế-Tôn vì Ngài chẳng cho ông thấy các thần-thông và chẳng giải-thích việc khởi-nguyên của thế-giới. Đức Phật nói mục-đích của Chánh-pháp đâu phải là hai vấn-đề đó, mà là dạy cách tận-diệt vĩnh-viễn mọi Khổ-đau cho chúng- sanh.

- Thần-thông của đức Phật biểu-hiện ra việc tiên-đoán loã-thể Korakkhattiya, tu theo hạnh con chó bò bốn chơn, bảy ngày nữa sẽ bị trúng-thực chết và thác-sanh vào loài A-tu-la. Thiện-Tịnh cũng xác-nhận lời tiên-đoán của đức Phật đã đúng với sự-thật xảy ra.

- Đức Phật lại tiên-đoán sự hoàn-tục của loã-thể Kandaramasuka, người mà Thiện-Tịnh cho là bực A- la- hán giữ đúng bảy giới-hạnh, và nghĩ sằng rằng Thế-Tôn đang ganh-tị với người nầy. Thiện-Tịnh cũng xác-nhận việc Kandaramasuka về sau chết mất cả danh-dự.

2. Phần II: Loã-thể Ba-lê-tử thách đức Phật thi đua thần-thông:

- loã-thể Patikaputta (Ba-lê-tử) tuyên-bố khoác-lác với dân Bạt-kỳ rằng y có thể thực-hiện pháp thần- thông bằng hai lần đức Phật.

- Khi đức Phật đến, loã-thể Ba-lê hoảng-sợ, chẳng thể đứng lên, mông bị dính chặt dưới ghế, mặc dầu có nhiều người tới nhắc việc ông ta đã thách thi-đua thần-thông với đức Phật.

- Thiện-Tịnh đến gặp Thế-Tôn và xác-nhận sự thảm-bại của loã-thể Ba-lê trong việc nầy.

3. Phần III: Vấn-đề khởi-nguyên của Thế-giới: Đức Phật bảo Ngài biết có bốn truyền-thống giải-thích về sự khởi-nguyên của Thế-giới, nhưng Ngài chẳng chấp-trước vào truyền-thống nào cả.

Khi thế-giới từ giai-đoạn chuyển-hoại bước sang giai-đoạn chuyển thành, trên cõi Trời Đại-Phạm, cung Phạm-Thiên bỏ trống, có một vị Thiên thác-sanh đến trước, tự-nhận là Đại-Phạm Thiên-vương, sắc-tướng đẹp, tuổi-thọ dài lâu, tự xem mình là Tổ-phụ của các vị đến sau. Lần-lượt về sau có chư Thiên cõi khác đến:

- theo truyền-thống 1, thì có chư Thiên từ cõi Quang-âm đến, sau khi hết phước thác-sanh xuống cõi nhơn-gian.

- theo truyền-thống 2, thì có chư Thiên từ cõi Khiddàpadosikà đến, chư Thiên nầy bị nhiễm dục-lạc, nên sau thác-sanh xuống cõi nhơn-gian

- theo truyền-thống 3, thì có chư Thiên từ cõi Manopadosikà đến, vì tâm-trí bị ô-nhiễm ganh-ghét lẫn nhau, nên sau thác-sanh xuống cõi nhơn-gian;

- theo truyền thống 4, thì có chư Thiên cõi Vô-tưởng hữu-tình thiên đến, và khi một tưởng-niệm khởi lên nơi họ thì họ bị thác-sanh xuống cõi nhơn-gian.

Đức Phật kết-luận: Giáo-pháp của Ngài, chẳng chú-trọng đến thần-thông, hay khởi-nguyên thế-giới, mà nhằm giúp chúng-sanh tận-trừ vĩnh-viễn mọi Khổ.

117. HỌC KINH BA-LÊ, NÊN CHÚ-Ý ĐẾN ĐIỂM NÀO?

1. Thiện-Tịnh, vương-tử thuộc dòng Ly-xa, nguyên là Tỳ-kheo theo tu-tập bên cạnh đức Phật trong ba năm, sau bỏ theo ngoại-đạo cũng vì quá ham-muốn đắc thần-thông và tin theo các tà-thuyết mê-tín. Đức Phật thường nhắc-nhở các đệ-tử, mục-đích của Chánh-Pháp là sự giải-thoát khỏi mọi Khổ-đau trong kiếp sống Luân-hồi; một khi chứng được các quả-vị thì tự-nhiên các thần-thông sẽ đến, chẳng cần phải nôn-nóng.

2. Sự giải-thích về nguồn-gốc của đời sống tại thế-gian nầy được đức Phật trình-bày qua bốn truyền- thống, nhưng Ngài bảo thêm: "Ta biết như vậy, (nhưng) Ta không có chấp-trước. Vì không có chấp- trước, Ta tự-thân thấu hiểu được sự an-tịnh. Chính nhờ chứng-ngộ sự an-tịnh nầy mà Như-Lai không rơi vào lầm-lỗi."

(TN. Mtl, 2006-03-14).

-ooOoo-

25. KINH ƯU-ĐÀM-BÀ-LA SƯ-TỬ HỐNG

118. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ĐỨC PHẬT GIẢNG KINH ƯU-ĐÀM-BÀ-LA SƯ-TỬ HỐNG?

Vào một thời kia, đức Phật ngụ ở núi Kỳ-xà-quật (Gijjhakùta), gần thành Vương-xá (Ràjagaha). Vào một buổi chiều, có gia-chủ Tán-đà-na (Sandhana) đến vườn hoa của nữ-hoàng Ưu-đàm-bà-la (Udumbarika) gặp du-sĩ Ni-câu-đà (Nigrodha), cùng với các du-sĩ ngoại-đạo khác đang bàn chuyện phiếm rất ồn-ào. Chặp sau, thấy Thế-Tôn đi đến, hội-trường im-lặng lại, và du-sĩ Ni-câu-đà mời đức Phật trả lời câu hỏi mà họ đang bàn-luận: "Pháp nào được Thế-Tôn dạy cho các đệ-tử được tịnh-lạc và xem là căn-bản phạm-hạnh?".

Nhơn đó, đức Phật trước vạch cho họ thấy các lối tu khổ-hạnh của ngoại-đạo chỉ đem lại sự ô-uế; rồi sau đó, Ngài giảng rõ các pháp-tu như: (1) dẹp năm triền-cái, (2) tu-tập bốn tâm vô-lượng, (3) hướng tâm đến Túc-mạng-minh, Thiên-nhãn thuần-tịnh; được đem chỉ-dạy cho các đệ-tử để làm căn-bản phạm-hạnh.

Bấy giờ, khi nghe gia-chủ Tán-đà-na nhắc lại lời du-sĩ Ni-câu-đà trước đây có chỉ-trích đức Phật không đủ sức thuyết-pháp, vị du-sĩ nầy liền xin thú-tội và được Thế-Tôn chấp-nhận. Đức Phật lại bảo, ai tin theo và tu-tập Chánh-Pháp của Ngài, chỉ trong vòng bảy ngày là có thể hưởng được quả-báo an- lành. Nhưng tiếc thay, các du-sĩ ngoại-đạo cứ ngồi ủ-rũ, im-lặng, tâm-tư còn bị tà-kiến đè nặng, chẳng biết nghe lời khuyến-cáo. Đức Phật liền rống tiếng rống con sư-tử tại vườn Ưu-đàm, rồi ra về.

119. NỘI-DUNG KINH ƯU-ĐÀM-BÀ-LA SƯ-TỬ HỐNG.

Tên Kinh Ưu-Đàm-Bà-La Sư-Tử Hống dịch từ chữ Pali, Umdumbarika Sihanàda Suttanta, nên nghe lạ tai. Udumbarika là tên vị nữ-hoàng chủ ngôi vườn; Sihanàda là tiếng sư-tử rống (hống= rống); Suttanta là Kinh.

A.- Ý Chánh: Lời giảng Chánh-Pháp của đức Phật như tiếng rống của con sư-tử; tiếc thay bọn ngoại- đạo mắc tà-kiến nặng-nề nên chẳng biết tin theo.

B.- Phân đoạn: Kinh có thể chia ra bốn phần:

1. Phần I: Các du-sĩ ngoại-đạo bàn-luận ồn-ào trong vườn Ưu-đàm-bà-la:

- Gia-chủ Tản-đà-na đến gặp du-sĩ Ni-câu-đà;

- Lời chỉ-trích của Ni-câu-đà rằng đức Phật chẳng biết thuyết-pháp;

- Ni-câu-đà thỉnh Phật giảng: Pháp nào là Pháp được dạy cho đệ-tử làm căn-bản phạm-hạnh.

2. Phần II: Đức Phật vạch rõ chỗ sai-lầm trong lối tu khổ-hạnh của ngoại-đạo.

- Trước hết, đức Phật chỉ-trích lối tu khổ-hạnh ép-xác của ngoại-đạo: luôn luôn đứng, hoặc ngồi chò- hỏ, hoặc bò lết như chó, liếm tay cho sạch chẳng rửa, v.v... (xin xem thêm chi-tiết ở bản Kinh số 7: Kassapa)

- Lối tu khổ-hạnh ngoại-đạo đưa đến nhiều cấu-uế: hoan-hỷ và tự-mãn, chê người, mong có nhiều đồ- đệ, mong được cúng-dường hậu-hĩ, hay tức-giận, và oán-thù, mang nhiều tà-kiến...

3. Phần III: Đức Phật giảng Chánh-Pháp

- bốn pháp chế-ngự (về Luật): chẳng sát-sanh, chẳbg trộm-cắp, chẳng tà-hành, chẳng nói dối.

- diệt năm triền-cái: tham, sân, hôn-trầm thụy-miên, trạo hối và nghi;

- tu-tập bốn tâm vô-lượng: từ, bi, hỷ, xả;

- hướng tâm đến Túc-mạng-minh và Thiên-nhãn thuần-tịnh.

4. Phần IV: Gia-chủ Tán-đà-na nhắc lại lời Ni-câu-đà đã chỉ-trích đức Phật chẳng biết thuyết-pháp.

- Ni-câu-đà xin thú-tội vì đã chỉ trích sai-lầm; đức Phật chấp-nhận lời chịu tội nầy.

- Đức Phật bảo, ai biết tin và tu-tập theo Chánh-Pháp, trong vòng bảy ngày, sẽ hưởng được quả-báo an-lành.

- Trước cảnh-tượng các du-sĩ ngoại-đạo chỉ ngồi ủ-rũ, câm-lặng, mang nặng tà-kiến, đức Phật rống lên tiếng rống sư-tử, rồi ra về.

120. TRÍCH-ĐOẠN: LỜI CHỈ TRÍCH ĐỨC PHẬT CỦA DU-SĨ NI-CÂU-ĐÀ VÀ XIN THÚ- TỘI.

... Nầy Tôn-giả Nigrodha, có nói,... "Sa-môn Gotama luận-đàm với ai? Đối-thoại với ai?... Trí-tuệ của Sa-môn Gotama bị hư-hoại vì sống với không-xứ. Sa-môn Gotama không giỏi để điều-khiển một hội- chúng, không đủ sức để đối-thoại, chỉ đề-cập đến những vấn-đề ngoại-biên. Cũng như con bò một mắt, đi vòng tròn và chỉ đi phía bên ngoài ... Nếu Sa-môn Gotama đến tại hội-chúng nầy, chỉ có một câu hỏi, chúng tôi có thể chận đứng ngay... có thể lăn tròn Sa-môn Gotama như lăn tròn một cái bình không." Nay Thế-Tôn đã đến đây, Tôn-giả hãy chứng tỏ... làm cho Thế-Tôn ... lăn tròn như một cái bình không.

Khi nghe nói vậy, du-sĩ Nigrodha ngồi im-lặng, ủ rũ, vai sụp xuống, gục đầu, ưu-tư ...

- Bạch Thế-Tôn, con đã phạm tội một cách ngu-si, mờ-ám, bất-thiện, khi con nói về Thế-Tôn như vậy, ... mong Thế-Tôn chấp-nhận cho tội ấy là phạm tội, để con ngăn-ngừa về sau.

- Nầy Nigrodha, ... Ta chấp-nhận tội của Ngươi ... ai thấy phạm tội là phạm tội và phát-lộ đúng với hành-động, thời tương-lai sẽ được ngăn-ngừa.

121. HỌC KINH ƯU-ĐÀM-BÀ-LA, CHÚ Ý ĐIỂM NÀO?

1. Các điểm quan-trọng trong Kinh nầy đều đã có nơi các Kinh số 2: Sa-Môn Quả, Kinh số 7: Kassapa.

2. Với tên Kinh Ưu-đàm-bà-la Sư-tử Hống, Kinh nầy ví lời thuyết-pháp hùng-hồn của đức Phật giữa đám ngoại-đạo còn mắc tà-kiến khiến họ phải run-sợ, câm miệng, với tiếng rống của con sư-tử giữa bầy thú rừng kinh-khiếp trước chúa sơn lâm, đáng làm cho ta phải suy-gẫm mà sớm vứt bỏ ngay các ý- kiến cố-chấp.

(TN. Mtl, 2006-03-15).

-ooOoo-

26. KINH CHUYỂN-LUÂN THÁNH-VƯƠNG SƯ-TỬ HỐNG .

122. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ĐỨC PHẬT GIẢNG KINH CHUYỂN-LUÂN THÁNH-VƯƠNG SƯ-TỬ HỐNG?

Vào một thời kia, đức Phật trú gần thành Ma-du-la (Matulà), nước Ma-kiệt-đà (Magadha), cùng với chư Tỳ-kheo. Lúc bấy giờ, Thế-Tôn gọi các Tỳ-kheo lại và bảo rằng: "Nầy các Tỳ-kheo, hãy sống tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương-tựa mình, không nương-tựa một ai khác, lấy Chánh- pháp làm ngọn đèn, lấy Chánh-pháp làm nơi nương-tựa, không nương-tựa một gì khác !"

Nhơn đó, đức Phật giảng Kinh Chuyển-Luân Thánh-Vương Sư-Tử Hống nầy, kể lại sự-tích các vị Vua Chuyển-Luân Thánh-Vương đã cai-trị theo Chánh-pháp, chẳng hề dùng dao, gậy, kiếm, mà quốc-độ được hùng-cường, nhân-dân được an-cư lạc nghiệp.

123. NỘI-DUNG KINH CHUYỂN-LUÂN THÁNH-VƯƠNG SƯ-TỬ HỐNG .

Cũng như Kinh Ưu-Đàm-Bà-La Sư-Tử-Hống, Kinh Chuyển-Luân Thánh-Vương Sư-Tử-Hống, với ba chữ Sư-Tử-Hống, tiếng rống của con sư-tử, tượng-trưng cho lời nói của một vị Pháp-vương về Chánh- pháp, hùng-hồn, oai-dõng, tựa như tiếng gầm của chúa sơn-lâm.

A.- Ý Chánh: Các vị vua Chuyển-luân được tôn-xưng là bực Thánh-vương vì biết cai-trị quốc-độ đúng theo Chánh-Pháp.

B.- Phân đoạn: Kinh có thể chia ra 5 phần:

1. Phần I: Đức Phật dạy Tỳ-kheo lấy Chánh-Pháp làm ngọn đèn, làm nơi nương-tựa.

- Tự mình làm nơi nương-tựa cho chính mình, lấy Chánh-pháp làm ngọn đèn, chẳng dựa vào gì khác.

- Thế nào là lấy Chánh-Pháp làm nơi nương-tựa?

. sống quán-niệm theo Pháp Đại-Niệm-xứ;

. khép mình trong giới-hạn được phép của mình, và trong giới-hạn do Tổ-phụ truyền lại.

2. Phần II: Cuộc đời gương-mẫu của Vua Chuyển-luân Thánh-vương Kiên-Cố-Niệm (Dalhanemi):

- Vua Kiên-Cố-Niệm có đầy-đủ bảy món báu: xe báu, voi báu, ngựa báu, châu-báu, nữ-nhơn báu, gia- chủ báu, và tướng-quân báu;

- Nhơn lễ Bố-tát, vua cởi xe báu Thiên-luân đi chinh-phục bốn phương và dạy Chánh-pháp cho thần- dân; nhờ đó quốc-độ được hùng-cường.

- Sau khi đặt Thái-tử lên vương-vị, vua Kiên-Cố-Niệm xuất-gia đi tu ẩn-cư.

3. Phần III: Cảnh rối-loạn trong nước dưới thời vị vua Quán-đảnh Sát-đế-lợi chẳng theo Chánh-pháp:

- Dân chúng vì nghèo đói sanh ra trộm cướp, giết-hại lẫn nhau, gây ra cảnh hỗn-loạn trong nước;

- Hình-phạt quá nghiêm-khắc của chánh-quyền chẳng đem lại sự trị-an cho đất nước;

- Đời sống cơ-cực, đạo-đức suy-đồi cho nên tuổi thọ bị giảm xuống.

4. Phần IV: Cảnh thạnh-trị dưới thời vua Sankha:

- Chán-ghét cảnh hỗn-loạn, một só người lánh xa đến nơi hoang-vắng, từ bỏ việc sát-sanh, sống theo đạo-đức, nên tuổi thọ lần lần tăng lên.

- Vua Chuyển_luân Thánh-Vương Sankha ra đời, đem Chánh-Pháp trị nước, quốc-độ càng ngày càng cường-thịnh, tuổi thọ nhơn-loại lên đến tám vạn năm.

- Đức Di-Lặc (Metteyya) ra đời tuyên-giảng Chánh-Pháp, chỉ-dạy đời sống phạm-hạnh hoàn-toàn đầy- đủ thanh-tịnh.

5. Phần V: Đức Phật nhắc lại việc lấy Chánh-Pháp làm ngọn đèn, làm nơi nương-tựa cho chính mình:

- Dùng pháp Đại Niệm-xứ để giữ chánh-niệm và diệt-trừ tham-ái;

- Giữ theo giới-hạn của mình được cho phép, và theo giới-hạn của Tổ-phụ để lại, để tuổi thọ, sắc đẹp, an-lạc, tài-sản, và thế-lực được tăng-thịnh;

- Thế nào là Tỳ-kheo được tăng thêm về:

. tuổi thọ: tu-tập bốn Thần-túc;

. sắc-đẹp: tuân theo Giới-bổn (Patimokkha)

. an-lạc: tu chứng bốn cấp Thiền-định;

. tài-sản: tu tập bốn vô-lượng tâm;

. thế-lực: diệt-tận các lậu-hoặc khiến Ma-vương chẳng còn cám-dỗ được nữa.

Đó là ngọn đèn Chánh-Pháp mà Tỳ-kheo phải nên nương-tựa, và chỉ nương-tựa vào đó mà thôi.

124 . TRÍCH-ĐOẠN: THÁNH-VƯƠNG CHÁNH-PHÁP.

... Tâu Đại-vương, thế nào là Thánh-vương Chánh-pháp?

- Nầy Thái-tử thân-yêu, con y-cứ vào Pháp, kính-trọng Pháp ... , tự con trở thành Pháp-tràng, ... xem Pháp là thầy, tự trở thành người bảo-vệ hợp-pháp cho thứ-dân, cho quân-đội, cho Sát-đế-lợi, cho quần-thần, cho gia-chủ, cho thị-dân, thôn-dân..., cho các loài thú và loài chim. Chớ có làm gì phi- pháp trong quốc-độ của con... Nếu có người không có tiền-của, hãy đem tiền cho người ấy... Có những Sa-môn, Bà-la-môn từ bỏ dục-vọng, không phóng-dật, thực-hành nhẫn-nhục, từ-ái, nhiếp-phục tự-kỷ... con hãy nghe họ và ngăn-chận (các người khác) khỏi sự bất-thiện và khuyến-khích làm điều thiện. Nầy con thân-yêu, như vậy là Thánh-vương Chánh-pháp.

125. TRÍCH-ĐOẠN: DO ĐÂU TUỔI THỌ BỊ GIẢM?

...Nầy các Tỳ-kheo, ... vì không cho tiền-của những người nghèo, nghèo đói tăng-thịnh; vì nghèo đói tăng-thịnh nên trộm-cắp tăng-thịnh; vì trộm-cắp tăng-thịnh nên đao kiếm tăng-thịnh; vì đao-kiếm tăng-thịnh nên sát-sanh tăng-thịnh; vì sát-sanh tăng-thịnh nên nói láo tăng-thịnh; vì nói láo tăng-thịnh

nên nói xấu tăng-thịnh; vì nói xấu tăng-thịnh nên tà-hạnh tăng-thịnh; vì tà-hạnh tăng-thịnh nên ác- khẩu và lời nói phù-phiếm tăng-thịnh, ... nên tham, sân tăng-thịnh, ... tà-kiến..., phi-pháp-dục, phi-lý- tham, tăng-thịnh...

Vì ba pháp nầy tăng-thịnh, nên các sự hiếu-kính đối với cha-mẹ (bị) giảm-thiểu, ... tuổi thọ , sắc đẹp của loài Người bị giảm thiểu (lần lần) ... cho đến chỉ còn sống đến mười tuổi....

126. TRÍCH-ĐOẠN: THẾ NÀO LÀ TỲ-KHEO ĐƯỢC TUỔI THỌ, SẮC ĐẸP, AN-LẠC, TÀI-SẢN, THẾ-LỰC TĂNG THÊM?

- Nầy các Tỳ-kheo, như thế nào là vị Tỳ-kheo tuổi thọ được tăng-thịnh? ... vị Tỳ-kheo tu-tập ... đầy-đủ (bốn Như-ý-túc): Dục thiền-định, Tinh-tấn thiền-định, Tâm-định thiền-định, Tư-duy thiền-định,... một cách tinh-cần, nếu muốn sống kéo dài một kiếp hay (những) năm còn lại của một kiếp; như vậy Ta nói vị Tỳ-kheo tuổi thọ được tăng-thịnh.

- Thế nào là vị Tỳ-kheo sắc đẹp được tăng-thịnh? ... vị Tỳ-kheo sống giữ giới-luật, chế-ngự với sự chế- ngự của Giới-Bổn (Patimokkha), đầy-đủ oai-nghi chánh-hạnh, thấy sự nguy-hiểm trong những lỗi nhỏ-nhặt, thọ lãnh và tu-học trong giới-pháp...

- Thế nào là vị Tỳ-kheo an-lạc được tăng-thịnh? ... vị Tỳ-kheo ly dục, ly ác-pháp, chứng và trú Thiền thứ nhứt, một trạng-thái an-lạc do ly dục sanh..., ... Thiền thứ hai, ...Thiền thứ ba,... Thiền thứ tư...

- Thế nào là vị Tỳ-kheo tài-sản được tăng-thịnh? ... vị Tỳ-kheo an-trú biến mãn bốn phương với tâm từ,... tâm bi..., tâm hỷ... tâm xả, quảng-đại, vô-biên, không hận, không sân....

- Thế nào là vị Tỳ-kheo thế-lực được tăng-thịnh? ... vị Tỳ-kheo với sự diệt-tận các lậu-hoặc, tự mình biết và chứng, đạt đến và an-trú ngay trong hiện-tại tâm giải-thoát, tuệ giải-thoát, không còn các lậu- hoặc. Nầy các Tỳ-kheo, như vậy là vị Tỳ-kheo thế-lực được tăng-thịnh...

127. HỌC KINH CHUYỂN-LUÂN THÁNH-VƯƠNG SƯ-TỬ HỐNG, NÊN CHÚ-Ý ĐIỂM NÀO?

Kinh Chuyển-Luân Thánh-Vương Sư-Tử Hống phần lớn nội-dung thuật lại sự-tích các vị Chuyển-Luân Thánh-Vương, nhưng đó chẳng phải là phần quan-trọng nhứt. Người học Kinh nên chú-ý đến:

1. Lời dạy của đức Phật: "Nầy các Tỳ-kheo, hãy sống tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương-tựa mình, không nương-tựa một ai khác, lấy Chánh-Pháp làm ngọn đèn, lấy Chánh-Pháp làm nơi nương-tựa, không nương-tựa một gì khác..." Đó là lời phó-chúc của đức Phật trước khi Ngài nhập Niết-Bàn.

2. Phần V của Kinh nhấn mạnh đến sự tu-tập của các vị Tỳ-kheo theo đúng Chánh-Pháp, để được tăng tuổi thọ, sắc đẹp, an-lạc, tài-sảm và thế-lực. Tăng tuổi thọ bằng cách tu-tập bốn Như-ý-túc. Tăng sắc đẹp bằng cách giữ giới và các oai-nghi theo chánh-hạnh. Tăng an-lạc bằng cách tu-tập bốn cấp Thiền- định. Tăng tài-sản bằng cách tu-tập bốn tâm vô-lượng: từ, bi, hỷ, xả quảng-đại, vô-biên. Tăng thế-lực bằng cách diệt-tận lậu-hoặc để tâm và tuệ đều được giải-thoát, đủ sức ngăn-ngừa mọi cám-dỗ của Ma- vương.

(TN. Mtl, 2006-03-18).

-ooOoo-

27. KINH KHỞI THẾ NHÂN BỔN

128. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ĐỨC PHẬT GIẢNG KINH KHỞI THẾ NHÂN BỔN?

Vào một thời kia, đức Phật ngụ tại nước Xá-Vệ (Savatthi), nơi giảng-đường Lộc-Mẫu (Migàtamàtu) trong vườn Thành-Tín viên-lâm (Pubhàràma). Lúc bấy giờ vào buổi chiều, sau khi thiền-tịnh, Thế- Tôn đang đi đến giảng-đường, thì có hai tân Tỳ-kheo là Vàsettha (Bà-tất-tra) và Bhàradvàja (Bà-la- đoạ) đến thưa-thỉnh.

Nhơn nói về các Bà-la-môn tự-hào cho rằng giai-cấp của họ là cao-qúi nhứt, sanh ra từ cửa miệng của đấng Phạm-Thiên và chê-bai các giai-cấp khác sanh ra từ bàn chơn của vị nầy, đức Phật mới thuyết Kinh Khởi Thế Nhân Bổn để giảng rõ sự chuyển-thành của thế-giới nầy từ lúc sơ-nguyên cho tới khi phân-chia ra thành các giai-cấp trong xã-hội. Ngài nói: "Trong bốn giai-cấp, vị Tỳ-kheo là bậc A-la- hán, lậu-hoặc đã diệt-tận, đạt tới

chánh-trí giải-thoát. Vị ấy được gọi là tối-thượng trong tất cả giai- cấp."

129. NỘI-DUNG KINH KHỞI THẾ NHÂN BỔN.

A.- Ý Chánh: Các hữu-tình từ cõi Quang-Âm thiên đến thế-giới nầy, lần lần bị các ác-pháp làm ô- nhiễm, phân ra bốn giai-cấp. Trái với quan-niệm tự-tôn của giai-cấp Bà-la-môn, chỉ có các bực Sa- môn đắc quả A-la-hán mới là tối-thượng.

B.- Phân đoạn: Kinh có thể chia ra ba phần:

1. Phần I: Bà-la-môn chỉ trích việc Vàsettha đi tu:

- Thế-Tôn hỏi Vàsettha, vốn thuộc gia-tộc Bà-la-môn xuất-gia, đã bị các Bà-la-môn chỉ-trích việc đi tu theo giai-cấp Sa-môn như thế nào?

- Vàsettha nói quan-niệm tự-tôn về giai-cấp của Bà-la-môn cho rằng họ sanh từ cửa miệng đấng Phạm- Thiên, còn các giai-cấp khác sanh từ bàn chơn vị nầy.

- Đức Phật bảo, Bà-la-môn do thai-sanh, sao lại bảo là sanh ra từ cửa miệng của Phạm-Thiên;

- Trong bốn giai-cấp: Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Phệ-xá và Thủ-đà-la, giai-cấp nào cũng có người thiện, kẻ ác; chỉ có vị Tỳ-kheo đắc A-la-hán mới là tối-thượng.

- Vua Ba-tư-nặc kính-trọng Như-Lai, đó là vì vua biết kính-trọng Pháp tối-thượng.

2. Phần II: Thế-giới nầy ở giai-đoạn chuyển-thành:

- Có nhiều chúng-sanh hữu-tình từ cõi Quang-Âm-thiên thác-sanh qua thế-giới nầy. Họ tự có hào- quang, nuôi sống bằng hỷ, phi hành trên không;

- Sau nhiều ngàn năm, loài hữu-tình đó nếm vị đất thấy ngon, ăn vào, từ đó ánh hào-quang của họ bị mất đi, và mặt trời hiện ra, có ngày đêm và thời-tiết;

- Sau nhiều ngàn năm, hương vị đất biến mất, có nấm đất nổi lên, rồi lần-lượt các loại cây leo, sau đến các loại lúa. Vì nuôi sống bằng các chất đó, thân-thể họ trở nên cứng-rắn, sắc đẹp có sai-biệt nhau, có nam-tánh, nữ-tánh rồi sanh ra các hạnh dâm.

- Lần lần các ác-pháp xuất-hiện: tích-trữ thực-phẩm, trộm cắp và tranh-đấu bằng gậy, đá...

Có nhiều hữu-tình họp nhau lại, chọn người đứng-đắn, được tôn-trọng nhứt, để ủy-nhiệm ra cầm đầu họ. Do đó xuất-hiện các danh-từ Mahà-Sammato (Mahà= lớn; sammato=ủy-nhiệm), Khattiya (Sát-đế- lợi= chủ ruộng vườn) Ràja (Vua= bực làm cho người khác hoan-hỉ với Pháp). Từ đó danh-từ Khattiya, Sát-đế-lợi, trở thành giai-cấp cao nhứt trong xã-hội xưa.

- Có nhiều hữu-tình loại-bỏ các ác-pháp, cất chòi lá trong rừng để tu thiền. Họ được gọi là Bà-la-môn (Bràhmana) và danh-từ Jhàyakà, tu Thiền, xuất hiện. Có người trong hạng nầy không tu Thiền, đi xuống thị-xã để làm sách (ghi thành các tập Kinh Vệ-đà). Từ đó danh-từ Bràhmana, Bà-la-môn, trở thành giai-cấp thứ hai trong xã-hội, hoặc họ tu Thiền, hoặc họ phúng-tụng Kinh-sách Vệ-đà.

- Một số hữu-tình làm các nghề-nghiệp khác như săn bắn hoặc các nghề hèn-mọn. Do đó hai danh-từ Vessà (Phệ-xá= các nghề sai-khác) và Suddà (Thủ-đà-la =các nghề hèn-mọn) trở thành hai giai-cấp thấp nhứt trong xã hội xưa.

3. Phần III: Các vị xuất-gia làm Sa-môn:

- Trong bốn giai-cấp: Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà-la, giai-cấp nào cũng có người từ bỏ gia- đình, xuất-gia làm Sa-môn;

- Họ theo Chánh-Pháp tu-tập, giữ gìn chánh-hạnh, khi chết được sanh lên cõi Trời.

- Trong bốn giai-cấp nầy, có vị Tỳ-kheo tu-tập Bảy Giác-chi, diệt-trừ hoàn-toàn các ác-pháp, ngay trong cõi đời nầy, chứng quả-vi A-la-hán, được gọi là tối-thượng trong tất cả các giai-cấp.

Đức Phật kết thúc bài Kinh bằng cách đọc lên bài Kệ được vua Trời Đại-Phạm tuyên-thuyết:

Chúng-sanh tin giai-cấp

Sát-đế-lợi tối-thắng.

Ai đủ cả Trí, Đức,

Tối-thắng giữa Nhơn, Thiên.

130. TRÍCH-ĐOẠN: THẾ-GIỚI TỪ SƠ-NGUYÊN ĐẾN KHI PHÂN-CHIA THÀNH CÁC GIAI-CẤP.

... Nầy Vàsettha, các loại hữu-tình ấy hội-họp lại và than phiền: Nầy các bạn, các ác-pháp đã hiện ra giữa các loài hữu-tình. Chúng ta trước kia (từ cõi Quang-âm-thiên đến đây) do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào-quang, phi-hành trên hư-không, sống trong sự quang-vinh và sống như vậy trong một thời-gian khá dài... Sau (đó) vị của đất hiện ra, ... có sắc, có hương và có vị. Chúng ta bắt đầu bẻ đất từng cục bằng tay để ăn. Vì bẻ đất bằng tay từng cục để ăn, nên hào-quang biến mất; ... mặt trời, mặt trăng hiện ra, các chùm sao hiện ra..., nên ngày, đêm hiện ra, ... nên thời-tiết và năm hiện ra. Chúng ta thưởng-thức vị đất, lấy đất làm món ăn trong một thời-gian khá dài. Khi các ác-pháp khởi lên giữa chúng ta, vị đất biến mất, nấm đất hiện ra. Nấm đất nầy có sắc, có hương, có vị. Chúng ta bắt đầu thưởng-thức nấm đất ấy,... trong một thời-gian khá dài. Vì các ác-pháp khởi lên giữa chúng ta nên nấm đất biến mất;... có cây leo hiện ra, ... biến mất nên lúa mọc tại khoảng trống hiện ra, không có cám, không có vỏ, có mùi thơm và hột trơn nhẵn... những hữu-tình ấy... lấy lúa làm chất ăn, trong một thời-gian khá dài, ... thân-hình họ trở nên cứng-rắn hơn và sắc đẹp của họ lại càng sai-biệt. Về phái nữ, nữ-tánh xuất hiện, về phái nam, nam-tánh xuất hiện... Do sự kuyến-ái, họ làm các hạnh dâm...

... Có vị hữu-tình bản-tánh biếng-nhác, giữ gìn phần của mình, đánh cắp phần của người khác, và thưởng-thức phần ấy. Người ta bắt người ấy, quở-trách ... đập anh ta bằng tay, ... bằng đá, bằng gậy. Nầy Vàsettha, bắt đầu như vậy, lấy của không cho xuất hiện, quở trách xuất hiện, nói láo xuất-hiện, hình-phạt đập đánh xuất hiện...

... Nầy Vàsettha, các loại hữu-tình ấy hội-họp lại (và bàn-tính): Chúng ta hãy đề-cử một người có sắc đẹp nhứt, được ái-mộ nhứt, (đứng ra) khiển-trách khi đáng khiển-trách, hay tẩn-xuất khi đáng tẩn- xuất. Chúng ta sẽ dành cho Người một phần lúa của chúng ta... Do đó người được lựa chọn là Mahà- sammato, bực đại-diện được ủy-nhiệm và danh-từ Khattiya, Sát-đế-lợi, (chủ ruộng vườn) được khởi

lên. (Sau đó), có các vị cất chòi trong rừng để tu Thiền..., đó là các Bràhmana, Bà-la-môn, và danh-từ nầy khởi lên từ đó. (Về sau nữa) các hữu-tình chọn các nghề-nghiệp khác, nên danh-từ Vessà, Phệ-xá, xuất-hiện; và các người làm nghề hạ-tiện nên danh-từ, Suddà, Thủ-đà-la được xuất-hiện... Trong bốn giai-cấp nầy, chỉ có các vị Tỳ-kheo tu-tập theo Pháp, sống chế-ngự thân, miệng, ý, tu-tập Bảy Giác- chi, đắc quả A-la-hán, diệt-tận các lậu-hoặc, nên được gọi là tối-thượng trong tất cả giai-cấp ...

131. HỌC KINH KHỞI THẾ NHÂN BỔN NÊN CHÚ-Ý ĐẾN ĐIỂM NÀO?

1. Cũng như Kinh Ba-Lê, (kinh số 23 trong Trường-Bộ Kinh), Kinh Khởi-Thế Nhân Bổn bàn về thời- kỳ sơ-nguyên của thế-giới nầy, nhưng chú-trọng nhiều hơn đến lối sinh-hoạt và sự phân-chia giai-cấp của các chúng-sanh. Đây là bản Kinh quan-trọng, được xem như là bản trần-thuyết chánh-thức của đức Phật về nguồn-gốc của thế-giới nầy. Tuy nhiên, như đức Phật thường nhắc đi nhắc lại, Ngài biết các tri-kiến nầy và nói ra cho các vị Tỳ-kheo để biết mà thôi, chớ Ngài không hề chấp-trước vào các tri-kiến ấy; và nhờ chẳng chấp-trước nên tâm Ngài mới được hoàn-toàn an-tịnh.

2. Kinh nầy nhằm đả-phá quan-niệm tự-tôn của giai-cấp Bà-la-môn, nghĩ sằng rằng họ từ cửa miệng đấng Đại-Phạm Thiên sanh ra, còn các giai-cấp khác sanh từ nơi bàn chơn của vị ấy. Sao họ lại chẳng biết sự thai-sanh của loài người, từ bụng mẹ sanh ra?

3. Điểm son chói-lọi nhứt trong lịch-sử nhơn-loại là Phật-giáo đã đi tiền-phong trong vấn-đề xoá bỏ giai-cấp xã-hội. Trong Giáo-hội của đức Phật, vị đệ-tử thọ-giới Tỳ-kheo trước được coi cao hơn kẻ thọ-giới sau. Trong hàng đệ-tử, có đủ bốn hạng giai-cấp, như các vị hoàng-tử vừa mới xuất-gia vẫn phải kính-lễ người thợ cạo cũ của họ đã thọ-giới Tỳ-kheo trước họ.

(TN. Mtl, 2006-03-18).

-ooOoo-

28. KINH TỰ HOAN-HỶ.

132. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ĐỨC PHẬT GIẢNG KINH TỰ HOAN-HỶ?

Vào một thời kia, đức Phật ngụ tại làng Na-lan-đà (Nàlanda), trong khu rừng Pàvàrikambavana. Lúc bấy giờ, tôn-giả Xá-lợi-phất (Sariputta) đến bạch với Thế-Tôn: "Bạch Thế-Tôn, con tin-tưởng Thế-Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, trong quá-khứ, hay tương-lai cũng như ngay trong hiện-tại, chẳng thể có một vị Sa-môn, Bà-la-môn nào vĩ-đại hơn Thế-Tôn về phương-diện giác-ngộ." Đức Phật quở tôn-giả đã "đại- ngôn", trong khi còn chưa biết được tâm-tư của chư vị Thế-Tôn, lại quá gan-dạ "rống lên tiếng rống của con sư-tử " !

Trong bản Kinh nầy, bằng lời-lẽ chơn-thành, với tấm lòng ngưỡng-mộ sâu-xa vào đức Bổn-sư, tôn-giả Xá-lợi-phất đã lần-lượt trình-bày các điều mình nhận-xét về truyền-thống Chánh-Pháp mà Thế-Tôn đã khéo thuyết-giảng cho các Tỳ-kheo khéo hành-trì: các thiện-pháp trong 37 phẩm trợ-đạo, các vấn-đề nhập thai, ký-tâm, kiến-định, tinh-tấn trong đạo-hạnh, giới-hạnh, phương-pháp giảng-dạy, thường-trú-luận, túc-mạng-trí, sanh-tử-trí, các loại thần-thông, v.v... Vì thấy rõ và biết chắc Thế-Tôn đã chứng-đạt tất cả các pháp Ngài giảng-dạy, và nếu muốn, Ngài có thể''đạt được đầy-đủ và dễ-dàng sự an-lạc hạnh-phúc ngay trong hiện-tại, do bốn cấp Thiền-định mang lại.'', nên Tôn-giả mới dám nói lên lời nói ''đại-ngôn'' ở trên: chẳng có ai vượt thắng Ngài nỗi, kể từ xưa cho đến nay và cả trong tương-lai nữa. Đức Phật lắng nghe và khen Tôn-giả đã trả lời Ngài một cách thuận pháp và đúng pháp.

Do đó, Kinh nầy mới mang tên Tự Hoan-Hỷ, để nói lên lòng hoan-hỷ của tôn-giả Xá-lợi-phất đối với Thế-Tôn.

133. NỘI-DUNG KINH TỰ HOAN-HỶ.

A.- Ý Chánh: Lòng hoan-hỷ của Tôn-giả Xá-lợi-phất đã nói lên sự ngưỡng-mộ chơn-thành đối với Thế-Tôn và Chánh-pháp giác-ngộ và giải-thoát mà Ngài đã truyền-dạy cho đời.

B.- Phân đoạn: Kinh có thể phân ra ba phần:

1. Phần I: Đức Phật quở Tôn-giả Xá-lợi-phất đã ''đại-ngôn.''

- Đức Phật: Còn chưa biết được tâm-tư của chư Phật, sao dám nói chẳng có ai hơn được Thế-Tôn?

- Tôn-giả Xá-lợi-phất: Tuy con chưa biết tâm-tư chư Phật, nhưng con biết truyền-thống về Chánh- Pháp, nên đặt trọn vẹn lòng tin vào giáo-pháp của Thế-Tôn.

2. Phần II: Tôn-giả Xá-lợi-phất trình-bày Giáo-pháp của Đức Phật:

- Truyền-thống về Chánh-Pháp: tất cả các bậc Thế-Tôn trong thời quá-khứ hay vị-lai đều diệt-trừ năm Triền-cái, an-trú vào bốn Niệm-xứ, thành-tựu bảy Giác-chi và chứng-ngộ Vô-thượng Chánh-đẳng- giác.

Thế-Tón đã khéo thuyết-giảng:

- các thiện-pháp và 37 Phẩm Trợ-Đạo: bốn Niệm-xứ, bốn Chánh-cần, bốn Như-ý-túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác-chi và thánh-đạo Tám ngành;

- 12 nhập-xứ: mắt và sắc, tai và tiếng, mũi và hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp;

- bốn loại nhập-thai: (1)không biết mình nhập vào bụng mẹ; (2)không biết mình an-trú trong bụng mẹ, (3) không biết mình ra khỏi bụng mẹ (4) biết tất cả ba giai-đoạn của sự nhập thai.

- bốn loại ký-tâm: (1) tỏ lộ ra hình-tướng, (2) qua tiếng nói, (3) do suy-tầm tư-duy; (4) do nhập-định;

- bốn loại kiến-định: (1) quán thân, biết 32 phần trong thân-thể; (2) quán thân biết các chỗ bất-tịnh trên và trong thân; (3) quán dòng tâm-tư không gián-đoạn như đang an-trú; (4) quán dòng tâm-tư không gián-đoạn như đang không an-trú.

- Bảy Giác-chi (1) niệm, (2) trạch-pháp, (3) tinh-tấn, (4) hỷ, (5) khinh-an, (6) định, (7)xả;

- bốn tiến-bộ trong việc tu-hành: (1) hành-trì khổ, chứng ngộ chậm; (2) hành trì khổ, chứng ngộ mau, (3) hành-trì lạc, chứng ngộ chậm, (4) hành-trì lạc, chứng ngộ mau.

- chánh-hạnh trong lời nói: lời nói từ-hoà, sáng-suốt, đáng được giữ-gìn, đúng thời.

- giới-hạnh của con người: thành-tín, không lừa gạt, không lấy lợi cầu lợi, hộ-trì các căn, ăn uống tiết- độ, hành-động ôn-hoà, luôn giữ chánh-niệm, tỉnh-giác, chịu đựng , không tham-dục.

- đường-lối giảng-pháp tùy căn-cơ của đệ-tử, dạy bốn đạo-quả: (1) Dự-lưu, (3) Nhứt-lai, (3) Bất-lai, (4) A-lahán và Niết-bàn;

- vấn-đề Thường-trú luận: biết bản-ngã và thế-giới thường-trụ vào (1) nhiều đời; (2) nhiều kiếp (3) nhiều thành-kiếp và hoại-kiếp;

- vấn-đề thần-thông: túc-mạng-trí, sanh-tử-trí, và hai loại thần-túc-thông hữu-lậu và vô-lậu.

3. Phần III: Tôn-giả Xá-lợi-phất giải-bày lòng hoan-hỉ về sự tin-tưởng vào Thế-Tôn và Giáo-pháp của Ngài.

- Xá-lợi-phất: Không có một ai có thể chứng biết hơn Thế-Tôn về các pháp và các vấn-đề trên.

- Tôn-giả Udàyi: Kỳ-diệu thay ! Như-Lai có đại-thần-lực nghiêm-túc như vậy, mà không tự mình nói ra.

- Thế-Tôn: Nầy Xá-lợi-phất, nếu có kẻ ngu nào còn nghi-ngờ đối với Như-Lai, Ngươi nên nói các pháp phân-biệt nầy, thì sự nghi-ngờ của họ sẽ được trừ-diệt.

- Như vậy, Tôn-giả Xá-lợi-phất nói lên lòng HOAN-HỶ của mình đối với Thế-Tôn.

134. TRÍCH-ĐOẠN: NIỀM KÍNH-TÍN ĐỐI VỚI TÔN-SƯ

- Bạch Thế-Tôn, những gì có thể đạt được bởi một thiện-nam-tử có lòng tin, có tinh-tấn, có kiên-trì... đều được Thế-Tôn chứng-đạt... Thế-Tôn không có đam-mê các dục-lạc... đê-tiện, hèn-hạ, thuộc phàm- phu, không xứng bực Thánh, không có lợi-ích. Thế-Tôn cũng không đam-mê tu-hành khổ-hạnh, ... không xứng bực Thánh, không có lợi-ích. Thế-Tôn có thể đạt được, nếu Ngài muốn, một cách dễ-dàng, một cách đầy-đủ, sự hạnh-phúc ngay trong hiện-tại, do bốn Thiền-định đem lại.

Bạch Thế-Tôn, nếu có ai hỏi con: "Nầy Hiền-giả Sariputta, trong thời quá-khứ, ... trong thời vị-lai, có vị Sa-môn, Bà-la-môn nào còn lớn hơn, còn sáng-suốt hơn Thế-Tôn về sự giác-ngộ?" Được hỏi như vậy, con trả lời: Không ! Bạch Thế-Tôn, nếu có ai hỏi con... trong thời quá-khứ, ... trong thời vị lai, có vị Sa-môn, Bà-la-môn nào có thể bằng

Thế-Tôn về vấn-đề giác-ngộ, con trả lời: Có ! Bạch Thế-Tôn, nếu có ai hỏi, trong thời hiện-tại, có vị Sa-môn, Bà-la-môn nào có thể bằng Thế-Tôn về vấn-đề giác- ngộ không, ... con trả lời: Không !

Bạch Thế-Tôn, nếu có ai hỏi con: "Vì sao Tôn-giả Sariputta một mặt xác-nhận là có, một mặt lại xác- nhận là không có?" ...con sẽ trả lời: "Nầy Hiền-giả, trước mặt Thế-Tôn, tôi có nghe nói, từ nơi Ngài tôi có ghi nhận: "Trong thời quá-khứ..., trong thời vị-lai, có các vị A-la-hán Chánh-đẳng-giác bằng Ta về phương-diện giác-ngộ. ... (và)... Không có trường-hợp, không có sự-kiện, trong một thế-giới, hai vị A-la-hán Chánh-đẳng-giác cùng xuất-hiện ở đời, không trước, không sau. Sự-kiện như vậy không thể xảy ra."

Bạch Thế-Tôn, có phải khi được hỏi và trả lời như vậy, con đã nói lên đúng ý với Thế-Tôn, không có sai-lạc, không có hiểu-lầm Thế-Tôn? Có phải con đã trả lời thuận pháp, đúng pháp? Có phải không một đối-phương hợp-pháp nào có thể tìm ra lý-do để chỉ-trích phê-bình?

- Nầy Sariputta, được hỏi và trả lời như vậy, Ngươi đã nói lên đúng ý với Ta, không có sai-lạc, không có hiểu-lầm. Ngươi đã trả lời thuận pháp và đúng pháp. Không một đối-phương hợp-pháp nào có thể tìm ra lý-do để chỉ-trích phê-bình. (...)

135. HỌC KINH TỰ HOAN-HỶ, CHÚ-Ý ĐIỂM NÀO?

1. Một đệ-tử quá sùng-tín vị bổn-sư thường hay đề-cao vị thầy của mình. Tôn-giả Xá-lợi-phất khi bộc- lộ lòng hoan-hỷ của mình được tu-hành với một bậc đạo-sư chẳng có ai có thể vĩ-đại hơn được, đã nói lên với lời-lẽ chơn-thành các sự-thật về giác-ngộ và chứng-đắc của vị Thầy mà mình mến-phục. Thái- độ nầy đáng cho ta suy-gẫm và noi theo, khi còn nhiều kẻ khác chẳng ngượng-mồm khoe-khoang "thành-tích tưởng-tượng" mà vị sư-phụ họ đã lôi kéo họ vào "đạo" của ông ta.

2. Tôn-giả Udàyi khen đức Phật có đại-thần-lực như vậy mà không tự mình tỏ lộ ra, trong khi đó nếu có một du-sĩ ngoại-đạo nào, tự mình chứng được dầu chỉ có một pháp, họ đã giương cờ gióng trống lên rồi ! Tôn-giả thật biết cách khen thầy mình !

3. Sự vĩ-đại của đức Phật, được chứng-minh qua Giáo-Pháp của Ngài đã thực-hành và giảng-dạy, đâu cần gì bày-vẽ thêm nhiều việc nhiệm-mầu, huyền-bí để "lóa mắt" thiên-hạ. Đừng tưởng coi Ngài như

một bực thần-linh mà được Ngài sẽ "độ cho". Không đâu ! Làm thế, chỉ khiến thanh-danh Ngài bị suy- giảm mà thôi, hàng Phật-tử chúng ta nên ghi nhớ lấy điều ấy.

(TN. Mtl, 2006-03-20).

-ooOoo-

29. KINH THANH-TỊNH.

136. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ĐỨC PHẬT GIẢNG KINH THANH-TỊNH?

Vào môt thời kia, đức Phật ngụ tại vườn xoài của ông Vedhannà, thuộc bộ-tộc Sakya (Thích-ca). Lúc bấy giờ có vị Sa-di Cunda (Thuần-đà) cùng đi với Tôn-giả A-nan

(Ananda) đến yết-kiến đức Phật, để báo tin vị Sư-trưởng ngoại-đạo loã-thể Nigantha Nàthaputta (Ni-kiền-tử) đã từ-trần và giáo-phái của ông ta bị chia-rẽ trầm-trọng.

Nhơn đó, đức Phật mới giảng Kinh Thanh-Tịnh nầy, nêu rõ lý-do thất-bại của giáo-phái loã-thể là vì giáo-lý và pháp-luật đã "trình-bày, tuyên-bố một cách vụng-về, không có hiệu-năng hướng-dẫn, không đưa đến an-tịnh, không do một vị Chánh-Đẳng-Giác tuyên-thuyết." Kế đó, Ngài giải-thích trong giáo- lý của Ngài, các Tỳ-kheo sống đúng theo phạm-hạnh đầy-đủ, tu-tập bốn pháp Niệm-xứ, bốn pháp Thiền-định, nhờ đó mọi tà-kiến về quá-khứ, về tương-lai, về bản-ngã, đều được vẹt qua một bên, cùng hướng về an-tịnh và giải-thoát.

137. NỘI-DUNG KINH THANH-TỊNH.

A.- Ý Chánh: Phái loã-thể bị tan-rã sau khi vị sư-trưởng từ-trần, vì giáo-lý được truyền-dạy vụng-về, chẳng đưa đến an-tịnh. Trái-lại, Chánh-Pháp của đức Phật, do bực Chánh-Đẳng-Giác tuyên-thuyết, có đầy-đủ phạm-hạnh, được các đệ-tử khéo hành-trì, đưa đến sự thanh-tịnh và giải-thoát.

B.- Phân đoạn: Kinh có thể chia làm hai phần:

1. Phần I: Các lý-do đưa đến sự tan-rã của phái loã-thể khi vị sư-trưởng ngoại-đạo Ni-kiền-tử từ-trần.

- Cunda trình-bày sự thảm-bại của phái loã-thể, chia-rẽ thành hai nhóm, chống-đối nhau bằng miệng và binh-khí, sau khi đạo-sĩ Ni-kiền-tử từ-trần;

- Đức Phật giải-thích sự thất-bại đó, do: (1) vị đạo-sư chưa đắc Chánh-Đẳng-Giác, (2) thuyết pháp vụng-về, chẳng đưa đến an-tịnh; (3) chẳng có đệ-tử hay tín-đồ nào sống đúng theo chánh-hạnh.

2. Phần II: Đức Phật nêu sự thanh-tịnh của Giáo-Pháp hướng đến an-tịnh, giác-ngộ và giải-thoát:

- Trước hết, đức Phật nêu ra hai trường-hợp về tình-trạng của giáo-phái khi vị sư-trưởng từ-trần:

. Trường-hợp vị đạo-sư chưa đắc Chánh-Đẳng-Giác thuyết pháp vụng-về, chẳng đưa đến an-tịnh, thì khi chết, chẳng có vị đệ-tử nào sống đúng chánh-hạnh, nên giáo-phái bị chia-rẽ và tan-rã;

. Trường-hợp vị đạo-sư đã đắc Chánh-Đẳng-Giác khéo thuyết chánh-pháp, hướng đến an-tịnh, khi từ- trần đã có các đệ-tử tinh-thông giáo-lý, sống đúng phạm-hạnh đầy-đủ, khỏi phải quá ưu-tư vì bị phân- hoá.

- Sau đó, Ngài bảo, đối với hiện-tại, là bậc đạo-sư Chánh-Đẳng-Giác, Ngài khéo thuyết các pháp hướng đến an-tịnh, và các đệ-tử của Ngài tinh-thông diệu-pháp, phạm-hạnh hoàn-toàn viên-mãn:

. 37 Phẩm Trợ-đạo do Ngài tự chứng-tri và tuyên-bố cho các Tỳ-kheo, nên hội-họp lại và tụng-đọc, chớ cãi nhau, hãy so-sánh nghiã-lý và lời văn với nhau... để cho phạm-hạnh

nầy được tồn-tại, an-trú lâu dài, vì hạnh-phúc cho muôn loài ở đời;

. các giới-luật mà Ngài thuyết-giảng là chỉ để ngăn chặn các lậu-hoặc ngay trong hiện-tại và trong tương-lai: y-thực, nhà cửa, dược-phẩm, là để dưỡng nuôi thân-thể, ngăn chặn sự nóng lạnh của thời- tiết, sự xúc-chạm của các loài ruồi muỗi, chống các bịnh-tật...

. Thích-tử chẳng sống đam-mê các dục-lạc thấp kém (như khi sát-sanh, trộm-cắp, tà-dâm, nói dối) mà tầm-cầu hỷ-lạc (đưa đến yếm-ly) của bốn cấp Thiền với bốn quả-vị: Dự-lưu, Nhất-lai, Bất-lai, A-la- hán khi tâm và tuệ được hoàn-toàn giải-thoát.

- Đối với tương-lai, Như-Lai có trí do tuệ sanh: "Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn đời sống nào khác." Nếu những gì thuộc vị-lai là hư-vọng, không thật, không lợi-ích, thì Như-Lai không trả lời ...

- Đối với các pháp quá-khứ, vị-lai, hiện-tại, Như-Lai là vị nói phải thời, nói chơn-chánh, nói như thật, nói có lợi-ích, nói đứng Pháp, nói đúng Luật.

- Trong thế-giới nầy, những gì được thấy, nghe, tìm cầu, suy-đạt với ý, tất cả đều được Như-Lai biết rõ. Nhưng Ngài chẳng nói về các vấn-đề không có liên-hệ đến Pháp, đến căn-bản phạm-hạnh, không hướng đến an-tịnh, giác-ngộ và Niết-bàn.-- "Đây là Khổ, Khổ-Tập, Khổ-diệt, con đường đưa đến Khổ- diệt," đó mới là các điều được Thế-Tôn nói đến.

- Phật bảo: "Nầy Cunda, với mục-đích đoạn-trừ và vượt qua những biện-luận về các tà-kiến liên-hệ đến quá-khứ tối-sơ, đến tương-lai nầy, mà bốn pháp Niệm-xứ được Ta tuyên-thuyết, trình-bày."

- Lúc bấy giờ, Tôn-giả Upavàna đang quạt hầu Thế-Tôn, thốt lên: "Kỳ-diệu thay ! Pháp-thoại nầy thật là thanh-tịnh ! " Do đó, Kinh nầy được Phật đặt tên là Kinh Thanh-Tịnh.

138. TRÍCH-ĐOẠN: "THẤY MÀ KHÔNG THẤY".

- Nầy Cunda, Uddaka, con của Ràma thường nói: "Thấy mà không thấy". Thấy cái gì mà không thấy? Với một con dao sắc-bén, chỉ thấy lưỡi dao, không thấy khiá cạnh sắc-bén của dao. Nầy Cunda, ở đây Uddaka, con của Ràma, đề-cập đến một vật đê-tiện, hạ-liệt, thuộc về phàm-phu, không xứng bậc Thánh, không có lợi-ích, nói về con dao. Nầy Cunda, nếu nói đúng-đắn câu "Thấy mà không thấy", thời phải nói như sau: "Thấy mà không thấy", vị ấy thấy cái gì mà không thấy? Một phạm-hạnh, thành-tựu hết thảy tướng, đầy-đủ hết thảy tướng, không thiếu-sót, không quá đáng, được khéo tuyên- bố một cách viên-mãn, được khéo trình-bày. Chính vị ấy thấy phạm-hạnh nầy. Nếu vị ấy trừ bớt một phương-diện nào tại một chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy sẽ được rõ-ràng hơn, vị ấy sẽ không thấy gì. Nếu vị ấy thêm vào một phương-diện nào tại chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy sẽ được rõ-ràng hơn, vị ấy sẽ không thấy. Nếu vị ấy thêm vào một phương-diện nào tại một chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy được viên- mãn hơn, vị ấy sẽ không thấy gì. Như vậy gọi là "Thấy mà không thấy' ...

139. TRÍCH-ĐOẠN: "DO VẬY, MỚI GỌI LÀ NHƯ-LAI"

... Nầy Cunda, đối với các pháp quá-khứ, vị-lai, hiện-tại, Như-Lai là vị nói phải thời, nói chơn-chánh, nói như thật, nói có lợi-ích, nói đúng Pháp, nói đúng Luật. Do vậy mới gọi là Như-Lai ...

... Trong thế-giới nầy, ... với chư Thiên và loài Người, những gì được thấy, được nghe, được cảm-giác, được phân-biệt, được đạt đến, được tìm cầu, được suy-đạt với ý, tất cả đều được Như-Lai biết rõ. Do vậy mới gọi là Như-Lai.

Này Cunda, trong thời-gian giữa đêm Như-Lai chứng-ngộ Vô-thượng Chánh-Đẳmh-Giác và đêm Như- Lai nhập Vô-dư-y Niết-bàn giới, trong thời-gian ấy những gì Như-Lai nói trong khi thuyết-giảng, nói chuyện hay trình-bày, tất cả là như vậy, chớ không gì khác. Do vậy mới gọi là Như-Lai.

Nầy Cunda, Như-Lai nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy. Nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy, nên được gọi là Như-Lai ...

Đối với thế-giới, với chư Thiên và loài Người, Như-Lai là bậc Toàn-Thắng, không ai có thể thắng nổi, bậc Toàn-Kiến, bậc Tự-Tại.

140. TRÍCH-ĐOẠN: PHẠM-HẠNH ĐÃ THÀNH .

...Nầy Cunda, các du-sĩ ngoại-đạo có thể nói: "Các Sa-môn Thích-tử sống không giữ vững lập- trường." Họ cần được trả lời như sau: "Nầy Hiền-giả, Thế-Tôn, vị đã biết, đã thấy, là bậc A-la-hán Chánh-Đẳng-Giác đã thuyết, đã trình-bày những pháp cho các đệ-tử cho đến trọn đời ... Nầy Hiền- giả, một vị Tỳ-kheo là bậc A-la-hán, đã diệt-trừ các lậu-hoặc, phạm-hạnh đã thành, các việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, mục-tiêu đã đạt, hữu-kết-sử đã diệt-trừ, chánh-trí giải-thoát, không thể làm chín việc sau đây: không thể tước-đoạt sanh-mạng của loài hữu-tình,... không thể lấy của không cho, ... không thể hành dâm, ... không thế biết mà nói láo, ... không thể cất chứa tiền-của để hưởng-thọ dục-lạc, như khi còn tại-gia,... không thể đi con đường hành tham, ... hành sân,... hành si,... không thể đi con đường hành theo sợ-hãi ...

141. HỌC KINH THANH-TỊNH, CHÚ-Ý ĐIỂM NÀO?

Trọng-điểm của Kinh Thanh-Tịnh nầy dạy ta ý-nghiã của câu: "Thấy mà không thấy." Thấy một con dao sắc-bén, mà chỉ thấy có con dao, chưa nhận thấy chỗ sắc-bén của con dao, đó là còn chưa thấy được gì. Thấy chư vị Tỳ-kheo giữ giới đầy-đủ, mà chưa nhận ra giới-hạnh ngăn-ngừa các tội-ác, khiến cho thân-tâm được thanh-tịnh, đó là còn chưa thấy được gì. Học Kinh Thanh-Tịnh phải "thấy" sự thanh-tịnh của các Pháp do Thế-Tôn giảng-dạy, đều đưa đến an-tịnh và giải-thoát.

(TN. Mtl, 2006-03-21).

-ooOoo-

30. KINH TƯỚNG .

142. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ĐỨC PHẬT GIẢNG KINH TƯỚNG?

Vào một thời kia, đức Phật trú tại tịnh-xá Kỳ-viên (Jetavana), trong khu vườn ông Cấp-cô-độc (Anathapindika), nước Xá-vệ (Savatthi). Lúc bấy giờ, Thế-Tôn cho gọi các vị Tỳ-kheo lại để nghe Ngài giảng về Ba mươi hai tướng Đại-Trượng-phu.

Trong Kinh nầy, đức Phật cho biết, ai có đủ 32 tướng Đại-Trượng-phu sẽ chọn giữa hai con đường nầy: (1) nếu ở tại-gia, sẽ trở thành vị Chuyển-luân Thánh-vương cai trị bốn phương theo Chánh-Pháp; (2) nếu xuất-gia, tu-hành sẽ chứng-đắc A-la-hán Chánh-Đẳng-Giác, vén lui màn vô-minh cho nhơn- loại. Ngài chỉ rõ, do tích-lũy việc làm lành trong nhiều đời kiếp mà khi tái-sanh mới có được 32 tướng qúi nầy.

143. NỘI-DUNG KINH TƯỚNG .

A.- Ý Chánh: Sở dĩ có được 32 tướng Đại-Trượng-phu là do sự tích-lũy công-đức làm điều thiện từ nhiều đời kiếp trước.

B.- Phân đoạn: Tuy trong chánh-văn, bản Kinh được phân làm hai phần, nhưng xét về mặt nội-dung, có thể xem toàn-bộ bản Kinh chỉ có một phần mà thôi; sau mỗi đoạn đức Phật giảng về một tướng, có kèm theo một bài Kệ.

Sau đây là 32 tướng, kể từ gót chơn lên đỉnh đầu:

1. lòng bàn chơn bằng phẳng: do nhiều đời trước đã kiên-trì, chẳng dao-động đối với thiện-pháp;

2. dưới bàn chơn có hình bánh xe ngàn tăm: do... trừ-diệt mọi sợ-hãi, che-chở, hộ-trì đúng Pháp;

3. ba tướng: gót chơn thon dài; ngón tay, ngón chơn dài; tay chơn mềm-mại: do... từ bỏ sát-sanh và có lòng Từ;

4. bảy chỗ tròn đầy ở hai tay, hai chơn, hai vai và thân-hình: do... siêng bố-thí các món ăn;

5. giữa các ngón tay, ngón chơn, có lưới da mỏng: do ... siêng tu Bốn Nhiếp-pháp là bố-thí, ái-ngữ, lợi-hành và đồng-sự;

6. hai tướng: mắt-cá tròn như con sò, lông mọc xoáy thẳng lên: do ... nói lời liên-hệ đến lợi-ích chúng- sanh, đúng Pháp, đúng chánh-hạnh;

7. ống chân giống như con dê rừng: do... siêng-năng học-hỏi nghề-nghiệp;

8. da trơn mịn, bụi chẳng bám được: do ... siêng thưa hỏi về thiện-pháp với các bực tu-hành;

9. da màu hoàng-kim, sáng chói: do ... siêng bố-thí các loại vải-vóc giúp kẻ khác che-chở thân-thể;

10. tướng mã-âm-tàng: do ... nói lời hoà-hợp, giúp sự sum-họp;

11. thân như cây bàng (Nigrodha), tay dài có thể sờ đầu gối mà chẳng khòm lưng: do ... quán-sát đại- chúng, biết mình, biết người, và hành-động đúng-đắn tùy theo sự sai-biệt;

12. nửa thân trên như thân sư-tử: do ... giúp kẻ khác tăng thêm lòng tin, giữ giới, đa-văn, trí-tuệ;

13. cảm-vị rất bén-nhạy: do ... không hề làm tổn-hại ai;

14. hai tướng: đôi mắt thật xanh, lông mi như con bò cái: do ... có thói quen không ngó liếc, không nhìn trộm, tâm chánh-trực;

15. nhục-kế trên đỉnh đầu: do ... lãnh-đạo đại-chúng sống theo thiện-pháp, thiện-nghiệp;

16. tướng bạch-hào (lông trắng mềm giữa hai lông-mày): do ... tránh xa nói láo;

17. có 40 răng, răng không kẽ hở: do ... tránh xa lời nói lưỡi hai chiều, lời nói đâm-thọc;

18. hai tướng: lưỡi rộng dài, giọng nói tuyệt-diệu như chim Ca-lăng-tần-già (Karavika): do ... siêng nói lời êm-ái, dễ thương, đẹp tai;

19. hàm như quai-hàm sư-tử: do ... từ bỏ lời nói ỷ-ngữ (nịnh-nọt), nói lời chân-thật về Chánh-pháp;

20. răng đều-đặn và sáng chói: do ... từ bỏ các tà-mạng, các nghề bất-chánh, tránh xa sự gian-lận.

144 . HỌC KINH TƯỚNG, NÊN CHÚ-Ý ĐIỂM NÀO?

Có được thân-tướng trang-nghiêm, đủ các vẻ đẹp tùy hình, đó là điều qúi-báu. Nhưng, như đức Phật đã dạy, có được 32 tướng Đại-Trượng-phu là do sự tích-luỹ công-đức làm điều thiện từ nhiều đời kiếp trước, nên nay tái-sanh lại mới có. Học Kinh Tướng nầy, tưởng nên chú-ý đến các điều thiện đã làm nguyên-nhân cho sự thủ-đắc các tướng qúi đó.

(TN. Mtl, 2006-03-22).

-ooOoo-

31. KINH GIÁO THỌ THI-CA-LA-VIỆT .

145. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ĐỨC PHẬT GIẢNG KINH GIÁO THỌ THI-CA-LA-VIỆT

Vào một thời kia, đức Phật ngụ tại tịnh-xá Trúc-Lâm (Veluvana), gần thành Vương-xá (Ràjagaha), nước Ma-kiệt-đà (Magadha). Lúc bấy giờ, vào sáng sớm, có thanh-niên tên Thi-ca-la-việt (Singàlaka), áo đẫm hơi sương, đang đảnh lễ sáu phương, thì gặp đức Phật đi khất-thực. Ngài dừng lại và hỏi ý- nghiã của sự đảnh lễ sáu phương nầy. Thi-ca-la-việt thưa mình chỉ biết theo lời trối của cha mà làm lễ như thế.

Nhơn đó đức Phật mới giảng cho thanh-niên nầy nghe ý-nghiã của sự lễ-bái sáu phương đúng theo luật-pháp của bực Thánh. Đây là bản Kinh giảng đầy-đủ về các bổn-phận của người cư-sĩ tại-gia.

146. NỘI-DUNG KINH GIÁO THỌ THI-CA-LA-VIỆT .

A.- Ý Chánh: Cư-sĩ tại-gia biết tránh các ác-pháp gây ra phiền-não và phung-phí tài-sản, trở thành vị che-chở sáu phương; các phương nầy tượng-trưng cho các bổn-phận đối với cha-mẹ, sư-trưởng, vợ- con, bạn-bè, tôi-tớ, và các vị xuất-gia.

B.- Phân đoạn: Kinh được chia ra hai phần:

1. Phần I: Các bổn-phận căn-bản của người cư-sĩ:

- tránh bốn nghiệp gây phiền-não: sát-sanh, trộm-cắp, tà-dâm, nói dối;

- không làm ác-nghiệp với bốn lý-do: tham, sân, si và sợ-hãi;

- tránh sáu lối phung-phí tài-sản: uống rượu, đi chơi phi-thời, la-cà đình-đám, ham-mê cờ-bạc, giao-du với bạn ác, quen thói lười-biếng.

- tránh bốn hạng bạn-bè xấu: bạn tham vật gì cũng lấy, chỉ biết nói giỏi, khéo nịnh-hót, ăn tiêu xa-xí.

- thân-cận với bốn hạng bạn-bè chơn-thật: bạn hay giúp-đỡ, bạn chung-thủy, bạn khuyên điều lợi-ích, bạn biết thương-tưởng.

2. Phần II: Sáu phương tượng-trưng cho các bổn-phận người cư-sĩ trong gia-đình và ngoài xã-hội.

- Phương Đông: giữa con cái và cha-mẹ,

- Phương Nam: giữa đệ-tử và sư-trưởng,

- Phương Tây: giữa vợ, chồng;

- Phương Bắc: giữa bạn-bè;

- Phương Dưới: giữa tôi-tớ và chủ nhơn;

- Phương Trên: giữa Sa-môn và tín-chủ.

Kinh kết-thúc bằng lời xin quy-y Tam-Bảo của thanh-niên Thi-ca-la-việt.

147. TRÍCH ĐOẠN: BỐN HẠNG BẠN-BÈ CHƠN-THẬT.

Nầy Gia-chủ-tử, bốn loại bạn nầy phải được xem là bạn chơn-thật:

(1) người bạn giúp đỡ: che-chở cho bạn khi bạn phóng-dật, che-chở cho con cái bạn, là chỗ nương- tựa khi bạn sợ-hãi, khi có công-việc sẽ giúp đỡ của-cải gấp hai lần những gì bạn thiếu;

(2) người bạn chung-thủy: nói cho bạn biết điều bí-mật của mình, giữ kín điều bí-mật của bạn, không bỏ bạn khi bạn gặp khó-khăn, dám hy-sinh thân-mạng vì bạn, chung-thủy trong khổ cũng như trong vui;

(3) người bạn khuyên điều lợi-ích: ngăn-chận bạn làm điều ác, khuyến-khích bạn làm điều thiện, nói cho bạn nghe điều bạn chưa nghe, chỉ cho bạn biết con đường lên chư Thiên;

(4) người bạn thương-tưởng: không hoan-hỷ khi bạn gặp hoạn-nạn, hoan-hỷ khi bạn gặp may-mắn, ngăn-chận những ai nói xấu bạn, khuyến-khích những ai tán-thán bạn.

148. TRÍCH ĐOẠN: PHƯƠNG ĐÔNG, BỔN-PHẬN CỦA CHA-ME, VÀ CỦA CON CÁI.

Nầy Gia-chủ-tử, có năm trường-hợp, người con phải phụng-dưỡng cha mẹ như phương Đông: "Được nuôi dưỡng, tôi sẽ nuôi dưỡng lại cha mẹ; tôi sẽ làm tròn bổn-phận đối với cha mẹ; tôi sẽ giữ-gìn gia- đình và truyền-thống; tôi bảo-vệ tài-sản thừa-tự; tôi sẽ làm tang-lễ khi cha mẹ qua đời." Nầy Gia-chủ- tử, được con phụng-dưỡng như phương Đông, theo năm cách như vậy, cha mẹ có lòng thương tưởng đến con theo năm cách: ngăn chận con làm điều ác, khuyến-khích con làm điều thiện, dạy con nghề- nghiệp, cưới vợ xứng-đáng cho con, đúng thời trao của thừa-tự cho con.

149. TRÍCH ĐOẠN: PHƯƠNG TÂY, BỔN-PHẬN GIỮA VỢ CHỒNG .

Nầy Gia-chủ-tử, có năm cách người chồng phải đối-xử với vợ như phương Tây: kính-trọng vợ, trung- thành với vợ, giao quyền-hành cho vợ, sắm nữ-trang cho vợ. Nầy Gia-chủ-tử, được chồng đối-xử như phương Tây theo năm cách như vậy, người vợ có lòng thương-tưởng chồng theo năm cách: thi-hành tốt đẹp bổn-phận của mình, khéo tiếp đón bà-con, trung-thành với chồng, khéo giữ-gìn tài-sản của chồng, khéo-léo và nhanh-nhẹn làm mọi công-việc... Như vậy, phương Tây được che-chở, được trở thành an-ổn và thoát khỏi sự sợ-hãi ...

150. TRÍCH ĐOẠN: PHƯƠNG DƯỚI, BỔN-PHẬN GIỮA CHỦ TỚ.

Nầy Gia-chủ-tử, có năm cách vị chủ nhơn đối-xử với hạng nô-bộc như phương Dưới: giao việc đúng theo sức của họ, lo cho họ ăn uống và tiền lương, điều-trị cho họ khi bịnh-hoạn, chia-xẻ các mỹ-vị đặc-biệt cho họ, thỉnh-thoảng cho họ nghỉ phép. Nầy Gia-chủ-tử, các hàng nô-bộc được chủ đối-xử như phương Dưới như thế, có bổn-phận: dậy trước khi chủ dậy, đi ngủ sau chủ, tự bằng lòng với các vật đã cho, khéo làm các công việc, đem danh-tiếng tốt đẹp cho chủ ...

151. TRÍCH-ĐOẠN: BÀI KỆ SÁU PHƯƠNG.

Cha mẹ là phương Đông,

Sư-trưởng là phương Nam,

Vợ chồng là phương Tây,

Bạn-bè là phương Bắc,

Nô-bộc là phương Dưới,

Sa-môn, Bà-la-môn

Có nghiã là phương Trên.

Cư-sĩ vì gia-đình,

Đảnh lễ phương-hướng ấy.

Kẻ trí giữ Giới, Luật,

Từ-tốn và biện-tài,

Khiêm-nhường và nhu-thuận,

Nhờ vậy được danh-xưng. (...)

152. HỌC KINH THI-CA-LA-VIỆT, CHÚ-Ý ĐIỂM NÀO?

Kinh Thi-ca-la-việt quan-trọng đối với hàng tu tại-gia, cũng như Kinh Sa-môn Quả đối với hàng xuất- gia. Chỗ quan-trọng và cần-thiết là sự thực-hành theo đúng các lời dạy trong Kinh, cho chu-đáo và đầy-đủ. Sáu phương tượng-trưng cho sáu mối liên-hệ của cá-nhơn sống trong gia-đình và ngoài xã-hội. Mọi người nếu biết chu-toàn các bổn-phận, hạnh-phước sẽ đến cho bổn-thân và tất cả người xung- quanh.

(TN. Mtl, 2006-03-23).

-ooOoo-

32. KINH A-SÁ-NANG-CHI .

153. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ĐỨC PHẬT GIẢNG KINH A-SÁ-NANG-CHI?

Vào một thời kia, đức Phật ngụ tại núi Linh-thứu (Gijjhakùta) gần thành Vương-xá (Ràjagaha), nước Ma-kiệt-đà (Magadha). Lúc bấy giờ, trong đêm tối mịt, có bốn vị Thiên-Vương, với bốn đại-quân đông-đảo đến yết-kiến Thế-Tôn và xin đọc bài A-sá-nang-chi (Atànàtiya) Hộ-Kinh, nhằm giúp chư Tăng-ni tu-tập ở các nơi hẻo-lánh, khỏi bị các quỷ Dạ-xoa khuấy-phá. Đức Phật im-lặng nhận lời. Sau khi đọc xong, bốn vị Thiên-Vương đảnh lễ Thế-Tôn rồi biến mất.

Sáng hôm đó, Đức Phật đọc là bài Hộ-Kinh cho các Tỳ-kheo nghe, và dặn chư Tăng-ni và cư-sĩ hãy học thuộc lòng, để được hộ-trì, chẳng ai làm hại được.

(Bài Hộ-Kinh rất dài, liệt-kê tôn-danh các đức Phật thời quá-khứ, các đại-vương Dạ-xoa, bằng tiếng Pali rất khó nhớ, xin miễn ghi lại đây).

(TN. Mtl, 2006-03-23).

-ooOoo-

33. KINH PHÚNG-TỤNG .

154. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO, KINH PHÚNG-TỤNG ĐƯỢC THUYẾT-GIẢNG?

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại vườn xoài của người thợ rèn Thuần-đà (Cunda), gần thành Pàvà, thuộc bộ-lạc Mallà. Thể theo lời mời của dân Mallà, Ngài đến khai-trương hội-trường mới của họ. Đến tối, Ngài hơi mệt, nên bảo Tôn-giả Xá-lợi-phất thay-thế Ngài giảng kinh cho các Tỳ-kheo nghe. Do đó Kinh nầy được Tôn-giả Xá-lợi-phất (Sariputta) thuyết-giảng, có sự chứng-minh của Thế-Tôn đang nằm nghỉ bên cạnh.

Tôn-giả Xá-lợi-phất nhắc đến sự từ-trần của vị đạo-sư phái loã-thể Ni-kiền-tử đã đưa đến sự tan-rả của giáo-phái nầy, chỉ vì giáo-lý đã được thuyết-giảng vụng-về bởi một

người chưa đắc Chánh-Đẳng-Giác, khiến hàng đệ-tử mất nơi y-chỉ, tranh-cãi nhau, chống-đối nhau. Nhưng đối với chư Tăng-ni, Chánh- Pháp đã được Thế-Tôn khéo giảng-dạy, có hiệu-năng hướng đến đến an-tịnh và giải-thoát. Vì thế, nay Tôn-giả tuyên-thuyết lại tất cả các pháp, xếp thành mười loại, từ loại một pháp cho đến loại mười pháp, với mục-đích để các Tỳ-kheo khéo đọc-tụng lại, cùng nhau tìm hiểu nghiã-lý sâu-xa, chẳng nên cãi-cọ, để phạm-hạnh nầy được trường-tồn dài lâu.

Do đó, Kinh nầy mang tên Kinh Phúng-Tụng, (Kinh để đọc-tụng) được vị đại-đệ-tử bực nhứt của đức Phật thuyết-giảng, dưới sự chứng-minh của Ngài.

155. NỘI-DUNG KINH PHÚNG-TỤNG .

Mặc dầu trong nguyên-bản, Kinh được chia ra làm ba phần, nhưng theo nội-dung toàn bản kinh thì đây chỉ là một bản liệt-kê tất cả các Pháp, sắp xếp lại theo 10 loại, từ loại một pháp đến loại mười pháp.

Sau đây là bản liệt-kê mười loại pháp:

1. Loại một pháp: "Tất cả loài hữu-tình do các món ăn (àhàra) và các hành (samkhàrà) mà an-trú."

2. Loại hai pháp: có tất cả 33 loại, kể ra:

- Danh và Sắc;
- Vô-minh và Hữu-ái;
- Hữu-kiến và Vô-hữu-kiến;
- Vô-tàm và Vô-quý;
- Tàm và Quý;
- Ác-ngôn và Ác-hữu;
- Thiện-ngôn và Thiện-hữu;
- Nhập tội thiện-xảo và Xuất tội thiện-xảo;
- Đẳng-chí thiện-xảo và Xuất-khởi đẳng-chí thiện-xảo;
- Giới thiện-xảo và Tác-ý thiện-xảo;
- Xứ thiện-xảo và Duyên-khởi thiện-xảo;
- Thiện-xảo về Xứ và Thiện-xảo về Phi-xứ;
- Chơn-trực và Tàm-quý;
- Kham-nhẫn và Nhu-hoà;
- Lời nói nhu-thuần và Tiếp-đón thân-tình;
- Vô-hại và Từ-ái;
- Thất-niệm và Bất-chánh-tri;
- Chánh-niệm và Tỉnh-giác;
- Các Căn không được chế-ngự và Ăn-uống không tiết-độ;
- Các Căn được chế-ngự và Ăn-uống có tiết-độ;
- Tư-duy-lực và Tu-tập-lực;
- Niệm-lực và Định-lực;

- Chỉ và Quán;
- Chỉ-tướng và Tinh-cần-tướng;
- Tinh-cần và Không dao-động;
- Giới thành-tựu và Kiến thành-tựu;
- Giới suy-khuyết và Kiến suy-khuyết;
- Giới thanh-tịnh và Kiến thanh-tịnh;
- Kiến thanh-tịnh và Tinh-cần theo tri-kiến ấy;
- Dao-động đối với các pháp bị dao-động và Chánh-tinh-cần của người bị dao-động ấy;
- Không Tri-túc với các thiện-pháp và Không thoái-thất trong Tinh-cần;
- Minh-trí và Giải-thoát;
- Tận tri và Vô-sanh-trí.

3. Loại ba pháp: có tất cả 60 loại, như sau:

- ba Bất-thiện-căn: tham, sân, si; - ba Thiện-căn: vô-tham, vô-sân, vô-si; - ba Ác-hạnh: thân, khẩu, ý ác-hạnh; - ba Thiện-hạnh: thân, khẩu, ý thiện-hạnh; - ba Bất-thiện tầm: dục-tầm, sân-tầm, hại-tầm; - ba Thiện-tầm: ly-dục-tầm, vô-sân-tầm, vô-hại-tầm; - ba Bất-thiện tư-duy: dục tư-duy, sân tư-duy, hại tư-duy; - ba Thiện tư-duy: ly-dục tư-duy, vô-sân tư-duy, vô-hại tư-duy; - ba Bất-thiện tưởng: dục-tưởng, sân-tưởng, hại-tưởng; - ba Thiện-tưởng: ly-dục tưởng, vô-sân tưởng, vô-hại tưởng; - ba Bất-thiện giới: dục-giới, sân-giới, hại-giới; - ba Thiện-giới: ly-dục giới, vô-sân giới, vô-hại giới; - ba Giới khác: dục-giới, sắc-giới, vô-sắc giới; - ba Giới khác: sắc-giới, vô-sắc-giới, diệt-giới; - ba Giới khác: liệt-giới, trung-giới, thắng-giới; - ba ái: dục-ái, hữu-ái, vô-hữu-ái; - ba ái khác: dục-ái, sắc-ái, vô-sắc-ái; - ba ái khác: sắc-ái, vô-sắc-ái, diệt-ái; - ba kết-sử: thân-kiến, nghi, giới-cấm-thủ; - ba lậu: dục-lậu, hữu-lậu, vô-minh-lậu; - ba hữu: dục-hữu, sắc-hữu, vô-sắc-hữu; - ba cầu: dục-cầu, hữu-cầu, phạm-hạnh-cầu; - ba mạn: thắng-mạn. đẳng-mạn, ti-liệt-mạn; - ba thời: quá-khứ, vị-lai, hiện-tại; - ba biên: hữu thân biên, hữu thân tập-biên, hữu thân diệt-biên; - ba thọ: lạc-thọ, khổ-thọ, phi khổ phi lạc thọ; - ba khổ-tánh: khổ-khổ, hành-khổ, hoại-khổ; - ba tụ: tà-định tụ, chánh-định tụ, bất-định tụ; - ba nghi: nghi về tương-lai, quá-khứ, hiện-tại; - ba điều toàn-thiện của Như-Lai không cần ngại kẻ khác chỉ-trích mình: về thân, về miệng, về ý; - ba chướng: tham, sân, si; - ba loại lửa: lửa tham, lửa sân, lửa si; - ba loại lửa khác: lửa hiếu-kính, lửa cúng-dường, lửa người gia-chủ; - ba loại sắc-tụ: hữu-kiến hữu đối sắc, vô-kiến hữu đối sắc, vô kiến vô đối sắc; - ba hành: phước-hành, phi phước-hành, bất-động hành; - ba loại người: hữu-học, vô-học, phi-hữu phi-vô học; - ba trưởng-lão: sanh trưởng-lão, pháp trưởng-lạo, nhập-định trưởng-lão; - ba phước-nghiệp-sự: thi-hành phước-nghiệp-sự, giới-hành phước-nghiệp-sự, tu-hành phước-nghiệp- sự; - ba cử-tội-sự: thấy, nghe, nghi; - ba dục-sanh: loài Người với lòng dục, bực Trời ở Hoá-lạc-Thiên, bực Trời ở Tha-há Tự-tại Thiên; - ba loại lạc-sanh: Phạm-Chúng Thiên, Quang-Âm-thiên, Biến-Tịnh-thiên đều sanh và sống trong sự an-lạc; - ba tuệ: hữu-học-tuệ, vô-học-tuệ, phi hữu phi vô học tuệ; - ba loại tuệ khác: tư sanh tuệ, văn sanh tuệ, tu sanh tuệ; - ba loại binh-khí: nghe, xả-ky, tuệ;

- ba căn: vị tri đương tri căn, dĩ tri căn, cũ tri căn; - ba nhãn: nhục-nhãn, thiên-nhãn, tuệ-nhãn; - ba học: Tăng-thượng giới-học, tăng-thượng tâm-học, tăng-thượng tuệ-học; - ba sự tu-tập: thân-tu, tâm-tu, tuệ-tu; - ba vô-thượng: kiến vô-thượng, hành vô-thượng, giải-thoát vô-thượng; - ba định: định có tầm có tứ, định chẳng tầm có tứ, định chẳng tầm chẳng tứ; - ba định khác: không-định, vô-tướng-định, vô-nguyện-định; - ba thanh-tịnh: thân, ngữ, ý; - ba tịch-mặc: thân, ngữ, ý; - ba thiện-xảo: tăng-ích thiện-xảo, tổn-ích thiện-xảo, phương-tiện thiện-xảo; - ba kiêu: vô-bịnh kiêu, niên-tráng kiêu, hoạt-mạng kiêu; - ba tăng-thượng: ngã tăng-thượng, thế tăng-thượng, pháp tăng-thượng; - ba luận-sự: về quá-khứ, về vị-lai, về hiện-tại; - ba minh: túc-mạng minh, sanh-tử minh, lậu-tận minh; - ba trú: Thiên-trú, Phạm-trú, Thánh-trú; - ba thần-thông: thần-túc thông, tha-tâm-thông, giáo-giới-thông.

4. Loại bốn pháp: có tất cả 50 loại, kể ra:

- bốn Niệm-xứ: quán thân trên thân, quán thọ trên thọ, quán tâm trên tâm, quán pháp trên các pháp; - bốn chánh-cần: bất-thiện-pháp chưa sanh khiến đừng sanh, bất-thiện-pháp đã sanh cần diệt-trừ, thiện-pháp chưa sanh khiến sanh ra, thiện-pháp đã sanh làm cho tăng-trưởng; - bốn thần-túc: dục như-ý-túc, tinh-tấn như-ý-túc, thiền-định như-ý-túc, tư-duy như-ý-túc; - bốn thiền: sơ-thiền, nhị-thiền, tam-thiền , tứ-thiền; - bốn tu-tập thiền-định đưa đến: lạc-trú trong hiện-tại, chứng-đắc tri-kiến, chánh-niệm tỉnh-giác, diệt- tận lậu-hoặc; - bốn vô-lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả; - bốn vô-sắc-định: Không vô-biên xứ, Thức vô-biên-xứ, Vô-sở-hữu-xứ, Phi-tưởng phi phi-tưởng; - bốn y-chỉ sau khi suy-nghĩ: thọ-dụng, nhẫn-thọ, viễn-ly, khiển-trừ; - bốn Thánh-chủng: bằng lòng bất cứ loại y nào, bằng-lòng bất cứ món ăn khất-thực nào, bằng lòng bất cứ phòng-xá nào, ưa-thích tu-tập và khéo-léo tinh-cần tỉnh-giác chánh-niệm; - bốn tinh-cần: chế-ngự tinh-cần (các căn), đoạn-trừ tinh-cần (dục-tầm, sân-tầm hại-tầm), tu-tập tinh- cần (bảy Giác-chi), hộ-trì tinh-cần (định-tưởng tốt-đẹp); - bốn Trí: pháp-trí, loại-trí, tha-tâm trí, thế-tục trí; - bốn loại Trí khác: Khổ-trí, Tập-trí, Diệt-trí, Đạo-trí; - bốn chi Dự-lưu-hướng: gần bực thiện-nhơn, nghe lãnh diệu-pháp, tác-ý như lý, hành tuỳ pháp; - bốn chi Dự-lưu-quả: lòng tin tuyệt-đối đối với Phật, Pháp, Tăng, đối với giới đức chẳng tì-vết được bậc Thánh tán-thán; - bốn quả Sa-môn Dự-lưu, Nhất-lai, Bất-lai, A-la-hán; - bốn giới: địa, thủy, hoả, phong; - bốn thực: đoàn-thực, xúc-thực, tư-niệm-thực, thức-thực; - bốn Thức-trú: Thức lấy sắc, thọ, hành, tưởng làm sở-y và an-trú; - bốn hạnh Bất-hành-xứ: tham-dục, sân, si, bố-uý bất-hành-xứ hạnh; - bốn ái-sanh: ái khởi lên do y-phục, món ăn, phòng-xa, hữu cùng phi-hữu; - bốn hành: hành-trì Khổ mau chứng, chậm chứng, hành-trì Lạc mau chứng; - bốn loại hành khác: bất-kham-nhẫn hành, kham-nhẫn hành, điều-phục hành, tịch-tịnh hành; - bốn pháp-túc: vô-tham, vô-sân, chánh-niệm, chánh-định pháp-túc; - bốn pháp-thọ: có pháp-thọ hiện-tại khổ và vị-lai khổ, hiện-tại khổ và vị-lai lạc, hiện-tại lạc và vị-lai khổ, hiện-tại lạc và vị-lai lạc; - bốn pháp-uẩn: giới-uẩn, định-uẩn, công-đức-uẩn, giải-thoát-uẩn; - bốn lực: tinh-tấn-lực, niệm-lực, định-lực, tuệ-lực; - bốn thắng-xứ (nguyện): tuệ thắng-xứ, đế thắng-xứ, xả thắng-xứ, chỉ-tức thắng-xứ; - bốn cách đáp: dứt-khoát, phân-tách, cật-vấn, lờ bỏ qua; - bốn nghiệp: hắc-nghiệp hắc-báo, bạch-nghiệp bạch-báo, hắc-bạch-nghiệp hắc-bạch-báo, phi-hắc phi- bạch nghiệp

phi-hắc phi-bạch báo;

- bốn pháp cần chứng-ngộ: túc-mạng chứng-ngộ bởi niệm, sanh-tử chứng ngộ bởi nhãn, tám giải-thoát chứng-ngộ bởi thân, lậu-tận chứng-ngộ bởi tuệ; - bốn bộc-lưu: dục bộc-lưu, hữu bộc-lưu, kiến bộc-lưu, vô-minh bộc-lưu; - bốn ách: dục ách, hữu-ách, kiến-ách, vô-minh-ách; - bốn ly ách: ly-dục ách, ly-hữu ách, ly-kiến ách, ly-vô-minh ách; - bốn hệ-phược: tham thân hệ, sân thân hệ, giới cấm thủ thân hệ, thử thực chấp thân hệ; - bốn thủ: dục-thủ, kiến-thủ, giới-cấm-thủ, ngã-thuyết-thủ; - bốn sanh: noãn-sanh, thai-sanh, thấp-sanh, hoá-sanh; - bốn nhập-thai: không tỉnh-giác khi nhập khi trú khi xuất thai mẹ, tỉnh-giác khi nhập thai nhưng chẳng tỉnh-giác khi trú và xuất thai, iỉnh-giác khi nhập và trú nhưng chẳng tỉnh-giác khi xuất thai, tỉnh- giác cả khi nhập khi trú và khi xuất thai mẹ; - bốn phương-cách có được tự-thể mới: có tự-thể do ý-chí của mình, do ý-chí của người khác, vừa do ý-chí của mình và của người khác, không do ý-chí mình cũng không do ý-chí kẻ khác; - bốn sự cúng-dường thanh-tịnh: kẻ cúng-dường thanh-tịnh và người nhận không thanh-tịnh, kẻ cúng- dường không thanh-tịnh và người nhận thanh-tịnh, kẻ cúng-dường và người nhận đều không thanh-tịnh, kẻ cúng-dường và người nhận đều thanh-tịnh; - bốn nhiếp-pháp: bố-thí, ái-ngữ, lợi-hành, đồng-sự; - bốn phi-Thánh ngôn: vọng-ngữ, lưỡngf-thiệt, ác-khẩu, ỷ-ngữ; - bốn Thánh-ngôn: ly vọng-ngữ, lý lưỡng-thiệt, ly ác-khẩu, ly ỷ-ngữ; - bốn phi-Thánh-ngôn khác: không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, không nghĩ nói nghĩ, không biết nói biết; - bốn Thánh-ngôn khác: không thấy nói không thấy, không nghe nói không nghe, không nghĩ nói không nghĩ, không biết nói không biết; - bốn phi-Thánh-ngôn khác: Thấy nói không thấy, nghe nói không nghe, nghĩ nói không nghĩ, biệt nói không biết; - bốn Thánh-ngôn khác: thấy nói thấy, nghe nói nghe, nghĩ nói nghĩ, biết nói biết; - bốn loại Người: loại siêng làm khổ mình, siêng làm khổ kẻ khác, siêng làm khổ mình và kẻ khác, chẳng siêng làm khổ mình và kẻ khác; - bốn loại Người khác: hạng người làm vì tự-lợi mà không vì lợi-tha, làm vì lợi-tha mà không tự-lợi, làm không vì tự-lợi cũng không vì lợi-tha, làm vì tự-lợi và cả vì lợi-tha; - bốn loại Người khác: sống trong bóng tối và hướng đến bóng tối, sống trong bóng tối và hướng đến ánh-sáng, sống trong ánh-sáng và hướng đến bóng tối, sống trong ánh-sáng và hướng đến ánh-sáng; - bốn loại Người khác: bất-động Sa-môn, xích liên-hoa Sa-môn, bạch liên-hoa Sa-môn, diệu-thiện liên- hoa Sa-môn.

5. Loại năm pháp: có tất cả 26 loại, như sau:

- năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành và thức; - năm thủ-uẩn: sắc-thủ uẩn, thọ-thủ uẩn, tưởng-thủ uẩn, hành-thủ uẩn và thức-thủ uẩn; - năm dục công-đức: khởi lòng dục vì do mắt thấy sắc, vì do tai nghe tiếng, vì do mũi ngửi mùi, vì do lưỡi nếm vị, vì do thân xúc chạm; - năm thú (năm nẻo tái-sanh): địa-ngục, bàng-sanh, ngạ-quỷ, Người, Trời; - năm xan-tham: xan-tham đối với trú-xứ, với gia-đình, với các vật thu-hoạch, với sắc, với pháp; - năm triền-cái: tham, sân, hôn-trầm thụy-miên, trạo-cử hối-quá, và nghi; - năm hạ-phần kết-sử: thân-kiến, nghi, giới-cấm-thủ, tham, sân; - năm thượng-phần kết-sử: sắc-tham, vô-sắc-tham, mạn, trạo-cử, vô-minh; - năm học-xứ: không sát-sanh, không trộm-cắp, không tà-dâm, không vọng-ngôn, không uống rượu; - năm bất-năng-xứ: vị

Tỳ-khêo đã diệt-tận các lậu-hoặc không thể sát-sanh, không thể trộm-cắp, không thể cố-ý hành-dâm, không thể nói dối, không thể cất-chứa vật-dụng dùng vào thú-vui dục-lạc như hồi còn là cư-sĩ; - năm sự tổn-thất về: thân-thuộc, tài-sản, tật-bịnh, giới, kiến tổn-thất; - năm sự thành-tựu: thân-thuộc, tài-sản, vô-bịnh, giới và kiến thành-tựu (chỉ khi giới và kiến thành-tựu mới sanh lên cõi trời, còn ba thành-tựu trước chưa đủ được để sanh Thiên); - năm điều nguy-hiểm khi phạm-giới: vì phạm-giới nên phóng-dật làm tài-sản bị bị thiệt-hại, tiếng xấu đồn khắp, lo-sợ khi vào hội-chúng, khi chết tâm mê-loạn, tái-sanh vào các đường ác;

- năm điều lợi-ích khi giữ vẹn giới: tài-sản sung-túc, tiếng tốt đồn xa, chẳng sợ-hãi khi vào hội-chúng, khi chết tâm-thần chẳng dao-động, sanh vào thiện-giới; - năm pháp nội-tâm cần có, khi chỉ-trích kẻ khác: nói đúng thời, đúng sự-thật, lời từ-tốn, lời lợi-ích, có lòng Từ; - năm cần-chỉ: tin-tưởng sự giác-ngộ của Như-Lai, thiểu bịnh thiểu não, không dối-gạt, từ bỏ ác-pháp, thành-tựu trí-tuệ; - năm tịnh-cư: Vô-phiền thiên, Vô-nhiệt thiên, Thiện-hiện thiên, Thiện-kiến thiên, Sắc-cứu-cánh thiên; - năm bất-hoàn: Trung-gian Bát-Niết-bàn, Sanh Bát-Niết-bàn, Vô-hành Bát-Niết-bàn, Hữu-hành Bát-Niết-bàn, Thượng-lưu thú A-ca-ni-sá; - năm tâm hoang-vu: tâm vị Tỳ-kheo không hướng đến tinh-tấn vì do-dự và nghi-ngờ về bực Đạo-sư, về Pháp, về Tăng, về học-pháp, về các vị đồng-tu; - năm tâm triền-phược: tâm còn ô-nhiễm đầy dục-vọng, chẳng hướng đến nỗ-lực tinh-tấn vì tham-ái về thân, về sắc, về ăn-uống, về ngủ-nghỉ, về mong-cầu được sanh lên cõi Trời; - năm căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân; - năm căn khác: lạc-căn, khổ-căn, hỷ-căn, trú-căn, xả-căn; - năm căn khác: tín-căn, tấn-căn, niệm-căn, định-căn, tuệ-căn; - năm xuất-ly giới: tâm giải-thoát đối với các dục-vọng, đối với sân, đối với hại-tâm, đối với sắc, đối với tự-thân; - năm giải-thoát-xứ: tâm hoan-hỷ nhập-định vì được nghe và hiểu pháp thuyết-giảng, vì giảng pháp rộng-rãi lại cho bạn đồng-tu, vì đọc-tụng pháp một cách rõ-ràng, vì suy-tư quán-sát về pháp, vì nắm giữ được một định-tướng đối với pháp; - năm giải-thoát thành-thục-tưởng: Vô-thường tưởng, Khổ-tưởng trong vô-thường, Vô-ngã tưởng trong khổ, Đoạn-trừ tưởng, Vô-tham tưởng.

6. Loại sáu pháp: có tất cả 22 loại nầy, kể ra:

- sáu nội-xứ: nhãn-xứ, nhĩ-xứ, tị-xứ, thiệt-xứ, thân-xứ và ý-xứ; - sáu ngoại-xứ: sắc-xứ, thanh-xứ, hương-xứ, vị-xứ, xúc-xứ và pháp-xứ; - sáu thức: nhãn-thức, nhĩ-thức, tị-thức, thiệt-thức, thân-thức và ý-thức; - sáu xúc: nhãn-xúc, nhĩ-xúc, tị-xúc, thiệt-xúc, thân-xúc và ý-xúc; - sáu thọ-thân: cảm-thọ từ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý; - sáu tưởng-thân: sắc-tưởng, thanh-tưởng, hương-tưởng, vị-tưởng, xúc-tưởng và pháp-tưởng; - sáu tư-thân: sắc-tư, thanh-tư, hương-tư, vị-tư, xúc-tư và pháp-tư; - sáu ái-thân: sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái và pháp-ái; - sáu bất-kính pháp: sống không tùy-thuận cung-kính với bậc Đạo-sư, với Pháp, với Tăng, với học- pháp, phóng-dật, vô-lễ và thiếu xã-giao; - sáu kính-pháp: sống tùy-thuận cung-kính bậc Đạo-sư, Pháp, Tăng, học-pháp, bất-phóng-dật, lễ-phép và xã-giao; - sáu suy-tư về hỷ: suy-tư lúc hỷ khởi lên khi mắt thấy sắc, khi tai nghe tiếng, khi mũi ngửi mùi, khi lưỡi nếm vị, khi thân xúc chạm, khi ý nhận pháp; - sáu suy-tư về ưu: suy-tư lúc ưu khởi lên khi mắt thấy sắc, khi tai nghe tiếng, khi mũi ngửi mùi, khi lưỡi nếm vị, khi thân xúc chạm, khi ý nhận-thức pháp; -

sáu suy-tư về xả: suy-tư khi xả khởi lên lúc mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhận-thức pháp; - sáu hoà-kính pháp: giữ thân-nghiệp, khẩu-nghiệp, ý-nghiệp hoà-kính, chia vật cúng dường đồng-đều, giữ giới-hạnh, giữ Chánh-kiến; - sáu tránh-căn: tránh các cơ-hội khởi lên tranh-cãi với nhau vì uất-hận, vì che dấu, vì tật-đố, vì ác- dục, vì tà-kiến, vì chấp-trước; - sáu giới: địa-giới, thủy-giới, hoả-giới, phong-giới, không-giới, thức-giới; - sáu xuất-ly giới: từ-tâm giải-thoát được sân-tâm, bi-tâm giải-thoát được hại-tâm, hỷ-tâm giải-thoát được bất-lạc-tâm, xả-tâm giải-thoát được tham-tâm, vô-tướng-tâm giải-thoát được tâm chạy theo các tướng, khước-từ ngạo-mạn giải-thoát được do-dự và nghi-ngờ; - sáu vô-thượng: kiến vô-thượng, văn vô-thượng, lợi-đắc vô-thượng, học-giới vô-thượng, hành vô- thượng, ức-niệm vô-thượng; - sáu hằng-trú: tâm chẳng hỷ cũng chẳng ưu lại an-trú nơi xả khi mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi

mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhận-thức pháp; - sáu sanh-loại: các loại người hắc-sanh và sống tạo hắc-pháp, hắc-sanh và sống tạo bạch-pháp, hắc- sanh và sống tạo Niết-bàn phi hắc phi bạch pháp, bạch-sanh và sống tạo bạch-pháp, bạch-sanh và sống tạo hắc-pháp, bạch-sanh và sống tạo Niết-bàn phi hắc phi bạch pháp; - sáu quyết trạch phần tưởng: Vô-thường tưởng, Khổ-tưởng trên vô-thường, Vô-ngã tưởng trên khổ, Đoạn-tưởng, Vô-tham tưởng, Diệt-tưởng.

7. Loại bảy pháp: có 14 loại pháp nầy như sau:

- bảy tài-sản: tín-tài, giới-tài, tàm-tài, quý-tài, văn-tài, thí-tài, tuệ-tài; - bảy giác-chi: niệm, trạch-pháp, tinh-tấn, hỷ, khinh-an, định, xả; - bảy định-cụ: chánh tri-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm; - bảy phi diệu-pháp: bất-tín, vô-tàm, vô-quý, thiểu-văn, giải-đải, thất-niệm, liệt-huệ; - bảy diệu-pháp: tín, tám, quý, đa-văn, tinh-tấn, niệm, tuệ; - bảy thượng-nhân pháp: tri-pháp, tri-nghiã, tự-tri, tri-lượng, tri-thời, tri-chúng, tri-nhơn; - bảy thù-diệu-sự: tha-thiết hành-trì học-pháp, quán-pháp, điều-phục dục-vọng, sống an-tịnh, sống tinh-tấn, quán-sát tự-niệm, tha-thiết với kiến-giải; - bảy tưởng: Vô-thường tưởng, Vô-ngã tưởng, Bất-tịnh tưởng, Hoạn-nạn tưởng, Đoạn-tưởng, Ly-tham tưởng, Diệt-tưởng; - bảy lực: tín-lực, tinh-tấn-lực, tàm-lực, quý-lực, niệm-lực, định-lực, tuệ-lực; - bảy thức-trú: loài hữu-tình có thân sai-biệt và tưởng sai-biệt như loài Người và một số chư Thiên, có thân sai-biệt và tưởng đồng-loại như chư Phạm-chúng Thiên, có thân đồng-loại và tưởng sai-biệt như chư Quang-âm Thiên, có thân đồng-loại và tưởng đồng-loại như chư Biến-tịnh Thiên, loài hữu-tình vượt khỏi mọi sắc-tưởng chứng Không vô-biên-xứ, chứng Thức vô-biên-xứ, chứng Vô-sở-hữu-xứ; - bảy loại người khả-kính: câu-phần giải-thoát, tuệ giải-thoát, Thân-chứng, Kiến-chí, Tín giải-thoát, Tùy-pháp-hành, Tùy-tín-hành; - bảy tùy-miên: dục-ái tùy-miên, sân tùy-miên, nghi tùy-miên, mạn tùy-miên, hữu-tham tùy-miên, vô- minh tùy-miên; - bảy kết-sử: ái kết-sử, sân kết-sử, kiến kết-sử, nghi kết-sử, mạn kết-sử, hữu-tham kết-sử, vô-minh kết- sử; - bảy diệt-tránh pháp: có khả-năng trừ-diệt các tránh-pháp: ưng dữ hiện tiền tỳ ni, ưng dữ ức niệm tỳ ni, ưng dữ bất si tỳ ni, ưng dữ tự ngôn trị, đa mích tội tướng, đa nhơn mích tội, như thảo phú địa.

8. Loại tám pháp: có tất cả 11 loại, liệt-kê ra:

- tám Tà: tà tri-kiến, tà tư-duy, tà-ngữ, tà-nghiệp, tà-mạng, tà tinh-tấn, tà-niệm, tà-định; - tám Chánh: chánh tri-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh- niệm, chánh-định; - tám bực khả-kính: Dự-lưu-hướng, Dự-lưu-quả, Nhất-lai-hướng, Nhất-lai-quả, Bất-lai-hướng, Bất-lai- quả, A-la-hán-hướng, A-la-hán-đạo; - tám giải-đải-sự: việc phải làm chẳng làm lại nằm xuống, việc đang làm chẳng làm tiếp lại nằm xuống, phải đi khất-thực chẳng đi lại nằm, đang đi khất-thực chẳng đi tiếp lại nằm nghỉ, bị bịnh nhẹ cũng muốn nằm nghỉ, vừa hết bịnh vẫn cứ nằm nghỉ; - tám tinh-tấn-sự: có việc phải làm làm ngay, có việc đã làm nên cố-gắng thêm, có con đường phải đi cứ cố gắng đi, đường đã đi qua còn cố-gắng thêm nữa, khi khất-thực chẳng nhận được thức ăn vẫn cố gắng, khi khất-thực có nhận được thức ăn cũng cố-gắng mãi, bị bịnh nhẹ cũng cố gắng làm, vừa hết bịnh lại vẫn cố gắng làm; - tám bố-thí sự: tôi bố-thí vì có người đến, vì có người cho tôi, vì có người sẽ cho tôi, vì bố-thí là việc tốt lành, vì có người chẳng có nấu-nướng, vì tiếng tốt đồn xa, vì muốn tâm tôi trang-nghiêm; - tám thí-sanh: bố-thí vì mong được sanh vào hàng Sa-môn hay Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, chư Thiên các cõi Trời Tứ-Đại Thiên-Vương, Tam-Thập-Tam, Dạ-ma, Đâu-suất, Tha-Hoá Tự-tại, Phạm-Chúng Thiên; - tám chúng: Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Gia-chủ, Sa-môn, Tứ-Đại Thiên-vương, Tam-thập-tam Thiên, Thiên-Ma, Phạm-Thiên;

- tám thế-pháp: đắc, bất-đắc, danh-văn, ác-văn, phỉ-báng, tán-thán, lạc và khổ; - tám thắng-xứ: quán-tưởng nội-sắc và thấy ngoại-sắc có hạn-lượng đẹp xấu, quán-tưởng nội-sắc thấy ngoại-sắc vô hạn-lượng đẹp xấu, quán-tưởng vô-sắc ở nợi-tâm thấy ngoại-sắc có hạn-lượng đẹp xấu, quán-tưởng vô-sắc ở nội-tâm thấy các ngoại-sắc vô hạn-lượng đẹp xấu, quán-tưởng vô-sắc ở nội-tâm thấy các ngoại sắc màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng; - tám giải-thoát: tự mình có sắc và thấy các sắc, quán nội-sắc là vô-sắc và thấy các ngoại-sắc, quán sắc là tịnh và chú-tâm trên tưởng đó, vượt khỏi sắc-tưởng và chứng Hư-không vô-biên-xứ, vượt Hư-không và chứng Thức vô-biên-xứ, vượt Thức vô-biên và chứng Vô-sở-hữu-xứ, vượt Vô-sở-hữu và chứng Phi-tưởng phi phi-tưởng xứ.

9. Loại chín pháp: có tất cả 6 loại như sau:

- chín xung-đột sự: xung-đột khởi lên khi kẻ ấy đang làm hại tôi, đã làm hại tôi, sẽ làm hại tôi, đang làm hại, đã làm hại, sẽ làm hại người thân vủa tôi, đang làm lợi, đã làm lợi, sẽ làm lợi cho kẻ thù của tôi; - chín sự điều-phục xung-đột: ích-lợi gì đâu mà cứ nhớ nghĩ kẻ ấy đã làm hại tôi, đang làm hại tôi, sẽ làm hại tôi, đã làm hại, đang làm hại, sẽ làm hại người thân của tôi, đã làm lợi, đang làm lợi, sẽ làm lợi cho kẻ thù của tôi; - chín chỗ an-trú của loài hữu-tình: các đoạ-xứ, Phạm-chúng Thiên, Quang-âm Thiên, Tịnh-cư Thiên, Không vô-biên-xứ, Thức vô-biên-xứ, Vô-sở-hữu-xứ, Phi-tưởng phi phi-tưởng-xứ; - chín bất thời bất tiết Phạm-hạnh trú: khi Phật ra đời có kẻ chẳng được nghe Phật-pháp, vì sanh ở địa- ngục, bàng-sanh, ngạ-quỷ, a-tu-la, chư Thiên, vùng biên-địa, vướng tà-kiến, các căn chẳng đầy-đủ; - chín thứ-đệ trú: sơ-thiền, nhị-thiền, tam-thiền, tứ-thiền không vô-biên-định, Thức vô-biên-định, Vô- sở-hữũ-định, Phi-tưởng phi

phi-tưởng-định, Diệt thọ-tưởng-định; - chín thứ-đệ diệt: ở Sơ-thiền dục-tưởng bị diệt, ở Nhị-thiền tầm-tứ bị diệt, ở Tam-thiền hỷ bị diệt, ở Tứ-thiền hơi thở ra vào bị diệt, ở Không vô-biên-xứ sắc-tưởng bị diệt, ở Thức vô-biên xứ không-tưởng bị diệt, ở Vô-sở-hữu-xứ Thức-tưởng bị diệt, ở Phi-tưởng phi phi-tưởng xứ, Vô-sở-hữu tưởng bị diệt, ở Diệt-thọ-tưởng định cảm-thọ và tư-tưởng đều bị diệt.

10. Loại mười pháp: có tất cả 6 loại, kể ra:

- Mười pháp hộ-trì nhân: sống chế-ngự trong Giới-bổn (Patimokkha), đa-văn nghe nhiều Pháp thành- tựu nhờ chánh-kiến, thân-cận với thiện-hữu, lời nói nhu-hoà kham-nhẫn nhận sự chỉ-trích, khéo nhận trách-nhiệm phải làm với bạn đồng-tu, rất hoan-hỷ đối với thắng-pháp và thắng-luật, bằng lòng với vật-dụng nhận được, sống tinh-tấn chẳng phế-bỏ các thiện-pháp, có chánh-niệm và tỉnh-giác nhớ rõ lời đã nói cùng việc đã làm từ lâu, có huệ-trí và chơn-chánh diệt-trừ mội đau-khổ; - mười biến-xứ: các biến-xứ đất, nước, gió, lửa, xanh, vàng, đỏ, trắng, hư-không, thức khi biến-đổi trên dưới, ngang, bất-nhị, vô-hượng; - mười nghiệp-đạo bất-thiện: sát-sanh, trộm-cắp, tà-dâm, vọng-ngữ, lưỡng-thiệt, ác-khẩu, ỷ-ngữ, tham, sân và tà-kiến; - mười nghiệp-đạo thiện: chẳng sát-sanh, chẳng trộm-cắp, chẳng tà-dâm, chẳng vọng-ngữ, chẳng lưỡng-thiệt, chẳng ác-khẩu, chẳng ỷ-ngữ, ly-tham, ly-sân, ly-si; - mười Thánh-cư: Tỳ-kheo đoạn-trừ năm triền-cái, chế-ngự sáu căn, hộ-trì niệm, thực-hiện bốn y (bằng cách suy-tư, nhẫn-thọ, đoạn-trừ, tránh xa một ác-pháp), loại bỏ các giáo-điều, đoạn-tận các mong-cầu, tâm-tư không trệ-phược, thân-tâm được khinh-an, tâm khéo giải-thoát, và tuệ khéo giải- thoát; - mười pháp vô-học: Vô-học chánh-tri-kiến, vô-học chánh-tư-duy, vô-học chánh-ngữ, vô-học chánh- nghiệp, vô-học chánh-mạng, vô-học chánh tinh-tấn, vô-học chánh-niệm, vô-học chánh-định, vô-học chánh-trí, và vô-học chánh giải-thoát.

Trước khi kết-thúc, Tôn-giả Xá-lợi-phất nhắc-nhở các Tỳ-kheo: "Các pháp nầy được Thế-Tộn giảng- dạy chơn-chánh, qúi-vị đã biết, đã thấy; mọi người phải cùng nhau tụng-đọc, không có tranh-luận, để phạm-hạnh nầy được trường-tồn, vì hạnh-phúc cho chư Thiên và loài Người." Bấy giờ, Thế-Tôn ngồi dậy, khen-ngợi Tôn-giả đã khéo giảng Kinh nầy.

156. ĐỌC KINH PHÚNG-TỤNG, CHÚ-Ý ĐIỂM NÀO?

1. Nội-dung Kinh Phúng-Tụng là một bản tổng-kê các bài pháp quan-trọng đã được đức Phật thuyết- giảng cho các đệ-tử nghe và tu-tập. Tên bản Kinh nầy là Phúng-tụng, nghiã là để đọc-tụng, chớ chẳng phải để tranh-cãi nhau, như trong trường-hợp của giáo-phái loã-thể bị tan-rả sau khi vị sự-trưởng ngoại-đạo từ-trần.

2. Bản tổng-kê còn chưa thâu-tóm được hết tất cả các pháp-tu mà đức Phật đã diễn-giảng trong suốt hơn bốn mươi năm; ta thường nghe nói có đến tám vạn bốn ngàn pháp-môn ! Nhưng người học Kinh chớ ngại, học kỹ và thực-hành đúng bất cứ bản Kinh-Phật nào, cũng đem lại lợi-lạc thiết-thực cho đường-tu của mình. Tưởng cũng nên dùng bản tổng-kê nầy để tra-cứu lại các pháp-môn mình đang học-tập.

(TN. Mtl, 2006-93-25).

-ooOoo-

34. KINH THẬP THƯỢNG .

157. TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO, BẢN KINH THẬP THƯỢNG ĐƯỢC GIẢNG?

Vào một thời kia, đức Phật trú bên bờ hồ Già-già (Gaggara), gần thành Chiêm-bà (Campa), cùng với các vị Tỳ-kheo. Bấy giờ, vào buổi tối, Thế-Tôn mời Tôn-giả Xá-lợi-phất (Sariputta) thay-thế Ngài giảng pháp cho các vị Tỳ-kheo đang ngồi ngoài trời, chờ nghe kinh. Do đó, bản Kinh nầy được vị đại- đệ-tử bực nhứt của đức Phật thuyết-giảng.

Cũng giống như Kinh Phúng-Tụng, Kinh Thập Thượng liệt-kê một trăm pháp-tu đã được Thế-Tôn giảng-dạy từ trước, nay Tôn-giả Xá-lợi-phất sắp-xếp lại theo thứ-tự từ một pháp cho đến mười pháp.

158. NỘI-DUNG KINH THẬP THƯỢNG.

A.- Ý Chánh: Mười điểm quan-trọng (Thập Thượng) cần lưu-ý khi học-tập một bản Kinh-Phật: phải biết pháp-tu: (1) có nhiều tác-dụng, (2) cần phải tu-tập, (3) cần phải biến-tri, (4) cần được đoạn-trừ, (5) cần biết chỗ nguy-hại, (6) đưa đến sự thù-thắng, (7) khó thể-nhập, (8) cần được sanh-khởi, (9) cần được thắng-tri, (10) cần được tác-chứng.

B.- Phân đoạn: Vì Kinh nầy là bản liệt-kê các pháp-tu nên rất khó cho việc phân ra thành từng đoạn như trong một dàn-bài. Xin dựa theo mười điểm quan-trọng vừa nêu trên để sắp-xếp lại nội-dung Kinh, nhưng vẫn giữ thứ-tự từ một pháp đến mười pháp.

1. Pháp-tu có nhiều tác-dụng: (1) Bất phóng-dật; (2) Chánh-niệm và tỉnh-giác; (3) giao-thiệp với thiện-nhơn, nghe diệu-pháp, hành-trì pháp; (4) bốn bánh xe: cư-trú nơi đô-thị, gần bực thắng-nhơn, chánh-nguyện tự-thân, tạo phước trong quá-khứ; (5) năm cần-chi: tin-tưởng nơi đức-độ của Như-Lai (xem Kinh Phúng-Tụng), (6) sáu hoà-kính pháp (xem Kinh Phúng-Tụng); (7) bảy tài-sản; (8) tám nhân-duyên (ở gần bực Đạo-sư, có dịp thưa hỏi, nghe pháp thân-tâm được an-tịnh, giữ-gìn giới-bổn, đa-văn biết ghi nhớ nhiều, kiên-trì với thiện-pháp, có chánh-niệm, quán-sát sự sanh-diệt của năm thủ-uẩn); (9) chín pháp tư-duy về căn-pháp (từ tư-duy sanh ra hân-hoan-> hỷ -> tâm hoan-hỷ -> thân khinh-an -> lạc-thọ -> tâm định-tỉnh -> biết sự-việc như-thật -> yếm-ly -> ly-dục đưa đến giải-thoát); (10) mười pháp hộ-trì nhân (xem Kinh Phúng-Tụng).

2. Pháp-tu cần được tu-tập: (1) niệm thân; (2) Chỉ và Quán; (3) Ba định (có tầm có tứ, không tầm có tứ, chẳng còn tầm và tứ); (4) Bốn Niệm-xứ; (5) Năm chi của chánh-định (hỷ biến-mãn, lạc biến-mãn, tâm biến-mãn, quang biến-mãn, quán-sát tướng); (6) sáu Tùy-niệm-xứ (niệm Phật, Pháp, Tăng, Giới, Thí, Thiên); (7) Bảy Giác-chi; (8) Bát-Chánh-Đạo; (9) Chín chi thanh-tịnh (giới, tâm, kiến, đoạn nghi,

đạo phi-đạo tri-kiến, hành-trì tri-kiến, tri-kiến, tuệ, giải-thoát); (10) Mười biến-xứ (xem Kinh Phúng- Tụng).

3. Pháp-tu cần phải biến-tri: (1)xúc hữu-lậu hữu-thủ; (2) Danh và Sắc; (3) Ba loại cảm-thọ; (4) Bốn thực (đoàn-thực, xúc-thực, tư-niệm-thực, thức-thực); (5) năm thủ-uẩn;

(6) Sáu nội-xứ; (7) Bảy thức-trí (xem Kinh Phúng-Tụng); (8) Tám thế-pháp (x. Kinh Phúng-Tụng); (9) Chín hữu-tình-trú (Kinh Phúng-Tụng); (10) Mười xứ: nhãn, sắc, nhĩ, thanh, tỵ, hương, thiệt, vị, thân, xúc).

4. Pháp cần được đoạn-trừ: (1) Ngã-mạn; (2) Vô-minh và hữu-ái; (3) Ba ái (dục-ái, hữu-ái và phi- hữu-ái); (4) bốn bộc-lưu (dục, hữu, kiến, vô-minh); (5) Năm triền-cái; (6) Sáu ái (sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp); (7) bảy tùy-miên (xem Kinh Phúng-Tụng); (8) Tám Tà; (9) Chín ái-căn pháp (từ ái sanh ra tầm-cầu-> đắc lợi -> phân-biệt -> tham-dục -> thủ-trước -> chấp-trì ->xan-tham -> hộ-trì, đưa đến các ác-pháp); (10) Mười tà-pháp (tám tà, thêm: tà-trí và tà giải-thoát).

5. Pháp đưa tới sự tai-hại: (1) Bất-chánh tác-ý; (2) Ác-ngôn và ác-hữu; (3) Ba bất-thiện-căn (tham, sân, si); (4) bốn ách (dục-ách, hữu-ách, kiến-ách, vô-minh-ách); (5) năm Tâm hoang-vu (xem Kinh Phúng-Tụng); (6) sáu bất-cung-kính pháp (không cung-kính đối với Phật, Pháp, Tăng, học-pháp, bất- phóng-dật, tiếp-đón chẳng niềm-nỡ); (7) bảy phi-diệu-pháp (bất-tín, vô-tàm, vô-quý, thiểu-văn, giải- đãi, thất-niệm, ác-huệ); (8) Tám sự giải-đãi (xem Kinh Phúng-Tụng); (9) chín hại-tâm (xem Kinh Phúng-Tụng); (10) Mười nghiệp-đạo bất-thiện (xem Kinh Phúng-Tụng).

6. Pháp-tu hướng đến sự thù-thắng: (1) Tác-ý chơn-chánh; (2) Thiện-ngôn và thiện-hữu; (3) Ba thiện-căn (vô-tham, vô-sân, vô-si); (4) bốn ly-ách (ly-dục ách, ly-hữu ách, ly-kiến-ách, ly vô-minh ách);(5) Năm căn: tín-căn, tấn-căn, niệm-căn, định-căn, tuệ-căn); (6) Sáu cung-kính-pháp (đối với Phật, Pháp, Tăng, học-pháp, bất-phóng-dật, tiếp-đón niềm-nỡ); (7) bảy diệu-pháp (tín, tàm, quý, đa- văn, tinh-cần, niệm hiện-tiền, tuệ); (8) Tám sự tinh-tấn (xem Kinh Phúng-Tụng); (9) chín sự điều-phục hại-tâm (xem Kinh Phúng-Tụng); (10) Mười nghiệp-đạo bất-thiện (xem Kinh Phúng-Tụng).

7. Pháp-tu rất khó thể-nhập: (1) Vô-gián định-tâm; (2) Nhân và duyên làm ác-nhiễm loài hữu-tình, nhân và duyên làm thanh-tịnh loài hữu-tình; (3) Ba xuất-yếu-giới (ly-dục [xuất-ly khỏi các dục-vọng], vô-sắc [xuất-ly khỏi sắc-pháp], diệt [xuất-ly khỏi các pháp hữu-vi]); (4) bốn định (xả-phần định, chỉ- phần định, thắng-phần định, quyết-trạch-phần định); (5) Năm giới hướng đến giải-thoát (Kinh Ph.- Tụng); (6) Sáu xuất-ly-giới (Kinh Ph-Tụng); (7) bảy thượng-nhân pháp (tri pháp, tri nghiã, tri ngã, tri lượng, tri thời, tri chúng và tri nhân); (8) tám bất thời bất tiết, Phạm-hạnh trú (Kinh Phúng-Tụng, trừ sanh thân A-tu-la ra, còn tám); (9) Chín loại sai-biệt (do duyên giới sai-biệt, xúc sai-biệt sanh, do xúc - > thọ -> tưởng -> tư-duy -> dục -> nhiệt-tình -> tầm-cầu -> đắc-lợi sanh ra); (10) Mười Thánh-cư (Kinh Ph.-Tụng).

8. Pháp-tu cần được sanh-khởi: (1) Bất-động-trí; (2) Tận-trí và vô-sanh-trí; (3)Ba Trí (Trí đối với quá-khứ, hiện-tại, vị-lai); (4) Bốn Trí (pháp-trí, loại-trí, tha-tâm-trí, thế-tục-trí); (5) Năm chánh-định-trí (trong cơn định tự khởi lên trí biết: đời nầy đời sau được an-lạc, định nầy thuộc bực Thánh xuất-thế, định nầy thuộc hàng Hiền-thiện, định nầy thanh-lương hướng đến nhứt-tâm và an-tịnh, với chánh-niệm tôi nhập và xuất định nầy); (6) Sáu hằng-trú-pháp (an-trú xả-niệm khi mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vi, thân xúc chạm, ý nhận-thức pháp); (7) Bảy tưởng (vô-thường tưởng,

vô-ngã tưởng, bất-tịnh tưởng, quá-hoạn tưởng, đoạn- trừ tưởng, ly-tham tưởng, diệt-tưởng); (8) Tám đại-nhân tầm (pháp nầy dành cho người thiểu-dục, tri-túc, độc-cư, năng tinh-tấn, giữ niệm hiện-tiền, có định- tâm, có trí-tuệ, chẳng ưa lý-luận); (9) Chín tưởng (bất-tịnh tưởng, tử-tưởng, thực-yểm ly tưởng, nhứt- thiết thế-gian bất-lạc tưởng, vô-thường tưởng, khổ-tâm tưởng trên vô-thường, vô-ngã tưởng trên ngã, đoạn-trừ tưởng, vô-tham tưởng); (10) Mười tưởng (như chín tưởng trên, thêm vô-ngã tưởng trên vô- thường).

9. Pháp-tu cần được thắng-tri: (1) tất cả loài hữu-tình do ăn-uống mà an-trú; (2) Hữu-vi giới và vô-vi giới; (3) Ba giới (dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới); (4) bốn Thánh-đế (Khổ, Tập, Diệt, Đạo); (5) Năm giải-thoát-xứ (xem Kinh Phúng-Tụng); (6) Sáu chi vô-thượng (Kiến vô-thượng, văn vô-thượng, lợi-đắc vô-thượng, giới vô-thượng, hành vô-thượng, ức-niệm vô-thượng); (7) Bảy thù-diệu-sự (xem Kinh

Phúng-Tụng); (8) Tám thắng-xứ (xem Kinh Phúng-Tụng); (9) Chín thứ-đệ-trú (xem Kinh Phúng- Tụng); (10) Mười đoạn-tận sự (chánh-kiến đoạn-tận tà-kiến cùng các ác-pháp đồng thời tăng-cường thiện-pháp, chánh tư-duy đoạn-tận tà-tư-duy, chánh-ngữ đoạn-tận tà-ngữ, chánh-nghiệp đoạn-tận tà- nghiệp, chánh-mạng đoạn-tận tà-mạng, chánh-niệm đoạn-tận tà-niệm, chánh-định đoạn-tận tà-định, chánh-giải-thoát đoạn-tận tà-giải-thoát.

10. Pháp-tu cần được chứng-ngộ: (1) Bất-động tâm giải-thoát; (2)Minh và giải-thoát; (3) Ba minh (túc-mạng-minh, sanh-tử minh, lậu-tận minh); (4) Bốn quả Sa-môn (Dự-lưu, Nhứt-lai, Bất-lai, A-la- hán); (5) Năm pháp-uẩn (giới-uẩn, định-uẩn,tuệ-uẩn, giải-thoát uẩn, giải-thoát tri-kiến uẩn); (6) Sáu thắng-trí (thần-túc thông, thiên-nhãn, thiên-nhĩ, tha-tâm thông, túc-mạng thông, lậu-tận thông); (7) Bảy lậu-tận lực (dùng chánh-tuệ quán pháp hữu-vi vô-thường, quán các dục-vọng, tâm hướng xuất-ly, tu- tập bốn niệm an-trú, năm căn, bảy Giác-chi và Bát-Chánh-Đạo dùng làm sức mạnh để biết mình đã diệt-tận các lậu-hoặc); (8) Tám giải-thoát (Kinh Ph.-Tụng); (9) Chín thứ-đệ diệt (Kinh Ph.-Tụng); (10) Mười vô-học pháp (Kinh Phúng-Tụng).

Tôn-giả Xá-lợi-phất kết-thúc bài giảng như sau: "Như vậy, một trăm pháp nầy là chơn-thật, như thị, ..., không phải sai-khác, đã được Như- Lai giác-ngộ."

159. ĐỌC KINH THẬP THƯỢNG, CHÚ-Ý ĐIỂM NÀO?

Kinh Thập Thượng liệt-kê 100 bản Kinh đã được đức Phật giảng, Tôn-giả Xá-lợi-phất sắp-xếp lại theo thứ-tự từ loại một pháp cho đến loại mười pháp nhưng với đặc-điểm là các pháp được qui vào mười đề-mục từ các pháp "có nhiều tác-dụng" cho đến các pháp "cần được chứng-ngộ". Có lẽ đó là lý-do lấy hai chữ "Thập Thượng" (mười điều trên cao) làm tên Kinh.

(TN. Mtl, 2006-03-26).

-ooOoo-

Tham khảo: Trường Bộ Kinh, Hòa thượng Minh Châu dịch Việt.

-ooOoo-

Chân thành cám ơn đạo hữu Thiện Nhựt đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 09-2006).

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.